

PATRICK MODIANO

PHỐ
NHỮNG
CỬA HIỆU
VÀ TỐI



Bookaholic
CLUB

PATRICK MODIANO

PHỐ
NHỮNG
CỬA HIỆU
VÀ TỐI



Bạn đang đọc ebook **PHỐ NHỮNG CỬA HIỆU U TỐI** của tác giả **Patrick Modiano** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook (Making Ebook Project)**. Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao.

Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn. **Making Ebook Project** của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc - người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến ấn phẩm sách.



Tên sách: **PHỐ NHỮNG CỬA HIỆU U TỐI**

Tác giả: **Patrick Modiano**

Nguyên tác: *Rue des boutiques obscures*

Dịch giả: Dương Tường

Nhà xuất bản: Hội Nhà Văn

Năm xuất bản: 2003

Số trang: 226

Khổ: 13x19 cm

Giá tiền: 18.000 Đồng

Đánh máy: [Tố Uyên, Nga Dương, Kim Phượng, Minh Chi, Thảo Đoàn](#)

Kiểm tra: [Quang Hải](#)

Chế bản ebook: [Hannah Lê](#)

Ngày thực hiện: 4/11/2010

Making Ebook Project #58 – www.BookaholicClub.com

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

I

II

III

IV

V

VI

VII

VIII

IX

X

XI

XII

XIII

XIV

XV

XVI

XVII

XVIII

XIX

XX

XXI

XXII

XXIII

XXIV

XXV

XXVI

XXVII

XXVIII

XXIX

XXX

XXXI

XXXII

XXXIII

XXXIV

XXXV

XXXVI

XXXVII

XXXVIII

XXXIX

XL

XLI

XLII

XLIII

XLIV

XLV

XLVI

XLVII

Cét ouvrage, publié dans le cadre du programme de participation à la publication Nguyen Van Vinh, bénéficie du soutien du Centre Culturel et de Coopérasion de l'Ambassade en France en République Socialiste du Vietnam”.

“Cuốn sách này xuất bản trong khuôn khổ chương trình hợp tác xuất bản Nguyễn Văn Vĩnh, được sự giúp đỡ của Trung tâm văn hóa và Hợp tác Đại sứ quán Pháp tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam”.

LỜI GIỚI THIỆU



Sự xuất hiện của Patrick Modiano vào cuối thập kỷ 60 được coi như một hiện tượng của văn học Pháp đương đại. Ra đời năm 1945 ở Boulogne Billancourt, Paris, vào lúc kết thúc Thế Chiến II, Modiano thuộc một thế hệ chỉ biết về chiến tranh qua những vang vọng xa nhòa, song cách nào đó, dấu vết của những cơn “binh lửa can qua” trên qui mô hành tinh lại hằn sâu trong tâm thức ông như một ám ảnh thường trực. Năm 1968, Modiano trình làng cuốn tiểu thuyết đầu tay *Quảng trường ngôi sao* (La place de l’Etoile) và cũng một lúc giật hai giải thưởng văn học Roger Nimier và Fenméon. Sau cuốn *Tuần tra đêm* (La ronde de nuit - 1969) và một quãng lặng sáu năm, tác phẩm thứ ba của ông *Những đại lộ ngoại vi* (Les boulevards de ceinture - 1975) được Viện Hàn Lâm Pháp tặng giải thưởng lớn về tiểu thuyết. Và ba năm sau, giải Goncourt, giải văn học quan trọng nhất của Pháp, được trao cho ông về cuốn *Phố những cửa hiệu u tối* (Rue des boutiques obscures). Đều đặn, mỗi năm ông cho ra một tác phẩm, trong đó có thể kể: *Biệt thự buồn* (Villa briste), *Biên niên ký gia đình* (Livret de famille), *Một thời thanh xuân* (Une jeunesse), *Những chàng trai tốt biết mấy* (De si braves garçons), *Khu phố hẻo lánh* (Quartier perdu), *Phòng để quần áo thời thơ ấu* (Vestiaire de l’enfance), *Chuyến du hành tân hôn* (Voyage de nocces),... và mới đây, trong mùa sách 1992, *Một gánh xiếc đi qua* (Un cirque passe).

Patrick Modiano một mình chiếm một vị trí riêng biệt trên văn đàn. Tuần báo *Nouvelles Littéraires* (Tin văn học) đánh giá ông “là người tuyệt vời nhất, kỳ diệu nhất và chắc chắn là có tài nhất trong số các nhà văn trẻ của nước Pháp” (số 2774 năm 1981). Giới phê bình Pháp coi ông trước hết như là người lật nhào các qui tắc của tiểu thuyết tiên phong mới. Điều làm cho Modiano trở thành một gương mặt độc đáo, duy nhất trong loại của mình, là nỗi băn khoăn day dứt về bản thể và hiện hữu của mình. Modiano coi bản thân mình cũng như cả thế hệ ông là những người không có thời gian. Suy nghĩ định vị cho mình trong Lịch sử, tìm hiểu quá khứ của mình trong quá khứ lịch sử và dưới ánh sáng ấy, hình dung rõ hơn những đường nét của tương lai, đó là quan niệm chủ yếu của ông thể hiện qua các tác phẩm. Sự sụp đổ của những ảo tưởng tháng 5/1968 lại càng khiến cho sự tự vấn rất “Hamlet” ấy thêm nhức nhối trong Modiano. Ông cho rằng một khi qua được cuộc sát hạch ngược trở về mê cung quá khứ thì sẽ có thể trả lời câu hỏi mình là gì hiện nay. Đường như ông muốn thử thách bản thân bằng cách tự đặt mình trong hoàn cảnh gay go của những năm chiến tranh, tự kiểm nghiệm xem mình có thể ứng xử như thế nào và làm gì trong những điều kiện ấy. Quan tâm đến độ quần quai của Modiano đối với quá khứ, đặc biệt là thời kỳ chiếm đóng, là một phẩm chất cực kỳ hiện đại của văn học Pháp hiện nay. Một số lớn tác phẩm của ông được đặt trong khung cảnh của thời kỳ nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng (1940 - 1944) nghĩa là trước khi có ông. Ý đồ xác định vị trí của mình trong lịch sử, ở các tiểu thuyết của Modiano, vượt lên thành những vấn đề có tầm rộng lớn hơn: con người và thời gian. Con người có quan hệ như thế nào với sự vận-động-tàn-phá-tất-thảy của thời gian? Câu trả lời cho vấn đề có vẻ siêu hình ấy là cần phải xác định minh bạch vị trí của mình trong sự vận động ấy - không những anh là anh như hiện nay, mà còn còn thế như là những gì có trước anh nữa. “Con người bao giờ cũng tò mò muốn biết cội nguồn của mình”, Modiano thổ lộ. Việc đi tìm những “cội nguồn” ấy trở thành nét chủ đạo của các nhân vật trong mọi tác phẩm của ông.

Ở *Những đại lộ ngoại vi* ^[1], đó là những tìm kiếm đau khổ của nhân vật chính dò theo dấu vết của cha mình - không chỉ nghĩa đen, mà còn (và thậm

chí là chủ yếu) theo nghĩa bóng, nghĩa ẩn dụ: tìm sự gần gũi bên trong với con người ấy, đúng hơn, với quá khứ ấy.

Suy nghĩ về con người như một hạt cát xoáy lộn trong dòng thác thời gian, cố gắng tập trung vào số phận con người, Modiano dường như nhằm chủ yếu vun đắp một ý thức về hiện hữu, hơn là dựng lên một bức tranh hình tượng cụ thể về thế giới. Điều đó cũng khá rõ ở *Một gánh xiếc đi qua*, cuốn tiểu thuyết mới nhất của ông vừa ra mắt vào mùa sách này ở Pháp. Một chàng trai không biết từ đâu tới, một cô gái không biết còn trong trắng hay đã mang nặng một quá khứ xáo động, một cuộc gặp gỡ khó tin và nàng kéo chàng vào một Paris kỳ ảo rồi biến mất. Gánh xiếc đã đi qua, nhưng dấu hằn để lại là mãi mãi.

Phố những cửa hiệu u tối, giải thưởng Goncourt, một trong những tác phẩm chủ yếu của Modiano, là nỗi khắc khoải triền miên về nguy cơ đánh mất danh tính và bản cách. Điều gì đã thúc đẩy anh chàng Guy Roland, nhân viên của một hãng thám tử tư, lao theo dấu vết của một người không quen biết đã mất tích từ lâu? Đó là nhu cầu da diết tìm lại được mình sau bao đời của con người vốn xưa kia có thể là anh ta, kiên nhẫn lần mò về những nơi có thể đã từng chứng kiến cuộc tình của anh ta với một người đàn bà giờ đây đã biệt tăm, cố bầu vào những bóng mờ của những nhân chứng duy nhất từng tham dự vào thời thanh xuân của gã môi giới hàng mang hộ chiếu đáng ngờ dưới cái tên Patro Mc Evoy, mà, cuối cùng, anh ta tin rằng chính là mình. Như trong một vòng đu quay, những mẫu ký ức loang loáng, chập chờn, rời rạc không ngừng xoáy trộn với những câu hỏi đau đớn: “Tôi là ai?... Có đúng đó là đời tôi không? Hay là đời một người khác mà tôi đã lén vào?” Hình như đây không chỉ là một bi kịch cá nhân, mà còn là bi kịch của cả nhiều cộng đồng. Chúng ta đã chẳng chứng kiến những quá trình đau đớn tìm lại danh tính và bản cách bị thất lạc của nhiều dân tộc trong những năm hỗn mang của đoạn cuối thế kỷ này sao?

Modiano có cái tài “phù phép” với thời gian, xóa nhòa được ranh giới giữa các lớp thời gian khác nhau, khiến cho những sự vật hiện ra như không thể tin được dưới một ánh sáng lung linh kỳ ảo. Với *Phố những cửa hiệu u tối*, ông đã khẳng định vị trí đặc biệt của mình trong văn học Pháp nửa sau thế kỷ 20. Tất cả các tiểu thuyết của ông đều được xếp vào danh sách các

tác phẩm hay nhất hàng năm ở Pháp. Và có lẽ giá trị lớn nhất của Modiano là ở chỗ nỗ lực không mệt mỏi khôi phục một ý thức nhân bản - quan tâm tìm về và bám chắc không rời xa cội nguồn nếu muốn khỏi bị tha hóa.

Dương Tường

Tặng Rudy

Tặng cha tôi

I

Tôi chẳng là cái gì cả. Chỉ là một cái bóng sáng, chiều hôm ấy, ở ngoài hiên một tiệm cà-phê. Tôi đợi cho tạnh mưa, một cơn mưa rào bắt đầu đổ xuống từ lúc Hutte chia tay với tôi.

Mấy giờ trước đó, chúng tôi gặp lại nhau lần cuối tại trụ sở của “Hãng”. Hutte ngồi đằng sau một bàn giấy đồ sộ, như mọi khi, những vắn mặc nguyên áo măng tô, tạo ra cái cảm giác thật sự là sắp có một cuộc ra đi. Tôi ngồi trước mặt ông, trong chiếc ghế bành da dành cho khách hàng. Ngọn đèn pha-lê trắng đục tỏa một ánh sáng gắt làm tôi chói mắt.

- Vậy đó, Guy... Thế là hết. Hutte thở dài nói.

Một tập hồ sơ nằm chỏng chơ trên bàn. Có lẽ là hồ sơ của một người đàn ông thấp bé, da nâu, mặt húp húp với cái nhìn nhớn nhác, đã thuê chúng tôi theo dõi vợ y. Chiều hôm ấy, cô ta sắp đến với một gã đàn ông khác, cũng da nâu, mặt húp húp, ở một khách sạn phố Vital, gần đại lộ Paul-Doumer.

Hutte tư lự vuốt râu, một bộ râu muốn tiêu ngắn nhưng phủ kín cả hai má. Đôi mắt to trong sáng của ông nhìn đắm trong khoảng không. Bên cạnh bàn giấy là chiếc ghế mây tôi vẫn ngồi trong giờ làm việc. Đằng sau Hutte, những ngăn đựng sổ sách giấy tờ bằng gỗ sẫm màu che kín nửa bức tường, trên đó xếp đầy những cuốn Bottin^[2] và niên giám đủ loại của năm mươi năm vừa qua. Hutte thường nói với tôi rằng đó là những công cụ làm việc không gì thay thế được mà ông không bao giờ rời xa. Rằng những cuốn Bottin ấy và những bộ niên giám ấy hợp thành tủ sách quý nhất, li kì nhất mà người ta có thể sở hữu, vì trên những trang của chúng, có liệt kê cơ man nào là người, sự vật, những thế giới đã mất đi mà duy chỉ có chúng làm chứng.

- Rồi ông sẽ làm gì với tất cả đồng những cuốn Bottin này? Tôi hỏi Hutte, tay khoát một vòng chỉ những ngăn sách.

- Tôi để chúng lại đây, Guy ạ. Tôi vẫn giữ khế ước thuê căn hộ này.

Ông đảo mắt nhanh nhìn quanh. Hai cánh cửa thông vào gian phòng nhỏ bên cạnh để mở và có thể thấy chiếc tràng kỉ bọc nhung đã sờn, cái lò sưởi và tấm gương phản chiếu những dãy niên giám và Bottin cùng bộ mặt của Hutte. Khách hàng của chúng tôi thường đợi ở gian này. Những tấm thảm Ba Tư phủ lên sàn gỗ. Trên tường, cạnh cửa sổ, treo một thánh tượng.

- Cậu nghĩ gì vậy Guy?

- Chẳng nghĩ gì cả. Vậy ông vẫn giữ khế ước thuê nhà?

- Phải. Thỉnh thoảng, tôi sẽ trở lại Paris và trụ sở Hãng sẽ là nơi ghé chân của tôi.

Ông chìa hộp thuốc lá mời tôi.

Tôi thấy cứ giữ trụ sở Hãng nguyên như cũ thì đỡ rầu lòng hơn.

Vậy là chúng tôi đã làm việc với nhau hơn tám năm. Chính ông đã lập cái hãng thám tử tư này vào năm 1947 và cộng tác với nhiều người khác trước tôi. Nhiệm vụ chúng tôi là cung cấp cho khách hàng cái mà Hutte gọi là “tình báo thời lưu”. Mọi sự diễn ra - như ông sẵn sàng nhắc đi nhắc lại - trong nội bộ “giới xã giao”.

- Ông tin rằng ông có thể sống được ở Nice?

- Được chứ.

- Ông sẽ không buồn chán?

Ông thở mạnh khói thuốc lá.

- Đến một ngày nào, người ta phải về hưu thôi, Guy ạ.

Ông nặng nề đứng dậy. Hutte hẳn phải nặng trên một tạ và cao tới một mét chín mươi lăm.

- Tôi đi chuyển tàu 22 giờ 55. Chúng ta còn thì giờ làm một li.

Ông đi trước tôi trong hành lang dẫn ra tiền sảnh. Phòng này có hình bầu dục đến lạ, tường màu xanh đã lột. Một chiếc cặp đen, đầy đến mức không đóng nắp được, đặt ở dưới đất. Hutte cầm lên, vừa xách vừa lấy tay đỡ bên dưới.

- Ông không mang theo hành lý?

- Tôi đã gửi đi trước cả rồi.

Hutte mở cửa ra vào và tôi tắt đèn tiền sảnh. Trên sàn đầu cầu thang, Hutte ngăn ngừa một lát trước khi đóng cửa và cái tiếng “cách” kim khí ấy nhói vào tim tôi. Nó đánh dấu chấm hết một giai đoạn dài của đời tôi.

- Cái đó làm ta rầu lòng, phải không, Guy? Hutte nói với tôi và rút trong túi áo măng tô ra một chiếc mùi-soa lớn lau mồ hôi trán.

Trên cánh cửa vẫn gắn tấm biển đá hoa cương đen hình chữ nhật có ghi những chữ dát vàng và óng ánh vảy nhỏ.

C.M. HUTTE

Điều tra chuyện riêng.

- Tôi để nó lại, Hutte bảo tôi.

Rồi xoay một vòng chìa khóa.

Chúng tôi đi theo đại lộ Niel đến tận quảng trường Pereire.

Đêm xuống và mặt dầu đã vào đông, không khí vẫn còn ẩm. Quảng trường Pereire, chúng tôi ngồi ở ngoại hiên quán Hortensias. Hutte thích quán cà-phê này vì ghế ở đây có mặt bện mây “như ngày xưa”.

- Còn cậu, Guy, rồi cậu sẽ ra sao? Ông hỏi tôi sau khi uống một ngụm.

- Tôi ấy à? Tôi đang dò theo một manh mối.

- Một manh mối?

- Vâng. Một manh mối dẫn về quá khứ của tôi.

Tôi nói câu đó bằng một giọng khoa trương khiến ông tủm tỉm cười.

- Trước nay, tôi vẫn tin rằng một ngày kia cậu sẽ tìm lại được quá khứ của mình.

Lần này ông nói nghiêm trang và điều đó làm tôi cảm động.

- Nhưng cậu thấy không, Guy, tôi cứ băn khoăn chẳng biết việc ấy có bỏ công sức bỏ ra hay không.

Ông lại im lặng. Ông mơ tưởng đến cái gì? Đến quá khứ của bản thân?

- Tôi đưa cậu một chìa khóa trụ sở Hãng để thỉnh thoảng cậu có thể ghé qua. Cho tôi vui lòng.

Ông chìa cho tôi một chiếc chìa khóa và tôi bỏ vào túi quần.

- Và nhớ gọi đây nói cho tôi ở Nice nhé. Cho tôi biết tình hình... về quá khứ của cậu.

Ông đứng dậy và bắt tay tôi.

- Ông có muốn tôi tiễn ông ra tàu không?

- Ồ, không... không... Như thế thì buồn lắm...

Ông bước một bước ra khỏi tiệm cà-phê, tránh không ngoảnh lại, và tôi bỗng cảm thấy một cảm giác trống rỗng. Con người này đã đóng vai trò rất quan trọng đối với tôi. Không có ông, không có sự giúp đỡ của ông, tôi không hiểu mình đã ra sao hồi mười năm trước đây, khi mà dùng một cái tôi bị bệnh mất trí nhớ, đâm ra mò mẫm trong sương mù. Trường hợp của tôi đã làm ông động lòng thương, và nhờ có nhiều mối quan hệ giao dịch, thậm chí ông đã xoay được cả hộ tịch cho tôi nữa.

- Này, - bữa ấy ông vừa bảo tôi vừa mở một chiếc phong bì đựng một thẻ căn cước và một tấm hộ chiếu. - Bây giờ cậu tên là Guy Roland.

Rồi người thám tử mà tôi đến nhờ đem tài khéo léo ra tìm kiếm giúp những nhân chứng hoặc dấu vết của quá khứ tôi, đã nói thêm:

- Anh bạn “Guy Roland” thân mến của tôi, từ nay trở đi, đừng ngoảnh nhìn lại đằng sau nữa, mà hãy nghĩ đến hiện tại và tương lai. Tôi đề nghị cậu hãy làm việc với tôi.

Sở dĩ ông có thiện cảm với tôi, đó là vì cả ông nữa - sau này tôi được biết vậy - cũng đã mất dấu tích lai lịch bản thân và cả một phần cuộc đời ông, dùng một cái, đã chìm lịm không sót lại lấy một đầu mối dây liên hệ nào khả dĩ có thể nối lại được với quá khứ. Bởi vì, thử hỏi có cái gì tương đồng giữa ông già mệt mỏi mà tôi thấy đang đi xa dần vào trong đêm, mình khoác chiếc măng tô đã sờn, tay xách chiếc cặp đen to tướng, với tay chơi quần vợt ngày xưa, vị nam tước vùng Balte tóc vàng, đẹp trai Vonstatin von Hutte?

II

- Alô? Ông Paul Sonachizé?

- Dích thị.

- Guy Roland ở đầu dây đây. Ông biết đấy, tôi...

- Phải, tôi biết! Chúng ta có thể gặp nhau chứ?

- Tùy ý ông.

- Chẳng hạn... tối này, khoảng chín giờ, tại phố Anatole-Lò Rèn?... Ông thấy có được không?

- Đồng ý.

- Tôi đợi ông. Lát nữa nhé.

Hắn buông máy đột ngột và mồ hôi chảy dọc hai thái dương tôi. Trước đó, tôi đã uống một ly cô-nhắc để lấy can đảm. Tại sao một điều vặt vãnh như quay một số điện thoại lại gây cho tôi bao cực nhọc và lo sợ đến thế?

Ở tiệm “bar” phố Anatole-Lò Rèn, không có người khách nào và hắn đứng sau quầy, vận thường phục.

- Ông gặp tôi đúng lúc, hắn nói. Tôi nghỉ tất cả các tối thứ tư.

Hắn tiến đến, nắm lấy vai tôi.

- Tôi đã nghĩ nhiều đến ông.

- Cảm ơn.

- Điều đó thật sự làm tôi bận tâm, ông biết đấy...

Tôi những muốn bảo hấn khỏi lo lắng về tôi, nhưng không thốt lên lời.

- Cuối cùng, tôi cho rằng chắc ông đã từng lui tới một người nào đó mà tôi thường hay gặp vào một thời kỳ nào đó. Nhưng ai nhỉ?

Hấn lắc đầu.

- Ông không thể gợi cho tôi chút đầu mối sao?

- Không.

- Tại sao?

- Thưa ông, tôi mất hết trí nhớ.

Hấn tưởng tôi nói đùa, và làm như đây là một trò chơi hoặc một câu đố, hấn nói:

- Được. Tôi sẽ tự xoay sở lấy một mình. Ông để cho tôi toàn quyền hành động chứ.

- Nếu ông muốn.

- Vậy thì tối nay, tôi sẽ đưa ông tới dùng bữa tại nhà một người bạn.

Trước khi ra khỏi nhà, hấn đóng mạnh cầu dao điện và xoay mấy vòng chìa khóa khóa chặt cánh cửa gỗ đồ sộ.

Xe hấn đậu ở hè đường đối diện. Xe màu đen và mới. Hấn lịch sự mở cửa xe cho tôi.

- Người bạn này trông coi một cửa hàng ăn rất dễ thương ở địa giới giữa Ville-d'Avray và Saint-Cloud.

- Và chúng ta đi đến tận đó?

- Vâng.

Từ phố Anatole-Lò Rèn, chúng tôi đâm ra đại lộ Đại Quân và tôi bỗng muốn rời khỏi xe. Đi đến tận Ville-d'Avray, đối với tôi, dường như là một thử thách không thể vượt nổi. Nhưng cần phải can đảm.

Suốt dọc đường, cho tới lúc chúng tôi đến cửa ngõ Saint-Cloud, tôi đã phải đấu tranh với cơn sợ hãi thất đảm bóp thắt tim. Tôi chỉ mới quen biết sơ sơ tay Sonachitzé này. Liệu hẳn có đưa tôi vào bẫy không nhỉ? Nhưng dần dà, trong khi nghe hẳn nói, tôi thấy yên tâm. Hẳn kể với tôi những chẳng khác nhau trong cuộc đời nghề nghiệp của hẳn. Thoạt đầu, hẳn làm ở những hộp đêm Nga, rồi Kanger, một cửa hàng ăn nằm trong những khu vườn Champs-Élysées, rồi chuyển sang khách sạn Castille, phố Cambon, và qua nhiều cơ sở khác trước khi về trông coi cái “bar” này ở phố Anatole-Lò Rèn. Lần nào, hẳn cũng gặp Jean Heurteur, người bạn mà chúng tôi đang tới nhà, thành thử họ cặp kè với nhau suốt trong khoảng hai mươi năm nay. Heurteur cũng có trí nhớ. Hai gã hợp lực lại nhất định sẽ giải được “câu đố hóc hiểm” do tôi đặt ra.

Sonachitzé lái rất thận trọng và chúng tôi phải mất gần bốn mươi lăm phút mới tới nơi.

Một thứ “băngolâu” ^[3], phần bên trái khuất sau một cây liễu. Mé tay phải, tôi thấy một đám bụi rậm. Phòng ăn của cửa hàng rộng rãi. Từ cuối phòng sáng rực, một người đàn ông tiến về phía chúng tôi. Gã chìa tay cho tôi bắt.

- Rất hân hạnh được gặp ông. Tôi là Jean Heurteur.

Rồi, với Sonachitzé:

- Chào Paul.

Gã kéo chúng tôi về phía cuối phòng. Một bàn bày ba suất ăn trưa kê sẵn, với một bó hoa ở chính giữa.

Gã chỉ một trong những cửa sổ lớn sát mặt đất.

- Tôi đang có khách ở “băngolâu” bên kia. Một đám cưới.

- Ông chưa bao giờ đến đây phải không? Sonachitzé hỏi tôi.

- Vâng.

- Vậy thì, Jean, hãy đưa ông ấy đi xem quang cảnh quanh đây.

Heurteur đi trước dẫn tôi ra một hàng hiên trông ra một con hồ. Bên trái, một cây cầu cong kiểu Tàu dẫn đến một “băngolâu” khác bên kia hồ. Các cửa sổ lớn sáng choang và tối thấy nhiều cặp đang sau đó. Họ đang khiêu vũ. Từ phía đó, từng khúc nhạc đứt quãng văng tới chúng tôi.

- Họ không đông lắm, gã nói với tôi, và tôi có cảm giác là đám cưới này sẽ kết thúc bằng một cuộc truy hoan.

Gã nhún vai.

- Ông phải đến vào dịp hè cơ. Mùa ấy, ăn tối ngoài hiên thật dễ chịu.

Chúng tôi trở vào phòng ăn và Heurteur đóng cửa sổ lớn.

- Tôi đã chuẩn bị một bữa tối giản dị không bày vẽ, mời các ông.

Gã ra hiệu mời chúng tôi ngồi. Họ ngồi cạnh nhau, đối diện tôi.

- Ông thích dùng loại rượu vang gì? Heurteur hỏi tôi.

- Tùy ông.

- Château-petrus?

- Ý kiến hay đấy, Jean ạ, Sonachitzé nói.

Một thanh niên mặc vét trắng hầu bàn chúng tôi. Ánh sáng ngọn đèn gắn trên tường rọi thẳng vào tôi và làm tôi chói mắt. Hai người kia ở trong bóng tối, nhưng hẳn là họ xếp tôi ngồi đấy để dễ nhận dạng tôi hơn.

- Thế nào, Jean?

Heurteur đã bắt đầu ăn món thịt băm nhồi gà của mình và thỉnh thoảng lại phóng về phía chúng tôi một tia nhìn sắc nhọn. Da gã cũng nâu nâu như Sonachitzé và cũng nhuộm tóc như hẳn. Một lớp da sần sùi, đôi má nhẽo và cặp môi mỏng của kẻ sành ăn.

- Phải, phải... gã lắm rằm.

Tôi chớp chớp mắt vì chói sáng. Gã rót rượu vang cho chúng tôi.

- Phải... phải... tôi tin rằng tôi đã gặp tôn ông đây...

- Quả là một bài toán nát óc, Sonachitzé nói. Tôn ông đây lại không chịu vẽ đường chỉ lối cho chúng ta.

Hắn bỗng như lóe ra một ý:

- Nhưng có lẽ ông không muốn chúng ta nói đến chuyện đó nữa? Ông ưng giữ kín “danh tính”?

- Không hẳn thế, tôi mỉm cười.

Gã bồi dọn ra món tuyền ức bê.

- Nghề nghiệp của ông là gì? Heurteur hỏi.

- Tôi đã làm việc tám năm trong một hãng thám tử tư, hãng của G.M. Hutte.

Họ trở mắt nhìn tôi, sững sốt.

- Nhưng điều đó không liên quan gì đến quãng đời trước của tôi. Cho nên các ông khỏi phải chú ý đến chuyện ấy.

- Thật kỳ lạ, Heurteur tuyên bố, mắt đăm đăm nhìn tôi, người ta khó mà đoán trúng tuổi ông.

- Chắc là vì bộ ria của tôi.

- Nếu không có bộ ria ấy, có lẽ chúng tôi đã nhận ra ông ngay tức thì, Sonachitzé nói.

Và hăn giơ cánh tay ra, đặt úp bàn tay ngay bên dưới mũi tôi để che bộ ria và chớp chớp mắt như một họa sĩ vẽ chân dung trước người mẫu của mình.

- Càng nhìn tôn ông, tôi càng có cảm giác là tôn ông đã từng ở trong một nhóm những khách lãng du ban đêm... Heurteur nói.

- Hồi nào? Sonachitzé hỏi.

- À... lâu rồi... Có lẽ đến một thiên thu chúng mình đã thôi không làm việc ở những hộp đêm nữa, Paul...

- Cậu cho rằng đó là vào thời kỳ ở Tanagra?

Heurteur dán vào một cái nhìn càng lúc càng da diết.

- Xin lỗi, gã bảo tôi, ông có thể đứng dậy một giây được không?

Tôi làm theo. Gã ngăm tôi từ đầu đến chân rồi lại từ chân lên đầu.

- Phải, nhìn ông tôi nhớ đến một khách hàng. Tầm vóc ông... Khoan đã... Gã giơ tay và sững người như muốn níu giữ một cái gì có nguy cơ tan biến mất lúc nào.

- Khoan... khoan... Đúng rồi, Paul...

Y nở một nụ cười đắc thắng.

- Ông có thể ngồi xuống...

Y mừng rỡ. Y chắc hẳn điều mình sắp nói ra sẽ gây tác động. Y rót rượu vang cho tôi và Sonachitzé một cách trịnh trọng.

- Này nhé... Ông luôn luôn cặp kè với một gã cao bằng ông... Có lẽ còn cao hơn nữa cơ... Cậu không nhớ ra sao Paul?

- Nhưng cậu nói về thời kỳ nào mới được chứ? Sonachitzé hỏi.

- Tất nhiên về thời kỳ ở Tanagra...

- Một gã cao bằng ông đây? Sonachitzé lăm lăm một mình. Ở Tanagra?

- Cậu không thấy ư?

Heurteur nhún vai.

Bây giờ đến lượt Sonachitzé nở một nụ cười đắc thắng. Hắn gật đầu.

- Mình thấy...

- Ai vậy nào?

- Stioppa.

- Phải, Stioppa.

Sonachitzé quay về phía tôi.

- Ông biết Stioppa chứ?

- Có thể, tôi thận trọng đáp.

Có chứ lì... Heurteur nói. Ông thường hay đi vùng Stioppa. Tôi dám chắc thế...

- Stioppa.

Căn cứ vào cách Sonachitzé phát âm chữ đó, chắc chắn đó là một cái tên Nga.

- Chính anh ta bao giờ cũng đề nghị dàn nhạc chơi bài Alaverdi... Heurteur nói. Một ca khúc vùng Caucase.

- Ông nhớ chứ? Sonachitzé vừa nói vừa bóp cổ tay tôi rất mạnh: Alaverdi...

Hắn huyết sáo giai điệu đó, mắt long lanh. Đột nhiên tôi cũng xúc động. Hình như tôi có biết giai điệu này.

Giữa lúc ấy, gã bồi phòng phục vụ bữa ăn lại gần Heurteur và chỉ cho y một cái gì ở cuối phòng.

Một người đàn bà đơn độc ở một bàn trong vùng tranh sáng tối. Nàng mặc áo dài xanh nhạt và tì cằm lên lòng bàn tay. Nàng đang mơ mộng điều chi?

- Cô dâu.

- Cô ta đang làm gì ở đó? Heurteur hỏi?

- Tôi không biết, gã bồi đáp.

- Anh đã hỏi cô ta muốn gì chưa?
- Không. Không. Cô ta không muốn gì cả.
- Còn những người khác?
- Họ đã gọi thêm một chục chai Krug.

Heurteur nhún vai.

- Cái đó không liên quan gì đến tôi.

Còn Sonachitzé, vốn chẳng chú ý gì đến “cô dâu” cũng như những điều bạn hắn nói, thì cứ nhắc đi nhắc lại với tôi:

- Ấy vậy... Stioppa... Ông còn nhớ Stioppa chứ?

Hắn bị kích động đến nỗi cuối cùng tôi phải trả lời với một nụ cười mà tôi muốn cho có vẻ bí ẩn.

- Vâng, vâng. Có hơi hơi nhớ...

Hắn quay lại Heurteur và nói với gã này, giọng long trọng:

- Ông ấy có nhớ Stioppa.
- Chính mình cũng vẫn nghĩ thế.

Gã bồi mặc vét trắng vẫn đứng im sững trước mặt Heurteur, vẻ bối rối.

- Thưa ông, tôi cho rằng họ sắp sửa dùng các phòng... Phải làm gì ạ?

- Tôi đã ngờ ngợ cuộc hôn lễ này sẽ kết thúc tệ hại... Này, anh bạn, cứ thôi kệ. Điều đó không liên quan gì đến chúng ta...

Đằng kia, cô dâu vẫn ngồi nguyên không nhúc nhích ở bàn mình và hai tay đã khoanh lại.

- Tôi không hiểu tại sao cô ta cứ ngồi đó một mình. Heurteur nói. Rút cuộc, cái đó không liên quan gì đến chúng ta.

Và y gạt trái bàn tay như để xua một con ruồi.

- Ta hãy quay trở lại vấn đề của ta, y nói. Vậy ông thừa nhận là có quen Stioppa?

- Vâng, tôi thờ dài.

- Do đó, các ông đã từng thuộc về cùng một băng... Một băng cực kỳ vui vẻ, phải không Paul?

-Ồ...! Họ đã biến mất tăm tất cả, Sonachitzé nói, giọng sâu thẳm. Trừ ông... Tôi rất sung sướng đã có thể... “định vị” được ông... Ông đã từng thuộc về băng của Stioppa...

Tôi chúc mừng ông. Đó là một thời kỳ đẹp đẽ hơn thời kỳ này của chúng ta và nhất là mọi người đạo ấy tốt hơn bây giờ...

- Và nhất là, chúng ta hồi ấy còn trẻ, Heurteur cười nói.

- Đó là vào năm nào? tôi hỏi, tim đập thình thình.

- Chúng tôi đã đoạn tuyệt với những niên đại, Sonachitzé nói. Dù sao mặc lòng, đó cũng thuộc thời hồng thủy.

Đột nhiên hắt rũ xuống:

- Đôi khi có những sự trùng hợp, Heurteur nói.

Và y đứng dậy, đi về phía quầy rượu nhỏ trong góc phòng và trở về chỗ chúng tôi mang theo một tờ báo, lần giở các trang. Sau cùng, y đưa ra tờ

báo cho tôi, chỉ cho tôi đoạn thông báo dưới đây:

“Chúng tôi xin báo tin bà Marie de Résen đã qua đời ngày 25 tháng 10, thọ 82 tuổi.

“Theo yêu cầu của con gái, con trai, các cháu nội ngoại của bà, các cháu gọi là bằng bác, cô, dì cùng con cái của họ.

“Và của các bạn bà là Georges Saches và Stioppa de Diagorieu.

Lễ tang theo nghi thức tôn giáo sẽ cử hành hồi 16 giờ ngày 4 tháng 11 tại nhà thờ của nghĩa trang Genevière-des-Bois.

“Lễ cầu hồn ngày thứ chín sẽ cử hành vào ngày 5 tháng 11 tại nhà thờ chính giáo Nga, số 19 phố Claude-Lorrain, Paris XVI.

“Thông báo này thay cho cáo phó”.

- Vậy là Stioppa hãy còn sống? Sonachitzé hỏi. Ông vẫn còn gặp ông ta chứ?

- Không, tôi nói.

- Ông làm thế là đúng. Phải sống thời hiện tại. Jean, rút cho tụi mình một chầu chứ?

- Có ngay.

Từ lúc đó trở đi, họ hoàn toàn thôi không quan tâm đến Stioppa và quá khứ của tôi. Nhưng điều đó chẳng quan trọng gì hết, bởi vì cuối cùng, tôi đã nắm được đầu mối.

- Ông có thể để cho tôi tờ báo này chứ? Tôi hỏi, giả bộ dửng dưng.

- Tất nhiên, Heurteur nói.

Chúng tôi chạm cốc. Như vậy, từ cái gì đó xưa kia đã từng là tôi, nay chỉ còn sót lại một cái bóng trong trí nhớ hai chủ tiệm “bar”, mà lại bị bóng của một gã Stioppa de Diagoriew nào đấy che khuất mất một nửa nữa. Và về cái gã Stioppa này, họ cũng chẳng được tin tức gì, “kể từ thời hồng thủy”, như Sonachitzé nói.

- Vậy ra ông là thám tử tư? Heurteur hỏi tôi.

- Bây giờ thì thôi rồi. Ông chủ tôi vừa về hưu.

Tôi nhún vai, không đáp.

- Dù sao đi nữa, tôi cũng sẽ rất sung sướng nếu được gặp lại ông. Lúc nào muốn, xin ông cứ trở lại đây.

Y đứng dậy và chìa tay cho chúng tôi.

- Xin lỗi... Tôi đưa các ông ra cửa, nhưng tôi còn phải làm sổ sách kế toán... Và còn bọn kia nữa, với cuộc truy hoan của họ...

Y thoát tay về phía hồ.

- Tạm biệt Jean.

- Tạm biệt Paul.

Heurteur tư lự nhìn tôi. Giọng rất chậm rãi:

- Bây giờ ông đứng dậy khiến tôi nhớ ra một điều khác...

- Cậu nhớ ra cái gì? Sonachitzé hỏi.

- Một khách hàng đêm nào cũng về rất muộn, hỏi chúng mình còn làm ở khách sạn Castille...

Đến lượt Sonachitzé ngắt tôi từ đầu đến chân.

- Rút lại, hăn nói với tôi, có thể ông là một khách trọ cũ của khách sạn Castille.

Tôi mỉm cười, bối rối.

Sonachitzé khoác tay tôi và chúng tôi đi ngang qua phòng ăn còn tối hơn lúc chúng tôi đến. Cô dâu mặc áo dài màu lơ nhạt không còn ngồi ở bàn nữa. Ra đến ngoài, chúng tôi nghe thấy những thoáng nhạc và những thoáng cười từ phía bên kia hồ vắng tới. Tôi hỏi Sonachitzé:

- Thưa ông, ông có thể nhắc lại cái bài hát ấy như thế nào, cái bài mà bao giờ ông... gì... gì... đó bao giờ cũng yêu cầu ấy?

- Stioppa.

- Vâng.

Hăn bắt đầu huýt sáo những phách đầu. Rồi dừng lại.

- Ông cần gặp Stioppa?

- Có thể.

Hăn riết cánh tay tôi rất mạnh.

- Ông hãy nói với hăn rằng Sonachitzé vẫn thường nghĩ đến hăn luôn.

Hăn lại nhìn tôi hồi lâu:

- Nói cho cùng, có lẽ Jean có lí. Ông đã từng là khách trọ của khách sạn Castille... Ông hãy cố nhớ... khách sạn Castille, phố Cambon..

Tôi ngoảnh đi và mở cửa xe. Một người nào đó ngồi thu lu trên ghế đằng trước, tì trán vào tấm kính. Tôi cúi xuống và nhận ra đó là cô dâu. Nàng đang ngủ, chiếc áo dài màu lơ nhạt tốc lên đến ngang đùi.

- Phải đưa cô ta ra khỏi đây thôi, Sonachitzé nói với tôi.

- Tôi khẽ lay nàg những nàg vẫn ngủ tiếp. Tôi bèn ôm ngang thân nàg và lôi được nàg ra khỏi xe.

- Dù sao cũng không thể đặt cô ta xuống đất được, tôi nói.

- Tôi bế nàg lên tận lữ quán. Đầu nàg gật trên vai tôi và mớ tóc vàng rơm của nàg mơn man cổ tôi. Nàg phả ra mùi nước hoa hăng hắc làm tôi nhớ đến một cái gì. Nhưng là cái gì nhỉ?

III

Sáu giờ kém mười lăm. Tôi đề nghị người lái xe tắc-xi đợi tôi trong phố nhỏ Charles-Widor và tôi đi bộ theo đường này đến tận phố Claude-Lorrain, nơi có nhà thờ Nga.

Một tòa lầu hai tầng, cửa sổ có rèm bằng the. Mé bên phải, một lối đi rất rộng. Tôi đứng rình ở hè đường đối diện.

Thoạt đầu, tôi thấy hai phụ nữ dừng lại trước cửa trông ra phố. Một người tóc nâu, ngắn và choàng khăn san len màu đen; người kia, tóc vàng rơm, đánh phấn tô son rất đậm, đội một chiếc mũ màu xám giống hình mũ của lính ngự lâm. Tôi nghe thấy họ nói tiếng Pháp.

Từ một chiếc tắc-xi, chui ra một ông già to béo, đầu hói trụi, với những túi hùm hụp dưới cặp mắt xếch kiểu Mông Cổ. Ông ta rẽ vào lối đi cạnh nhà.

Mé tay trái, từ phố Boileau, một nhóm năm người tiến về phía tôi. Đi đầu, hai phụ nữ đứng tuổi xốc nách một ông già, một lão trượng tóc trắng phơ và mảnh khảnh đến nỗi người ta có cảm giác như người cụt bằng vừa khô. Theo sau là hai người đàn ông giống như nhau, chắc là hai cha con, mỗi người mặc một bộ đồ xám có sọc may rất nhã, người cha có dáng công tử bột, người con tóc vàng rơm lượn sóng. Cùng lúc ấy, một chiếc xe hãm lại ngang tầm nhóm người và từ đó bước xuống một ông già khác cứng cỏi và nhanh nhẹn, choàng một chiếc áo choàng len không tay, tóc ngả bạc bắt ngắn kiểu bàn chải. Ông có dáng đi quân sự. Phải chăng đó là Stioppa?

Tất cả bọn họ vào nhà thờ bằng một cửa nách ở cuối lối đi. Tôi những muốn theo họ, song sự hiện diện của tôi giữa họ ắt sẽ khiến họ chú ý. Tôi cảm thấy một nỗi lo âu mỗi lúc một lớn khi nghĩ rằng mình có nguy cơ không nhận diện được Stioppa.

Một chiếc xe hơi vừa đậu ở cách xa hơn một chút, mé bên phải. Hai người đàn ông ra khỏi xe, rồi một phụ nữ. Một trong hai người nam rất cao, mặc một chiếc pa-đờ-xuy màu xanh nước biển. Tôi đi sang đường và đợi họ.

Họ lại gần, lại gần. Tôi thấy hình như người đàn ông cao lớn nhìn đôi vào mặt tôi trước khi rẽ vào lối đi cùng với hai người kia. Đằng sau những cửa sổ kính màu nhìn ra lối đi, những cây bạch lạp đang cháy. Người kia cúi xuống để qua cửa quá thấp đối với y và tôi chắc chắn đó là Stioppa.

Chiếc tắc-xi vẫn nổ máy, nhưng không có ai ở chỗ tay lái. Một cửa sổ mở hé, lối như người tài xế sắp trở lại bất cứ lúc nào. Anh ta ở đâu nhỉ? Tôi nhìn quanh và tôi quyết định đi quanh khối nhà tìm anh ta. Tôi tìm thấy gã trong một quán cà-phê ngay gần đấy, Phố Chardon-lagache. Gã ngồi ở một bàn, trước một vại bia.

- Ông còn lâu không? gã hỏi tôi.

- À... độ hai mươi phút.

Một gã tóc vàng rơm, da trắng, hai má to đầy và mắt xanh, lồi. Tôi chắc mình chưa bao giờ thấy một người đàn ông nào có những dải tai nung núc thịt như thế.

- Tôi cứ để công-tơ chạy, không sao chứ?

- Không sao cả.

Gã mỉm cười nhả nhận.

- Anh không sợ người ta đánh cắp mất chiếc tắc-xi của mình à?

Gã nhún vai:

- Ông biết đấy...

Gã gọi một ố xăng-đuých và vừa ăn thật lực, vừa nhìn tôi bằng con mắt rầu rầu.

- Đúng ra, ông chờ cái gì?

- Một người sẽ ra khỏi nhà thờ Nga cách đây một quãng.

- Ông là người Nga?

- Không.

- Thật ngớ ngẩn... Đáng lẽ ông phải hỏi y ra vào giờ nào... Như vậy sẽ đỡ tốn cho ông hơn...

- Kệ.

Gã gọi một vai bia nữa.

- Ông có thể mua giúp tôi tờ báo không? Gã bảo tôi.

Gã phác một cử chỉ như để tìm tiền lẻ trong túi, nhưng tôi ngăn lại.

- Thôi để tôi...

- Cảm ơn ông. Ông mang về cho tôi tờ *Con Nhím* nhé. Một lần nữa, xin cảm ơn, hỉ...

Tôi quanh quẩn mãi mới tìm ra được một người bán báo ở đại lộ Versailles. *Con Nhím* là một tờ báo in giấy màu xanh kem.

Gã vừa đọc vừa cau mày, mỗi lần giở qua trang lại lấy lưỡi thấm nước bọt vào ngón tay trở. Còn tôi thì nhìn gã to con tóc vàng rơm, mắt xanh, da trắng mịn ấy đọc tờ báo màu lục.

Tôi không dám ngắt quãng trong khi hắn đọc. Cuối cùng, gã xem chiếc đồng hồ đeo tay nhỏ xíu.

- Phải về thôi.

Phố Charles-Marie-Widor, gã ngồi vào tay lái chiếc tắc-xi của mình và tôi đề nghị gã chờ tôi. Một lần nữa tôi lại chiếm lĩnh vị trí trước cửa nhà thờ Nga, nhưng trên vỉa hè đối diện.

Chẳng có ai. Có lẽ họ về cả rồi chẳng? Nếu vậy thì tôi cũng chẳng còn cơ may nào tìm lại được dấu tích Stioppa de Diagoriew, vì cái tên đó không có trong cuốn Bottin của Paris. Những cây bạch lạp vẫn cháy đặng sau những cửa sổ kính màu bên mé lối đi. Trước đây, tôi có quen cái bà cụ rất cao niên mà họ vừa làm lễ cầu hồn cho, không nhỉ? Nếu tôi thường đi lại với Stioppa thì có lẽ y đã giới thiệu bạn bè y và hẳn là cả cái bà Marie de Resen này với tôi. Vào thời kỳ ấy, bà ta ắt đã lớn tuổi hơn chúng tôi nhiều.

Cái cửa họ đã đi qua để vào miếu đường làm lễ, cái cửa mà tôi không ngừng giám sát, đột ngột mở ra và người đàn bà tóc vàng đội mũ lính ngự lâm hiện ra trong khung cửa. Theo sau là nàng tóc nâu quàng khăn san đen. Rồi đến hai cha con vận com-lê xám có sọc, đỡ ông già bằng vớ khô đang nói chuyện với ông béo đầu hói, diện mạo Mông Cổ. Và ông này thì cúi xuống, gần như dán tai vào miệng người nói chuyện với mình: giọng ông già bằng vớ khô chắc chỉ còn thều thào như một hơi thở. Những người khác theo sau. Tôi rình ngóng Stioppa, tim đập rộn.

Cuối cùng, y ra trong số những người sau chót. Tầm vóc cao lênh khênh và chiếc măng-tô màu xanh nước biển của y giúp tôi khỏi mất hút y vì đám này rất đông, ít nhất cũng trên dưới bốn chục. Phần đông đã lớn tuổi, chúng tôi nhận thấy mấy thiếu phụ và cả hai đứa trẻ con. Tất cả nán lại trong lối đi và trò chuyện với nhau.

Thật cứ như một cái sân chơi của một tỉnh lẻ. Người ta đặt ông già có nước da màu vớ khô ngồi trên một băng ghế, và bọn họ lần lượt đến chào cụ. Ông lão là ai nhỉ? “Georges Saches”, người được nhắc đến trong lời cáo phó trên báo? Hay một học sinh trường Kiểm Đồng? Có lẽ ông và bà Marie de Resen này đã từng sống một cuộc huê tình ngắn ngủi ở Pétersbourg hay trên bờ Biển Đen trước khi mọi sự sụp đổ? Ông béo đầu hói, mắt Mông Cổ

cũng rất được chăm sóc. Hai cha con mặc đồ xám có sọc đi từ tốp này sang tốp khác như một cặp khiêu vũ giúp vui ở từng điểm đi từ bàn này đến bàn khác. Họ có vẻ tự mãn và người cha thỉnh thoảng cười ngật đầu ra đằng sau, điều mà tôi thấy thật chướng.

Còn Stioppa thì nghiêm trang nói chuyện với người đàn bà đội mũ lính ngự lâm. Y nắm tay và khoác vai bà với một cử chỉ kính mến. Đạo xưa hẳn y là một người rất đẹp trai. Tôi đoán y độ bảy mươi tuổi. Mặt y hơi bệu, trán hói nhưng mũi còn khá mạnh mẽ và dáng đầu có vẻ rất quý phái. Chỉ ít, đó cũng là cảm giác của tôi, từ xa.

Thời gian trôi. Gần nửa giờ đã qua mà họ vẫn trò chuyện. Tôi sợ, rút cục, một người nào trong bọn họ sẽ để ý thấy tôi đứng đó, trên vỉa hè. Và còn gã lái tắc-xi thì sao? Tôi sai bước quay về phố Charles-Marie-Widor. Máy nổ vẫn chạy và gã ngồi ở tay lái, cầm cúi đọc tờ báo màu xanh kem của mình.

- Thế nào? Gã hỏi tôi.

- Tôi không biết, tôi đáp. Có lẽ còn phải đợi một giờ nữa.

- Ông bạn ông chưa ra khỏi nhà thờ?

- Ra rồi, nhưng còn đang nói chuyện với những người khác.

- Và ông không thể bảo ông ta lại với ông.

- Không.

Đôi mắt xanh to của gã dán vào tôi với một vẻ lo lắng.

- Đừng lo, tôi bảo gã.

- Lo cho ông thôi... tôi bắt buộc phải đi công-tơ chạy.

Tôi trở lại vị trí trước nhà thờ Nga.

Stioppa đã tiến mấy mét. Thực vậy, y không còn ở cuối lối đi, mà là ở trên vỉa hè, giữ một tốp người gồm đàn bà đội mũ lính ngự lâm, người đàn bà tóc nâu choàng khăn san đen, ông hói mắt xếch kiểu Mông Cổ và hai người đàn ông khác.

Lần này, tôi đi sang đường và đứng ngay gần họ, quay lưng lại. Những giọng Nga vuốt ve bao bọc lấy tôi và cái âm sắc trầm hơn các giọng khác có phải là tiếng Stioppa không nhỉ? Tôi quay lại. Y ôm ghì người đàn bà tóc vàng đội mũ lính ngự lâm hồi lâu, gần như lắc bà ta và những nét trên mặt y rúm lại thành một cái cười đau đớn. Rồi y ghì ông to béo hói đầu mắt xếch cũng theo cách ấy và lần lượt cả những người khác. Đến lúc chia tay, tôi nghĩ thầm. Tôi chạy về tới chiếc tắc-xi, gieo mình lên trên ghế xe.

- Nhanh lên... thẳng tắp... trước nhà thờ Nga...

Stioppa vẫn nói với những người kia.

- Tôi làm gì bây giờ?

- Anh có trông thấy cái tay cao kều mặc đồ màu xanh nước biển kia không?

- Có.

- Phải bám theo y, nếu y đi xe hơi.

Gã tài xế quay lại nhìn thẳng vào mặt tôi, cặp mắt xanh trở ra.

- Thưa ông, tôi hy vọng rằng việc này không nguy hiểm chứ?

- Đừng có lo, tôi bảo gã.

Stioppa tách ra khỏi nhóm người, đi vài bước rồi vẫy tay mà không ngoảnh lại. Những người kia đứng sững nhìn y đi xa dần. Người đàn bà đội mũ lính ngự lâm màu xám đứng hơi nhích lên phía trước cả nhóm, khom

khom, giống như một hình chạm trước mũi tàu, chiếc lông lớn trên mũ đung đưa nhẹ nhẹ trước gió mơn man.

Y phải mất một lúc mới mở được cửa xe. Tôi chắc y nhầm chìa khóa. Khi y ngồi vào tay lái, tôi cúi về phía gã tài xế tắc-xi.

- Anh đi theo chiếc xe gã vận đồ màu xanh nước biển vừa vào.

Và tôi cầu sao mình đừng lao theo một dấu vết sai trật vì chẳng có gì chứng tỏ người này đúng là Stioppa de Digoriew.

IV

Bám theo y chẳng có gì là khó: y lái thông thả. Đến cửa Maillot, y vượt đèn đỏ và gã tài xế tắc-xi không dám bắt chước y. Nhưng chúng tôi bắt kịp y ở phố Maurice-Barrès. Hai cửa xe chúng tôi đứng sát nhau trước một hàng dinh ngang đường. Y lơ đãng đưa mắt nhìn tôi như những tay lái xe hơi vẫn làm thế khi kề sườn nhau trong một quãng tắc nghẽn giao thông.

Y đậu xe ở đại lộ Richard-Wallace trước những khu nhà vô tính cách được xây dựng trong khoảng giữa hai cuộc thế chiến, mỗi bên được vạch thành một mặt tiền duy nhất kéo dài suốt từ đầu nọ đến đầu kia đại lộ Julien-Potin. Y rẽ tay phải, phố Esnest-Deloison, và vào một hiệu thực phẩm.

Đã đến lúc phải tiếp cận y. Điều đó cực kỳ khó khăn đối với tôi vì tôi vốn nhút nhát và tôi sợ y cho tôi là một thằng điên: chắc vì tôi sẽ ấp úng, tôi sẽ nói những chuyện đầu Ngô mình Sở? Trừ phi y nhận ra tôi ngay lập tức, trường hợp ấy, tôi sẽ để cho y nói.

Y ra khỏi hiệu thực phẩm, tay cầm một cái túi bằng giấy.

- Ông Stioppa de Digoriew phải ạ? Y có vẻ ngạc nhiên thực sự. Đầu chúng tôi cao ngang nhau, điều đó càng khiến tôi thêm rụt rè.

- Chính thế. Nhưng ông là ai?

Không, Y không nhận ra tôi. Ý nói tiếng Pháp không chút trọt trẹ. Phải can đảm lên.

- Tôi... tôi muốn gặp ông từ... lâu rồi.

- Tại sao, thưa ông.

- Tôi viết... tôi đang viết một cuốn sách về cuộc Di Trú ^[4]... Tôi...

- Ông là người Nga?

Đây là lần thứ hai người ta hỏi tôi câu đó. Gã lái tắc-xi cũng đã hỏi tôi vậy. Vậy cho cùng, có lẽ tôi là người Nga cũng nên.

- Không.

- Và ông quan tâm đến cuộc Di Trú?

- Tôi... tôi... tôi đang viết một cuốn sách về cuộc Di Trú. Ấy là... Ấy bởi... có một người khuyên tôi nên tìm gặp ông... Paul Sonachitzé...

- Sonachitzé?

Y phát âm cái tên đó theo cách Nga. Nghe rất êm: tiếng gió xào xạc trong những vòm lá.

- Một cái tên Gruzia... Tôi không quen...

Y nhúu mày.

- Sonachitzé... không...

- Tôi không muốn quấy rầy ông, thưa ông. Chỉ xin hỏi ông vài câu thôi.

- Nhưng tôi rất vui lòng mà...

Y mỉm cười, một nụ cười rầu rầu.

- Một đề tài bị thảm, cuộc Di Trú ấy... Nhưng làm sao ông lại gọi tôi là Stioppa?...

- Tôi... tôi...

- Phần lớn những người gọi tôi là Stioppa^[5] đều đã chết. Những người khác hẳn đếm trên đầu ngón tay.

- Đó là ông Sonachitzé...

- Tôi không quen.

- Tôi có thể... hỏi ông... một vài câu... được không ạ?

- Được. Ông vui lòng vào nhà tôi? Chúng ta sẽ nói chuyện.

Đại lộ Julien-Potin, sau khi qua cổng lớn, chúng tôi đi ngang một công viên, xung quanh là những khối nhà. Chúng tôi lên một thang máy bằng gỗ có cửa hai cánh với hàng rào sắt. Và vì tầm vóc chúng tôi quá khổ, thang máy lại hẹp, nên chúng tôi phải nghiêng nghiêng đầu, quay mặt vào vách để khỏi đụng trán nhau.

Y có một căn hộ hai phòng ở tầng năm. Y tiếp tôi trong phòng ngủ và nằm dài lên giường.

- Ông thứ lỗi, y bảo tôi. Nhưng trần thấp quá. Đứng thì ngộp thở. Thực vậy, giữa cái trần nhà này và đỉnh đầu tôi, chỉ có vài xăngtimét và tôi buộc phải cúi xuống.

Vả lại, muốn qua khung cửa thông hai phòng, cả y lẫn tôi đều thừa một cái đầu và tôi hình dung là y thường rạp trán vào đó luôn.

- Cả ông nữa, ông hãy nằm xuống... nếu ông muốn... Y chỉ cho tôi một cái đi-văng nhỏ bọc nhung màu ve sáng, gần cửa sổ.

- Ông đừng có ngại... ông nằm sẽ thoải mái hơn nhiều... Ngay cả ngồi, cùng với tướng như mình trong một cái lồng quá chật... Phải, phải... ông nằm đi.

Tôi nằm xuống.

Y bật một cái đèn có chao màu hồng cá trên bàn đầu giường y và nó tạo một tiêu điểm sáng dịu với những vệt bóng trên trần.

- Vậy là ông quan tâm đến cuộc Di Trú?

- Rất quan tâm.

- Nhưng ông còn trẻ mà...

Trẻ? Tôi không bao giờ nghĩ mình có thể còn trẻ. Một tấm gương lớn trong khung thép vàng treo ở tường, ngay kề tôi. Tôi nhìn mặt mình. Trẻ?

- Ồ... tôi đâu có trẻ đến thế...

Một lúc im lặng. Cả hai nằm dài mỗi người một bên gian phòng, chúng tôi giống như những tay hút thuốc phiện.

- Tôi vừa từ một buổi lễ cầu hồn về, ý nói với tôi. Đáng tiếc là ông không được gặp bà già rất cao niên vừa chết ấy... Nếu không, bà ấy đã có thể kể cho ông nghe hàng xốc chuyện. Đó là một trong những nhân vật đặc sắc nhất của cuộc Di Trú...

- Thế à?

- Một người đàn bà rất cam đảm. Mới đầu bà mở một phòng trà nhỏ ở phố Mont-Thabor và bà giúp đỡ tất cả mọi người... Thời ấy rất khó khăn...

Y ngồi lên mép giường, lưng còng xuống, hai tay khoanh lại.

- Đạo ấy, tôi mới mười tuổi... Nếu điếm lại thì chả còn lại bao người...

- Hãy còn Georges Sacher..., tôi nói hú họa.

- Chẳng được bao lâu nữa đâu. Ông biết ông ấy?

Có phải ông già bằng vừa? Hay ông béo đầu hói, diện mạo Mông Cổ?

- Ông ạ, Y bảo tôi, tôi không thể nói về tất cả những cái đó... Nói ra lại buồn... Tôi chỉ có thể cho ông xem ảnh thôi... Sau mỗi tấm ảnh, đều có tên mọi người và ngày tháng... ông sẽ tự xoay sở lấy...

- Ông bỏ công vất vả thế, quả thật là đầy nhả tâm.

Y mỉm cười nhìn tôi.

- Tôi có hàng đồng ảnh... Tôi đã ghi các tên và ngày tháng vì trí óc người ta thường quên tiệt...

Y đứng dậy và cúi khom khom đi sang gian bên.

Tôi nghe thấy y mở một ngăn kéo. Y trở lại, tay cầm một hộp lớn màu đỏ, ngồi xuống đất và dựa lưng vào mép giường.

- Ông lại ngồi cạnh tôi đây. Như vậy, xem ảnh tiện hơn.

Tôi làm theo. Tên một chủ cửa hàng bánh mứt kẹo được khắc bằng chữ Gô-tích trên nắp hộp. Y mở ra. Hộp đầy những ảnh.

- Ông thấy trong này những gương mặt chính của cuộc Di Trú.

Y lần lượt chuyển cho tôi từng tấm ảnh một, đồng thời xướng tên và ngày tháng y đọc thấy ở mặt sau và đó là một chuỗi kể lể được những cái tên Nga đem lại một vang âm đặc biệt, khi thì giòn giã như tiếng chũm chọe, khi lại nã nê hoặc gần như nghệt lại: Troubetskoi, Orbeliani, Cheremeteff, Galitzin, Eristoff, Obolensky, Bagration, Tchavtchavadzé... Đôi khi, y lấy lại từ tay tôi một tấm, xem lại tên và ngày tháng. Những tấm ảnh hội hè đình đám. Bàn tiệc của đại công tước Boris ở một cuộc hội lớn ở lâu đài Basque, một thời gian dài sau Cách Mạng. Và những khuôn mặt nở hoa kia trên tấm ảnh một buổi tiệc “đen, trắng” năm 1914... Những tấm hình chụp một lớp của trường trung học Alexandre ở Pétersbourg.

- Anh cả tôi...

Y chuyển ảnh cho tôi mỗi lúc một nhanh và thậm chí không nhìn nữa. Có vẻ như y muốn cho chóng xong đi. Đột nhiên, tôi dừng lại ở một tấm, giấy dày hơn các tấm khác và mặt sau không có chỉ dẫn gì hết.

- Thế nào? Y hỏi tôi, có cái gì làm ông thắc mắc chẳng?

Ở đằng trước, một ông già, cứng đơ và tươi cười, ngồi trên một chiếc ghế bành. Đằng sau ông, một phụ nữ tóc vàng rơm, mắt rất trong sáng. Khắp xung quanh, những tốp nhỏ trong đó có nhiều người xây lưng lại. Về bên trái, cánh tay phải mất một phần vì sát mép ảnh, bàn tay đặt lên vai người phụ nữ tóc vàng, một người đàn ông rất cao vận bộ com-lê hàng tuyt-xuy len kẻ chéo, trạc ba mươi tuổi, tóc đen, với một bộ ria thanh lịch. Tôi thật tình tin rằng chính là tôi.

Tôi sáp lại gần y thêm. Lưng chúng tôi dựa vào mép giường, chân duỗi dài trên sàn, vai chạm vai.

- Ông nói cho tôi biết những người này là ai vậy? tôi hỏi y.

Y cầm lấy tấm hình và nhìn với một vẻ mệt mỏi.

- Ông cụ trước ở lãnh sự quán Gruzia tại Paris mãi cho đến khi...

Y không nói hết câu, lối như tôi ắt phải tức khắc hiểu đoạn tiếp theo là thế nào.

- Người phụ nữ này là cháu gọi cụ bằng ông... Tên là Gay... Gay Orlow... Cô ta đi trú cùng với cha mẹ sang Mỹ...

- Ông có biết cô ấy?

- Không biết kĩ lắm. Không. Cô ấy ở lại lâu bên Mỹ.

- Còn người này? Tôi hỏi, giọng nhột nhạt, chỉ vào tôi trên tấm hình.

- Người này?

Y nhúu mày.

- Anh ta... Tôi không quen anh ta.

- Thật ư?

- Thật.

Tôi thở mạnh một cái.

- Ông không thấy anh ta giống tôi ư?

Y nhìn tôi.

- Anh ta giống ư? Không. Tại sao?

- Chẳng tại sao cả.

Y đưa tôi một tấm ảnh khác.

- Đây... sự ngẫu nhiên sinh ra lắm chuyện...

Đó là tấm hình một cô bé vận áo dài trắng, tóc dài màu vàng rơm chụp ở một nơi nghỉ mát ven biển, vì thấy có những lều thay quần áo, một khoảng bãi tắm và biển. Ở mặt sau, viết bằng mực tím: “Galina Orlow – Yalta”.

- Ông thấy đấy... vẫn cô ấy... Gay Orlow... Hồi đó, tên cô là Galina... Cô chưa mang cái tên Mĩ kia.

Và y chỉ người đàn bà tóc vàng trong tấm ảnh kia mà tôi vẫn cầm trong tay.

- Mẹ tôi giữ tất cả những thứ này...

Y đột ngột đứng dậy.

- Ta dừng lại ở đây có được không? Tôi thấy chóng mặt...

Y đưa tay lên trán.

- Tôi đi thay quần áo... Nếu ông muốn, ta có thể ăn tối với nhau...

Tôi ngồi lại một mình dưới đất, những tấm ảnh rải ra xung quanh. Tôi xếp chúng vào chiếc hộp to màu đỏ và chỉ giữ lại hai tấm mà tôi để lên giường: tấm có tôi đứng cạnh Gay Orlow và ông già Giorgiadzé, và tấm chụp Gay Orlow hồi nhỏ ở Yalta. Tôi đứng dậy và ra chỗ cửa sổ.

Trời về đêm. Một công viên khác, xung quanh là những khối nhà. Tận phía cuối, sông Seine và bên trái, cầu Puteaux. Và hòn đảo ^[6] kéo dài. Hàng dãy xe qua cầu. Tôi nhìn tất cả những mặt nhà nọ, tất cả những cửa sổ nọ, giống như cửa sổ, tôi đang đứng cạnh. Và tôi đã phát hiện ra, trong cái mê cung nhằng nhịt những cầu thang và buồng thang máy, giữa hàng trăm lỗ ong ấy, một người đàn ông có lẽ là...

Tôi tì trán vào ô kính. Phía dưới, mỗi cổng vào nhà đều có một ngọn đèn vàng thấp sáng suốt đêm.

- Hiệu ăn ở bên cạnh, y bảo tôi.

Tôi cầm hai tấm ảnh tôi để trên giường.

- Thưa ông de Djigorew, tôi nói với y, ông có thể làm ơn cho tôi mượn hai tấm hình này được không?

- Tôi cho ông luôn đấy.

Y chỉ chiếc hộp đỏ.

- Tôi cho ông tất cả đồng ảnh.

- Nhưng ... tôi...

- Ông lấy đi.

Giọng y đầy vẻ ra lệnh đến nỗi tôi chỉ còn biết chấp hành. Khi chúng tôi rời khỏi căn hộ, tôi đã cặp chiếc hộp ở nách.

Xuống dưới nhà, chúng tôi đi theo bến tàu Tướng Koenig.

Chúng tôi xuống một cầu thang đá và ở đó, sát bờ sông Seine, có một ngôi nhà gạch. Phía trên cửa, một tấm biển đề “Cửa hàng ăn uống của Đảo”. Chúng tôi bước vào. Một căn phòng trần thấp với những bàn trải khăn bằng giấy trắng và những chiếc ghế bành mây. Qua các cửa sổ, có thể thấy sông Seine và những ngọn đèn trên cầu Puteaux. Chúng tôi ngồi ở trong cùng. Chúng tôi là những khách hàng duy nhất.

Stioppa lục túi và đặt lên giữa bàn cái gói mà tôi đã thấy y mua ở hiệu thực phẩm.

- Như thường lệ.

- Còn ông đây, gã bồi chỉ tôi, hỏi.

- Ông đây cũng ăn cùng món như tôi.

Gã bồi bưng ra rất nhanh cho chúng tôi hai đĩa cá trích Baltique và rót nước khoáng vào những cái li nhỏ như đê khâu. Stioppa lấy trong gói đặt giữa bàn ra những trái dưa chuột, chia cho tôi.

- Ông ăn thế này hợp khẩu vị chứ? Y hỏi tôi.

- Vâng.

Tôi đã đặt cái hộp đỏ lên một cái ghế bên cạnh.

- Ông thật tình không muốn giữ những vật lưu niệm này? Tôi hỏi y.

- Không. Bây giờ chúng là của ông. Tôi truyền ngọn đuốc cho ông.

Chúng tôi lặng lẽ ăn. Một con tàu lướt qua gần đến nỗi tôi kịp trông thấy, qua khung cửa sổ những người đi tàu cũng đang ăn tối quanh một cái bàn.

- Còn cái bà... Gay Orlow? Tôi nói. Ông có biết bây giờ bà ta ra sao?

- Gay Orlow ư? Tôi chắc cô ấy chết rồi.

- Chết rồi?

- Hình như thế. Tôi có gặp bà ta hai, ba lần... Tôi chỉ quen cô ta gọi là... Chính mẹ tôi mới là bạn thân của ông già Giorgiadzé. Ông dùng chút dưa chuột.

- Cảm ơn.

- Tôi đồ rằng cô ta sống một cuộc đời rất sôi động ở bên Mỹ...

- Ông biết có ai có thể cho tôi biết về bà... Gay Orlow ấy?

Y ném về tôi một cái nhìn thương cảm.

- Ông bạn tội nghiệp của tôi... chẳng có ai đâu... Có thể một người nào đó bên Mỹ...

Một con tàu khác đi qua, đen xì, chậm chạp như bị bỏ rơi.

- Tôi thì bao giờ cũng tráng miệng bằng một quả chuối, y nói.

- Còn ông?

- Tôi cũng vậy.

Chúng tôi ăn chuối.

- Còn cha mẹ bà... Gay Orlow ấy? tôi hỏi.

- Hẳn là họ đã chết ở bên Mỹ. Người ta chết ở khắp mọi nơi, ông biết đấy...

- Giorgiadzé không có bà con nào khác ở Pháp?

Y nhún vai.

- Nhưng tại sao ông quan tâm đến Gay Orlow nhiều thế? Đó là chị gái ông ư?

Y mỉm cười hòa nhã với tôi.

- Một tách cà phê nhé? Y hỏi tôi.

- Không, cảm ơn.

- Tôi cũng không.

Y định trả tiền, nhưng tôi đã nhanh hơn. Chúng tôi ra khỏi tiệm ăn “của Đảo” và y khoác tay tôi lên cầu thang bến tàu. Sương mù dâng lên, một màn sương vừa dịu êm vừa giá lạnh khiến phổi ta tràn ngập một hơi mát đến nỗi ta có cảm giác như đang bồng bênh trong không trung. Trên vỉa hè bến tàu, tôi chỉ thấy lơ mờ những khối nhà cách mấy mét.

Tôi dẫn y như thể y là một người mù đến tận công viên; quanh đó những cửa vào cầu thang gác tạo thành những vệt vàng và là những chuẩn mốc duy nhất. Y xiết chặt tay tôi.

- Dù sao ông cũng cố tìm lại Gay Orlow, y bảo tôi. Bởi chừng ông tha thiết đến thế kia mà...

Tôi thấy y bước vào tiền sảnh sáng đèn của khu nhà. Y dừng lại và giơ tay vẫy tôi. Tôi đứng ngay đuồn, chiếc hộp lớp cặp nách, như một đứa bé đi dự một buổi tiệc sinh nhật về và tôi chắc chắn lúc bấy giờ y còn nói thêm với tôi một điều gì nữa, song sương mù đã bóp nghẹt tiếng y.

V

Trên tấm bưu thiếp là Đường Người Anh^[7] vào mùa hè.

“Guy thân mến, tôi đã nhận được thư cậu. Ở đây, ngày nào cũng giống ngày nào, nhưng Nice là một thành phố rất đẹp. Cậu phải đến thăm tôi đi. Kì lạ thay, có những lần tôi gặp ở khúc quanh của một đường phố một người nào đó mà từ ba mươi năm nay, tôi không hề thấy mặt hoặc một người khác mà tôi tưởng đã chết. Chúng tôi gây sợ hãi lẫn cho nhau. Nice là một thành phố của những hồn hiện về và những bóng ma. Nhưng tôi hy vọng mình chưa thuộc về nó ngay lập tức.

Về người phụ nữ mà cậu tìm kiếm, tốt hơn hết là gọi đây nói cho Bernady, Mac Mahon 00-09. Anh ta giữ liên hệ chặt chẽ với những người ở nhiều công sở khác nhau. Anh ta sẽ vui lòng cung cấp thông tin cho cậu.

Trong khi chờ đợi gặp cậu ở Nice, Guy thân mến, tôi vẫn là người rất tận tụy và lưu tâm đến cậu.

Hutte

T.B. Cậu biết đấy, trụ sở hăng hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của cậu.”

VI

Ngày 23 tháng 10 năm 1965

Đối tượng: ORLOW, Galina, tức ‘Gay’ ORLOW.

Sinh tại: Moscou (Nga), năm 1914, con ông Kyril ORLOW và bà Irène GIOGIADZÉ.

Quốc tịch: Vô tổ chức (Cha mẹ cô Orlow và bản thân cô, với tư cách là người tị nạn Nga, không được chính phủ Liên bang các nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết công nhận là kiều dân của họ). Cô Orlow có một thẻ cư trú thường. Cô Orlow từ Mỹ sang Pháp năm 1936.

Ở Hoa kì, cô đã cưới ông Waldo Blunt, rồi li dị.

Cô Orlow đã lần lượt ở:

- Khách sạn Chateaubriand, 18 phố Xiếc, Paris 8.

- 56 đại lộ Montaigne, Paris 8.

- 25 đại lộ Thống chế Lyawte, Paris 16.

Trước khi đến Pháp, cô Orlow đã là vũ nữ ở Hoa Kỳ.

Ở Paris, người ta không biết cô có nguồn thu nhập nào, mặc dầu cô sống rất xa hoa.

Cô Orlow chết năm 1950 tại nhà, số 25 đại lộ Thống chế Lyawtey, Paris 16 do uống thuốc ngủ với liều quá mạnh.

Ông Waldo Blunt, chồng cũ của cô, cư ngụ ở Paris từ năm 1952 và đã hành nghề nghệ sĩ dương cầm ở nhiều quán hàng mở cửa ban đêm. Ông là công dân Mỹ.

Sinh ngày 30 tháng 9 năm 1910 ở Chicago.

Thẻ lưu trú số 534HC878.

Kèm theo tấm phích đánh máy này là một danh thiếp in tên Jean-Pierre Bernady với những chữ dưới đây:

“Đây là tất cả những thông tin có thể lược được. Với những kỉ niệm tốt đẹp nhất của tôi. Chuyển giúp lời thân ái tới Hutte”.

VII

Trên cánh cửa kính, một tờ quảng cáo cho biết “nghệ sĩ piano Waldo Blunt hằng ngày biểu diễn từ 18 giờ đến 21 giờ ở bar của khách sạn Hilton”.

Bar đông nghịt người, không còn chỗ nào trừ một chiếc ghế bành trống ở bàn một người Nhật Bản đeo kính cặp vàng. Y không hiểu khi tôi cúi xuống xin phép ngồi đó và khi tôi ngồi vào, y chẳng buồn để ý mảy may.

Các khách hàng, Mỹ hoặc Nhật Bản, vào bar, í ới gọi nhau và nói mỗi lúc một to. Họ đứng sừng sững giữa các bàn. Một số cầm cốc trong tay và tì vào thành ghế tựa hoặc tay ghế bành. Một thiếu phụ thậm chí còn chằm chằm trên lòng một ông tóc đã ngả bạc.

Waldo Blunt đến chậm mười lăm phút và ngồi vào piano. Một con người thấp béo, trán hói, ria con kiến. Y mặc một bộ đồ xám. Thoạt đầu, y quay đầu và đảo mắt nhìn các bàn chen chúc người xung quanh. Bàn tay phải của y vuốt ve hàng phím và ấn lảng quăng một vài hợp âm. Tôi có cái may mắn ở ngay một trong những bàn gần y nhất.

Y bắt đầu chơi một điệu mà tôi nghĩ là “*Trên những bến tàu của Paris cổ*”, nhưng tiếng cười nói ồn ào làm cho nhạc hồ như không nghe thấy và chính tôi ngồi cạnh piano cũng không bắt được tất cả các nốt... Y vẫn tiếp tục chơi, phớt tỉnh, thân thẳng, đầu hơi cúi. Tôi thấy thương y: ở một thời kỳ nào đó, người ta đã lắng nghe khi y ngồi vào piano. Từ đó, y đã phải làm quen với cái tiếng ào ào xào xạc xuyên bóp nghẹt tiếng nhạc của y. Y sẽ nói gì khi tôi thốt ra cái tên Gay Orlow đây? Liệu cái tên ấy có kéo được y một lúc ra khỏi sự dừng dừng trong cách y đang chơi nhạc? Hay nó sẽ chẳng gọi gì cho y, khác nào những nốt dương cầm kia chìm ngấm dưới tiếng trò chuyện râm ran?

Bar vắng dần. Chỉ còn có tay Nhật Bản đeo kính cặp vàng, tôi và mãi tận cuối phòng, người phụ nữ mà tôi đã thấy ngồi trên lòng người đàn ông tóc nhuộm bạc, giờ đây cô ta ngồi cạnh một tay béo mặt đỏ vận đồ xanh nhạt. Họ nói tiếng Đức. Và nói rất to. Waldo Blunt chơi một điệu chậm quen thuộc với tôi.

Y quay về phía chúng tôi.

- Quý bà quý ông có muốn tôi chơi một cái gì đặc biệt không? Y hỏi bằng một giọng lạnh lùng hơi lơ lớ âm sắc Mỹ. Gã Nhật Bản bên cạnh tôi không phản ứng gì. Gã ngồi bất động, mặt nhẵn lì và tôi sợ thấy gã té nhào từ ghế bành đang ngồi, dù chỉ bởi một cơn gió nhỏ, vì đây chắc chắn là một cái xác.

- Xin cho nghe bài Sag warun, người phụ nữ ở cuối phòng kêu, giọng khàn khàn.

Blunt khẽ gật đầu và bắt đầu chơi bài sag warun. Ánh sáng trong bar giảm xuống như trong một số tiệm nhảy khi nổi lên những nhịp đầu của một điệu “xi-lô”. Họ lợi dụng lúc đó để ôm hôn nhau và bàn tay của người đàn bà luồn vào khe áo sơ mi của tay béo, mặt đỏ, rồi thọc sâu xuống nữa... Cặp kính cặp vàng của gã Nhật Bản lóe lên những ánh ngấn ngủi. Trước cây piano, Blun có vẻ như một người máy đang giãy đành đạch: điệu Sag warum đòi hỏi phải không ngừng rập những hợp âm trên phím.

Ý nghĩ gì trong khi sau lưng y, một tay béo, mặt đỏ đang vuốt ve đùi một người đàn bà tóc vàng và một cái xác ướp Nhật Bản ngồi trong một chiếc ghế bành của cái bar Hilton này từ mấy ngày rồi? Y chẳng nghĩ gì hết, tôi dám chắc vậy. Y bỗng bênh trong một trạng thái dờ dẩn mỗi lúc một thêm mờ đục. Tôi có quyền đột ngột kéo y ra khỏi trạng thái đó và đánh thức nơi y một điều gì đau đớn, không nhĩ?

Tay béo ị mặt đỏ và người phụ nữ tóc vàng rời bar để đi lấy một buồng, chắc chắn thế. Hẳn cầm cánh tay cô ta kéo đi và cô ta suýt vấp rúi. Chỉ còn tôi và gã Nhật Bản. Blunt lại quay về phía chúng tôi và nói bằng cái giọng lạnh lùng của y.

- Các vị còn muốn tôi chơi một điệu gì khác không?

Gã Nhật Bản không đựng đầy một sợi lông mày.

- Xin ông cho nghe bài còn chi nữa những chuyện tình của chúng ta, tôi nói với y.

Y chơi bài này chậm kì lạ và giai điệu dường như chùng ra, mắc kẹt trong một đầm lầy từ đó các nốt khó mà thoát ra nổi. Thi thoảng, y ngừng chơi, như một người bộ hành kiệt lực chệnh choạng. Y nhìn đồng hồ tay, đột ngột đứng dậy và nghiêng đầu về phía chúng tôi.

- Thưa quý ông, hai mươi một giờ rồi. Xin chào.

Y đi ra. Tôi bám gót y, để lại cái xác ướp Nhật Bản trong hầm mộ tiệm bar.

Y theo hành lang và đi qua tiền sảnh vắng tanh.

Tôi bắt kịp y.

- Ông Waldo Blunt?... Tôi muốn nói với ông.

- Về chuyện gì?

Y nhìn tôi, cái nhìn của một kẻ bị săn đuổi.

- Về một người mà ông đã từng biết... Một người đàn bà tên là Gay Orlow...

Y dừng lại giữa tiền sảnh.

- Gay...

Y tròn tròn mắt như thể có một cái đèn chiếu rọi vào mặt.

- Ông... Ông có biết... Gay?

- Không.

Chúng tôi ra khỏi khách sạn. Một dãy đàn ông, đàn bà vận y phục buổi tối màu sắc lòe loẹt – áo dài xa-tanh ve hoặc xanh da trời, xômôkinh màu lựu – đang chờ tắc xi.

- Lẽ ra tôi không muốn quấy rầy ông..

- Ông không quấy rầy gì cả, y nói với tôi bằng một giọng dăm chiêu. Đã lâu lắm tôi không nghe nhắc đến Gay... Nhưng ông là ai?

- Một người anh họ. Tôi... tôi muốn biết những chi tiết về cô ấy.

- Những chi tiết?

Y lấy ngón tay trở xoa xoa thái dương.

- Ông muốn tôi nói với ông những gì?

Chúng tôi đã đi vào một con phố hẹp dọc theo khách sạn, dẫn đến tận sông Seine.

- Tôi phải về nhà, y bảo tôi.

- Tôi đưa ông về.

- Vậy ông đúng là anh họ của Gay?

- Vâng. Gia đình chúng tôi muốn tìm hiểu về cô ấy.

- Cô ấy chết từ lâu rồi.

- Tôi biết.

Y đi rào bước và tôi phải vất vả mới theo kịp. Tôi cố đi ngang y. Chúng tôi đã tới bến tàu Branly.

- Tôi ở trước mặt, y nói với tôi, tay chỉ về bờ bên kia sông Seine.

Chúng tôi đi lên cầu Bir-Hakeim.

- Tôi không thể kể cho ông gì nhiều, y nói. Tôi biết Gay từ rất lâu rồi.

Y hãm chậm bước lại, như thể cảm thấy mình đã được an toàn. Có lẽ từ này đến giờ, y đi nhanh vì tưởng mình bị theo dõi. Hoặc là để dứt khỏi tôi.

- Thế mà trước đây tôi đâu có biết là Gay có họ hàng bà con, y nói với tôi.

- Có... có chứ... về đảng Giorgiadzé mà...

- Ông nói sao tôi nghe chưa rõ.

- Gia đình Giorgiadzé... ông ngoại cô ấy tên là Giorgiadzé...

- À thế đấy...

Y dừng lại và đến dựa vào cái thành đá của cầu. Tôi không thể bắt chước y vì sợ bị chóng mặt. Cho nên tôi vẫn cứ đứng trước mặt y. Y ngập ngừng mãi mới nói:

- Ông biết tôi đã thành hôn với cô ấy?

- Tôi biết.

- Làm sao ông biết được?

- Điều đó được ghi trong nhiều giấy tờ cũ.

- Chúng tôi cùng ghé một đêm ở New York... Tôi chơi piano... Cô ấy đã đề nghị tôi lấy cô ấy, chỉ vì cô ấy muốn ở lại Mỹ mà không gặp khó khăn với các sở nhập cư.

Y lắc đầu khi gợi lại kỉ niệm ấy.

- Thật là một cô gái đến là lạ. Về sau, cô ấy hay đi lại với Lucky Lucciano... Cô ấy quen hẳn khi cô ấy chuyển sang làm ở sòng bạc của Đảo Cọ.

- Luciano?

- Phải phải: Luciano. Cô ấy cùng đi với hắn khi hắn bị bắt ở Arkansa... sau đó, cô ấy gặp một người Pháp và tôi biết cô ấy sang Pháp với hắn ta.

Cái nhìn của y sáng lên. Y mỉm cười với tôi.

- Tôi lấy làm vui thích được dịp nói về Gay, thưa ông.

Một chuyến métro đi qua bên trên chúng tôi về phía hữu ngạn sông Seine. Rồi một chuyến thứ hai theo chiều ngược lại. Tiếng ầm ầm của chúng át mất tiếng Blunt. Y nói với tôi, tôi thấy thế qua đôi môi y mấp máy.

... Cô gái đẹp nhất tôi từng thấy....

Cái mẫu câu ấy mà tôi nghe được khiến tôi rất nản. Tôi đang đứng giữa một cây cầu trong đêm với một người tôi không quen, cố gắng moi ở y những chi tiết có thể cho tôi hay biết về bản thân mình và tiếng động của những chuyến métro ngăn không cho tôi nghe thấy lời y.

- Ông có muốn chúng ta tiến thêm một chút không?

Nhưng y đang quá chìm đắm nên không trả lời tôi. Chắc hẳn đã quá lâu y không nghĩ đến nàng Gay Orlow ấy nên giờ đây tất cả những kỉ niệm có liên quan đến nàng ủa trở lại, làm y ngợp như một cơn gió biển. Y cứ đứng đấy, tựa vào thành cầu.

- Ông thực sự không muốn chúng ta đi tiếp?

- Ông đã biết Gay? Ông đã gặp cô ấy ư?

- Không, chính vì thế mà tôi muốn biết những chi tiết.

- Đó là một phụ nữ tóc vàng... mắt xanh... Một loại tóc vàng...tro...

Một phụ nữ tóc vàng tro. Và có thể nàng đã đóng một vai trò quan trọng trong đời tôi. Tôi phải xem lại ảnh nàng thật kỹ mới được. Và dần dà, mọi điều sẽ trở lại thôi. Trừ phi, cuối cùng, nó dẫn tôi đến một đầu mối cụ thể hơn. Tìm được tay Waldo Blunt này cũng đã là một điều may mắn rồi.

Tôi khoác tay y kéo đi, vì chúng tôi không thể đứng mãi trên cầu. Chúng tôi men theo bến tàu Passy.

- Ông đã gặp lại cô ấy ở Pháp chứ?

- Không. Khi tôi tới Pháp, nàng đã mất rồi. Nàng tự vẫn...

- Tại sao?

- Nàng vẫn thường nói với tôi rằng nàng sợ già...

- Ông gặp cô ấy lần cuối cùng hồi nào?

- Sau cái chuyện với Luciano, nàng gặp cái gã người Pháp nọ. Kì ấy, chúng tôi có gặp nhau đôi ba lần...

- Ông có biết cái gã người Pháp ấy chứ?

- Dĩ nhiên... Cuộc hôn nhân này của chúng tôi đâu được sáu tháng. Vừa đủ để xoa dịu những sở Nhập cư chỉ muốn trục xuất nàng khỏi Hoa Kỳ..

Tôi gấp tập trung để khỏi bỏ đứt mạch câu chuyện của y.

Giọng y rất nghệt.

- Rồi nàng đi Pháp... Và tôi không gặp lại nàng nữa... Cho đến khi tôi được tin... nàng tự tử...

- Ông biết tin bằng cách nào?

- Qua một người bạn Mỹ có quen biết Gay và lúc đó đang ở Paris. Anh ta gửi cho tôi một mảnh cắt ở báo.

- Ông vẫn giữ mảnh báo đó?

- Vâng. Chắc chắn nó còn ở nhà tôi, trong một ngăn kéo.

Chúng tôi đến ngang khu thảo viên Trocadéro. Những vòi phun nước sáng rực và xe cộ đi lại tấp nập. Khách du lịch tụ tập trước vòi phun nước và trên cầu Léna. Một tối thứ bảy tháng Mười, nhưng vì tiết trời còn ấm, vì có nhiều người đi chơi và cây cối chưa rụng lá, người ta có thể tưởng như một tối thứ bảy mùa xuân.

- Tôi ở cách đây một quãng ngắn...

Chúng tôi đã đi quá khu thảo viên và rẽ vào đại lộ New York. Ở đó, dưới hàng cây bến tàu, tôi có cảm giác khó chịu là mình đang mơ. Tôi đã sống dứt cuộc đời mình và tôi chỉ còn là một hồn ma trở lại chập chờn trong không khí ấm áp một tối thứ bảy. Tại sao còn muốn nối lại những sợi dây đã đứt và tìm những lối qua đã bít kín từ lâu? Và cái con người thấp béo tròn để ria đi bên cạnh tôi đây, tôi khó mà tin là y hiện hữu thật.

- Thật ngộ, bỗng nhiên tôi nhớ ra tên cái gã người Pháp mà Gay bắt quen được bên Mỹ...

- Tên gã là gì? Tôi hỏi, giọng run run.

- Howard... đấy là tên gã... không phải họ... khoan... Howard de gì đấy...

- Howard de gì?

- De... de... de... Luz. L-U-Z... Howard de Luz... Howard de Luz... cái tên đó đã làm tôi ngạc nhiên... nửa Anh.. nửa Pháp... hay Tây Ban Nha...

- Thế còn họ?

- Cái ấy...

Y làm một cử chỉ bất lực.

- Ông không biết hình thể gã ra sao?

- Không.

Tôi sẽ đưa cho y xem tấm hình Gay chụp chung với ông già Giorgiadzé và anh chàng mà tôi chắc là tôi.

- Thế gã làm nghề gì, cái anh chàng Howard de Luz ấy?

- Gay bảo tôi là gã thuộc một gia đình quý tộc... Gã chẳng làm gì hết.

Y cười khẽ.

- Có... có... khoan đã... Tôi nhớ ra rồi... gã có lưu trú một thời gian dài ở Hollywood... Và từ đó, theo Gay nói với tôi, gã là người tâm sự của tài tử John Gilbert...

- Người tâm sự của John Gilbert?

- Phải... về cuối đời của Gilbert...

Xe hơi bon nhanh trên đại lộ New-York mà không nghe thấy tiếng máy nổ, và điều đó càng làm tăng trong tôi cái cảm giác là mình đang mê. Chúng phóng trong một tiếng nghệt bật, truội đi như thể lướt trên mặt nước. Chúng tôi tới chỗ cây cầu hẹp cho bộ hành trước cầu lớn Alma. Howard de Luz. Có cơ đó là tên tôi cũng nên. Howard de Luz, phải, những âm tiết đó đánh thức dậy cái gì đó trong tôi, một cái gì thoáng qua như một ánh trăng trên một đồ vật. Nếu tôi là gã Howard de Luz ấy, thì hẳn là tôi đã rõ ra khá độc đáo trong đời mình, vì trong bao nghề danh giá và hấp dẫn gấp bội, tôi đã chọn cái nghề làm “người tâm sự của John Gilber”.

Đúng đến trước cửa Bảo Tàng Nghệ Thuật Hiện Đại, chúng tôi rẽ vào một phố nhỏ.

- Tôi ở đây, y nói với tôi.

Đèn thang máy không bật được và rote thời gian tắt vào đúng lúc chúng tôi bắt đầu lên, trong bóng tối, chúng tôi nghe thấy những tiếng cười và tiếng nhạc.

Thang máy dừng lại và tôi cảm thấy Blunt cạnh tôi đang cố tìm quả dấm cửa ở sàn đầu cầu thang. Y mở cửa và tôi phải chờ y khi bước ra khỏi buồng thang máy vì tối mịt. Những tiếng cười và tiếng nhạc là ở trên tầng gác chúng tôi đang đứng. Blunt xoay một chiếc chìa trong ổ khóa.

Y để hé cửa đằng sau chúng tôi và chúng tôi đứng giữa một phòng ngoài le lói một chiếc đèn trần trụ rũ xuống từ trần nhà. Blunt cứ đứng ngây ra đó. Tôi tự hỏi không biết có nên cáo từ ra về không. Tiếng nhạc đình tai. Từ trong phòng, hiện ra một thiếu phụ tóc hung mặc một chiếc áo tắm màu trắng. Cô ta giương cặp mắt ngờ ngàng nhìn chúng tôi. Chiếc áo trắng lưng thùng để lộ cặp vú.

- Vợ tôi, Blunt nói.

Cô khẽ gật đầu với tôi vừa đưa hai tay kéo cổ áo tắm vào sát cổ.

- Em không biết là mình về sớm thế, cô nói.

Cả ba chúng tôi cứ đứng im sững dưới cái ánh đèn nhuộm lên các gương mặt một sắc bệnh bệch và tôi quay về phía Blunt.

- Lẽ ra cô cũng nên báo trước cho tôi, y bảo cô ta.

- Em không biết.

Một đứa trẻ bị bắt quả tang nói dối. Cô ta cúi đầu xuống. Tiếng nhạc inh tai đã im và kể theo là một điệu thể hiện bằng kèn xắc xô, trong ngần đến độ tan loãng ra trong không khí.

- Các người có đông không?

- Không, không... vài người bạn thân...

Một cái đầu ngó qua khe cửa mở hé, một nàng tóc vàng rất ngắn, môi tô son nhạt gần như hồng, rồi một cái đầu khác của một gã tóc nâu da xỉn. Ánh đèn làm cho những bộ mặt ấy giống như mặt nạ và gã tóc nâu mỉm cười.

- Em phải trở vào với các bạn em... Hai, ba tiếng nữa anh hãy về...

- Được, Blunt nói.

Cô ta rời phòng ngoài, theo sau hai người kia và đóng cửa lại. Chúng tôi nghe thấy những nhịp cười phá và tiếng đuổi nhau. Rồi, nhạc lại nổi lên đình tai.

- Đi! Blunt bảo tôi.

Chúng tôi lại ra cầu thang. Blunt bật rote thời gian và ngồi xuống một bậc. Y ra hiệu cho tôi ngồi xuống bên cạnh.

- Vợ tôi trẻ hơn tôi quá nhiều. Chênh nhau ba mươi tuổi... Không bao giờ nên lấy vợ trẻ hơn mình quá... không bao giờ

Y đặt tay lên vai tôi.

- Như thế không bao giờ ổn... Không có lấy một ví dụ nào ổn trong những cuộc kết hôn như vậy. Hãy nhớ lấy điều đó, ông bạn ạ...

Rote lại tắt. Về như Blunt chẳng muốn bật lại tí nào, vả chăng, tôi cũng vậy.

- Nếu Gay mà thấy tôi....

Ý nghĩ ấy làm y cười phá. Tiếng cười trong đêm tối nghe thật lạ.

- Hẳn nàng sẽ không nhận ra tôi... từ bấy đến nay, tôi đã nặng thêm ít ra là ba mươi kí...

Một nhịp cười phá nhưng khác với lần trước, bứt rứt hơn, gượng gạo hơn.

- Hẳn nàng sẽ thất vọng... Ông rõ không? Đánh đàn thuê ở một bar khách sạn...

- Nhưng tại sao lại thất vọng?

- Vì trong vòng một tháng nữa, tôi sẽ thất nghiệp....

Y riết cánh tay tôi, ở ngang bắp thịt trên.

- Gay dạo ấy tưởng tôi sắp trở thành một Cole Porter mới...

Đột nhiên, những tiếng đàn bà la, từ căn hộ của Blunt.

- Chuyện gì đang diễn ra vậy? tôi hỏi y.

- Chẳng có gì hết, họ vui chơi đấy thôi.

Tiếng một người đàn ông gào lên: “Có mở không? Em có mở cửa cho anh không nào, Dany?” Những tiếng cười. Một cánh cửa sập đánh thình.

- Dany là vợ tôi đấy, Blunt thì thầm với tôi.

Y đứng dậy và bật máy.

- Ta ra ngoài cho thoáng đi.

Chúng tôi đi qua bãi trước Bảo Tàng Nghệ Thuật Hiện Đại và ngồi trên bậc thềm. Tôi trông thấy xe cộ đi qua bên dưới, dọc theo đại lộ New York, dấu hiệu duy nhất chứng tỏ còn sự sống. Tất cả đều vắng tanh và ngưng dừng quanh chúng tôi. Ngay cả tháp Eiffel mà tôi trông thấy đằng xa, bên kia sông Seine, cái tháp Eiffel mọi khi làm ta yên dạ là thế, cũng giống như một đồng sắt vụn cháy thành than.

- Ở đây dễ thở, Blunt nói.

Quả vậy, một ngọn gió ấm thổi trên bãi, trên những pho tượng, tạo thành những vật bóng tối và trên những cột lớn phía cuối.

- Tôi muốn đưa cho ông xem mấy tấm ảnh, tôi nói với Blunt.

Tôi lấy trong túi ra một chiếc phong bì, mở nắp và rút ra hai tấm ảnh: tấm có Gary Orlow với ông già Giorgiadzé và người đàn ông mà tôi chắc là tôi, và tấm chụp nàng hồi nhỏ. Tôi chìa tấm thứ nhất cho y.

- Ở đây chả nhìn thấy gì hết, Blunt thì thầm.

Y đánh bật lửa, nhưng phải đánh nhiều lần vì gió thổi tắt lửa. Y lấy bàn tay che và đưa bật lửa lại gần tấm ảnh.

- Ông có thấy một người đàn ông trong ảnh không? Tôi hỏi y. Ở bên trái... Ở tận sát mép bên trái ấy...

- Có.

- Ông có biết anh ta không?

- Không.

Y cúi xuống tấm ảnh, tay làm vành áp vào trán để che ngọn lửa.

- Ông không thấy anh ta giống tôi sao?

- Tôi không biết nữa.

Y nhìn đôi vào tấm ảnh mấy giây nữa rồi đưa trả lại tôi.

- Gay đúng hệt như thế này khi tôi quen nàng, y nói, giọng rầu rầu.

- Đây, đây là một tấm hình cô ấy dạo bé.

Tôi chìa cho y tấm ảnh kia và y nhìn thật kỹ dưới ánh sáng bật lửa, tay vẫn làm vành áp vào trán, trong tư thế một người thợ đồng hồ đang làm một công việc đòi hỏi cực kỳ chính xác.

- Đó là một cô bé xinh đẹp, y nói. Ông còn tấm ảnh nào nữa của nàng không?

- Đáng tiếc là không... Còn ông?

- Tôi có một tấm hôm chúng tôi cưới, nhưng tôi đánh mất ở bên Mỹ rồi... Thậm chí tôi không chắc có còn giữ được mảnh báo hồi nàng tự vẫn...

Cái âm sắc Mỹ lơ lơ của y, thoát đầu rất nhẹ, giờ mỗi lúc một rõ. Do một chẳng?

- Ông thường hay phải đợi thế này trước khi về nhà ư?

- Càng ngày càng thường xuyên hơn. Vậy mà, hồi đầu mọi sự đều tốt đẹp... Trước, vợ tôi rất dễ thương.

Y châm một liều thuốc lá khó khăn vì gió.

- Gay hấn sẽ rất ngạc nhiên nếu thấy tôi như thế này...

Y sáp lại gần tôi hơn và tì một tay lên vai tôi.

- Ông có thấy nàng ra đi trước khi quá muộn là có lý không ông bạn?

Tôi nhìn y. Ở y, cái gì cũng tròn. Khuôn mặt, đôi mắt xanh và thậm chí cả bộ ria xén tỉa theo hình cung. Và cái miệng nữa, và đôi bàn tay bầu bĩnh. Y làm tôi nhớ đến những quả bóng mà bọn trẻ con buộc bằng một sợi dây và đôi khi thả ra để xem chúng bay cao đến tận đâu trong bầu trời. Và cái tên Waldo Blunt cũng căng phồng như một trong những quả bóng đó.

- Tôi lấy làm tiếc, ông bạn... Tôi đã không thể cung cấp được cho ông nhiều chi tiết về Gay.

Tôi cảm thấy y trĩu nặng buồn phiền và mệt nhọc, nhưng tôi vẫn giám sát y rất chặt vì tôi sợ chỉ một cơn gió nhỏ thổi qua cũng đủ bốc y bay lên, để tôi lại một mình với những câu hỏi của tôi.

VIII

Đại lộ chạy dọc theo trường đua ngựa Auteuit. Một bên là lối đi cho kị sĩ, bên kia là những khu nhà, tất cả xây theo cùng một mẫu và ngăn cách bởi những công viên nhỏ. Tôi đi qua trước những trại lính sang trọng ấy và chiếm lĩnh vị trí đối diện với ngôi nhà ở đó Gay Orlow đã tự tử. 25 đại lộ Thống Chế Lyautey. Ở tầng mấy? Từ bấy đến nay, chắc hẳn đã thay bà gác cổng. Liệu có còn người nào ở khu nhà này đã từng gặp Gay Orlow trên cầu thang gác hoặc đã từng đi cùng thang máy với nàng? Hoặc giả có thể nhận ra tôi do đã thấy tôi đến đây luôn?

Hắn đã có những tối nào đó, tôi đã leo lên cầu thang số nhà 25 đại lộ Thống chế Lyautey, tìm đập rộn. Nàng đợi tôi. Cửa sổ nàng trông ra trường đua. Chắc chuyện lạ khi xem từ trên cao này các cuộc đua ngựa, thấy lũ ngựa và các jô-kê nhỏ xíu đi tới như những con giống diều từ đầu này đến đầu kia các quầy bắn và nếu anh bắn đổ tất cả các mục, anh sẽ được giải độc đắc.

Hồi ấy, chúng tôi nói với nhau bằng tiếng gì nhỉ? Tiếng Anh chẳng? Tấm ảnh với ông già Giorgiadzé có phải được chụp trong căn hộ này không? Một gã tên gọi Howard de Luz – tôi? – thuộc “một gia đình quý tộc” và là “người tâm sự với John Gillbert” và một cựu nữ sinh ở Maxkva, đã từng quen với Lucky Luciano thì có thể - nói những chuyện gì với nhau nhỉ?

Những con người kỳ lạ. Thuộc loại những kẻ chỉ để lại trên đường đi của mình một màng hơi nước mau chóng tan biến. Hutte và tôi thường trò chuyện về những con người mất dấu tích như thế. Một hôm nào đó, đột nhiên hiện lên từ hư vô để rồi trở lại sau đó khi bừng lên mấy đốm lấp lánh. Những hoa hậu. Đám dĩ đực. Những con hồ điệp. Phần lớn trong bọn họ, ngay khi sinh thời, cũng không nắm chắc gì hơn một làn hơi không bao giờ đọng lại. Như vậy, Huttle dẫn chứng với tôi một tay mà ông gọi là “người của những bãi tắm”. Người này đã qua bốn mươi năm của đời mình trên các

bãi tắm hoặc bên những bể bơi trò chuyện một cách khả ái với những người nghỉ hè và đám nhà giàu nhà cư. Trong những góc và bối cảnh hàng nghìn tấm ảnh chụp trong vụ nghỉ, hẳn mặc đồ tắm giữa những nhóm vui vẻ nhưng không ai có thể nói tên hẳn là gì và tại sao hẳn lại có mặt ở đó. Và không ai nhận thấy một hôm hẳn bỗng biến đi khỏi các tấm ảnh. Tôi không dám nói với Hutte, nhưng tôi đã nghĩ “người của những bãi tắm” chính là tôi. Và chẳng, nếu tôi có thú thực vậy, hẳn ông cũng chẳng ngạc nhiên. Hutte thường nhắc đi nhắc lại rằng nói cho cùng tất cả chúng ta đều là những “người của bãi tắm” và “cát – tôi dẫn lời của chính ông – chỉ giữ lại vết chân ta có vài giây”.

Một mặt của khu giáp với một công viên có vẻ như bị bỏ mặc. Một lùm cây lớn, những bụi rậm, một bãi cỏ từ lâu không được tỉa xén. Một đứa nhỏ thui thui chơi một mình, lặng lẽ trước đồng cát, trong giờ cuối chiều rực nắng này. Tôi ngồi bên bãi cỏ và tôi ngẩng đầu nhìn khu nhà, tự hỏi không biết cửa sổ phòng Gay Orlow có mở về phía này.

IX

Đêm và ngọn đèn màu trắng sữa của trụ sở Hãng rọi một vệt sáng rực trên lớp da thuộc phủ mặt bàn giấy của Hutte. Tôi ngồi sau cái bàn giấy đó. Tôi tra cứu những cuốn Bóttin cũ, một số cuốn khác gần đây hơn và tôi lần lượt ghi những điều tìm được.

HOWARD DE LUZ (Jean Simely) và phu nhân, tên khai sinh là MABEL DONAHUE sinh ở Valbreuse. Orne. T.21 và phố Raynouard T.AVT 15-28.

- CGP – MA

Cuốn Bóttin thời lưu trong đó có tư liệu này là của khoảng ba mươi năm trước. Phải chăng đó là cha tôi?

Vẫn nguyên lời ghi này trong những cuốn Bóttin nhiều năm tiếp theo. Tôi tra danh mục các ký hiệu và chữ viết tắt.

= có nghĩa là huân chương chiến công

CGP = Câu lạc bộ Grand Pavois ^[8] MA – Motor Yacht (Du thuyền máy) Câu lạc bộ Bờ Biển Xanh và: người sở hữu thuyền buồm.

Nhưng mười mấy năm sau, biến mất những chỉ dẫn này: 23 phố Raynouard T.AVT 15-18. Cả MA cũng biến mất.

Năm sau nữa chỉ còn: HOWARD DE LUZ và phu nhân, tên khai sinh là MABEL DONAHUE sinh ở Valbreuse, Orne. T.21

Rồi chẳng còn gì nữa.

Tiếp đó, tôi tra những cuốn niên giám của Paris mười năm gần đây. Ở cuốn nào, cái tên Howard de Luz cũng được nêu như sau:

HOWARD DE LUZ C.3 công viên Henri-Paté, 16c MOL 50-52. Một người anh (hoặc em) ruột? Một người anh (hoặc em) họ?

Không có mục ghi tương đương nào ở những cuốn Bóttin thời lưu cùng năm.

X

- Ông Howard đang đợi ông.

Đây chắc là bà chủ của cái hiệu ăn phở Bassano này: một phụ nữ tóc nâu, mắt sáng. Bà ta ra hiệu cho tôi đi theo, chúng tôi xuống một cầu thang và bà dẫn tôi về phía cuối phòng. Bà dừng lại ở một bàn có người đang ngồi một mình. Gã đứng dậy.

- Glaude Howard, gã tự giới thiệu.

Gã chỉ cho tôi chiếc ghế đối diện với gã. Chúng tôi ngồi xuống.

- Tôi đến trễ. Xin ông thứ lỗi.

- Chẳng quan trọng gì.

Gã nhìn chòng chọc vào mặt tôi, vẻ tò mò. Gã nhận ra tôi chẳng?

- Cú điện thoại của ông làm tôi rất thắc mắc, gã nói.

Tôi mỉm cười với gã.

- Và nhất là sự quan tâm của ông đối với gia đình Howard de Luz... mà tôi là đại diện cuối cùng, thừa quý ông...

Gã nói câu này với một giọng châm biếm như tự giễu mình.

- Và lại, tôi xưng danh văn tấu với Howard thôi. Như thế đỡ rắc rối.

Gã chìa bảng thực đơn cho tôi.

- Ông không bắt buộc phải dùng những món giống tôi. Tôi là người viết thời luận về các món ăn... Tôi phải nếm những món đặc sản của cửa hàng... Tuyển ước bê và xốt cá...

Gã thở dài. Quả thật gã có vẻ chán nản.

- Tôi hết hơi rồi...Dù có chuyện gì xảy ra trong đời tôi, bao giờ tôi cũng bắt buộc phải ăn...

Người ta đã bưng ra cho gã một món patê bao. Tôi gọi một đĩa xá-lát và quả.

- Ông thật may mắn... Tôi thì phải ăn... Tối nay tôi phải viết bài... Tôi vừa ở chỗ cuộc thi Bộ Lòng Vàng... Tôi có chân trong ban giám khảo. Phải nhồi nhét một trăm bảy mươi cổ lòng trong một ngày rưỡi...

Tôi không sao định được tuổi gã. Mái tóc rất nâu của gã được chải lật về đằng sau, mắt gã màu hạt dẻ và bộ mặt có một nét gì của dân da đen mặc dầu nước da gã trắng cực kỳ. Chỉ có hai chúng tôi ngồi trong cùng góc này của tiệm ăn được bố trí dưới tầng hầm với những ván gỗ lát màu xanh nhạt, vải xa-tanh và những đồ pha lê gợi đến một thế kỷ 18 dỏm.

- Tôi đã suy nghĩ về những điều ông nói với tôi qua điện thoại.... Cái tay Howard de Luz mà ông quan tâm chỉ có thể là ông anh họ Freddie của tôi.

- Ông cho là vậy thật ư?

- Tôi dám chắc thế. Nhưng tôi không biết anh ta mấy.

- Freddie Howard de Luz ấy à?

- Phải. Hồi nhỏ, chúng tôi có cùng chơi với nhau mấy lần.

- Ông có cái ảnh nào của ông ấy không?

- Chẳng có cái nào.

Gã nuốt một miếng patê bao và nén một cơn buồn nôn.

- Thậm chí cũng không phải là anh em thúc bá nữa kia... mà là cách bức hai, ba chi cơ... có rất ít Howard de Luz... Tôi nghĩ rằng chỉ có mấy chúng tôi mà thôi: cha tôi và tôi, với Freddie và ông nội anh ta... Đó là một gia đình Pháp ở đảo Maurice, ông biết đấy...

Gã đẩy đĩa thức ăn của mình bằng một cử chỉ mệt mỏi.

- Ông nội của Freddie lấy một phụ nữ Mỹ rất giàu...
- Mabel Donahue?
- Đúng thế... Hai ông bà có một cơ ngơi tuyệt vời tại Orne.
- Ở Valbreuse?
- Nhưng ông quả là một cuốn Bóttin sống, ông bạn thân mến.

Gã nhìn tôi, ngạc nhiên.

- Thế rồi sau đó, tôi nghĩ là họ đã mất sạch... Freddie sang Mỹ... Tôi không thể cung cấp cho ông những chi tiết cụ thể hơn... Mọi điều này, tôi chỉ được nghe nói lại mà biết... Thậm chí tôi cứ tự hỏi không biết Freddie còn sống hay không...

- Làm thế nào biết được điều đó?

- Nếu cha tôi ở đó... Chính nhờ ông mà tôi được tin tức của gia đình... Khốn thay...

Tôi rút trong túi ra tấm ảnh Gay Orlow chụp với ông già Giorgiadzé và chỉ cho gã người đàn ông giống tôi.

- Ông có biết tay này không?
- Không.
- Ông không thấy là anh ta giống tôi ư?

Gã cúi xuống ngắm ảnh.

- Có thể, gã nói, không quả quyết.
- Còn người đàn bà tóc vàng, ông có biết không?
- Không.
- Vậy bà ta xưa là bạn thân của ông anh họ Freddie của ông đấy.

Đột nhiên, gã có vẻ nhớ ra điều gì.

- Khoan... tôi nhớ ra rồi... Freddie sang Mỹ... Và ở đó hình như anh ta trở thành người tâm sự của John Gilbert...

Người tâm sự của John Gilbert. Đây là lần thứ hai người ta cung cấp cho tôi chi tiết này, nhưng nó không giúp tôi tiến thêm được bao nhiêu.

- Tôi biết việc này vì hồi đó anh ta có gửi cho tôi một tấm bưu thiếp ở Mỹ...
- Ông có còn giữ tấm bưu thiếp đó không?
- Không, nhưng tôi còn thuộc lòng nội dung.

“Mọi sự đều ổn. Mỹ là một đất nước đẹp. Tôi đã tìm được việc làm: tôi là người tâm sự của John Gilbert. Gửi chú và ba chú những lời thân ái. Freddie”. Điều đó làm tôi ngạc nhiên...

- Ông không gặp lại ông ấy khi ông ấy trở về Pháp?

- Không. Thậm chí tôi không biết là anh ta đã trở về Pháp.
- Và bây giờ, nếu ông ta đứng trước mặt ông liệu ông có nhận ra không?
- Có lẽ không.

Tôi không dám gợi ý gã rằng Freddie Howard de Luz chính là tôi. Tôi chưa có một bằng chứng rõ ràng nào về điều đó, nhưng tôi vẫn hy vọng bền bỉ.

- Freddie mà tôi biết là cậu bé Freddie hồi mười tuổi... Cha tôi đưa tôi đến Valbreuse để chơi với cậu ta...

Người quản lí rượu trong tiệm dừng lại trước bàn chúng tôi và đợi Claude Howard chọn loại rượu mình ưng, nhưng gã này không biết đến sự hiện diện của bác ta đang đứng rất thẳng với tư thế một lính gác.

- Để thú thật mọi điều với ông, tôi cho rằng Freddie đã chết...
- Không nên nói thế...
- Ông quan tâm đến cái gia đình bất hạnh của chúng tôi, thật là hảo tâm. Chúng tôi không may mắn... Tôi cho rằng tôi là kẻ sống sót duy nhất và ông hãy xem tôi phải làm gì để kiếm sống...

Gã giáng nắm đấm lên bàn trong khi những người phục vụ mang món cá xốt đến và bà chủ tiệm lại gần chúng tôi với nụ cười đơn đả.

- Thưa ông Howard... Cuộc thi Bộ Lòng Vàng năm nay diễn ra tốt đẹp chứ ạ?

Nhưng gã không nghe thấy và cúi đầu về phía tôi.

- Nói cho cùng, gã bảo tôi, lẽ ra chúng tôi không nên rời đảo Maurice bao giờ.

XI

Một cái ga nhỏ, vàng và xám, hai bên có rào chắn bằng xi măng và đằng sau những rào chắn ấy là cái sân ke nơi tôi từ xe lửa bánh hơi bước xuống. Quảng trường trước ga vắng teo, chỉ có một thằng bé đang chơi giày trượt dưới hàng cây ở khoảng nền đắp cao.

Cả mình nữa, mình cũng đã từng chơi ở đây, tôi nghĩ thầm. Cái quảng trường yên tĩnh này quả có nhắc nhở tôi một cái gì. Ông nội Howard de Luz của tôi thường đến kiểm tôi ở chuyến tàu Paris hay ngược lại. Những chiều mùa hè, tôi ra đón ông ở sân ke nhà ga cùng với bà tôi hồi con gái tên là Mabel Donahue.

Cách một quãng nữa, một con đường, rộng như quốc lộ nhưng rất hiếm xe cộ qua lại. Tôi đi dọc theo một công viên cũng quây bởi những hàng rào xi măng như tôi đã thấy ở quảng trường nhà ga.

Phía bên kia đường, mấy kho hàng dưới một thứ sân có mái che. Một rạp chiếu bóng. Rồi một lữ quán khuất dưới những vòm lá ở góc một đại lộ dốc lên thoải thoải. Tôi đi luôn vào đó không do dự vì tôi đã nghiên cứu trước bản đồ Valbreuse. Đầu đại lộ chạy giữa hai hàng cây đó, một bức tường quây và một cổng sắt trên đó có đóng một tấm biển gỗ một ruỗng với hàng chữ mà tôi phải đoán tới một nửa mới đọc ra: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI. Đằng sau hàng rào sắt, trải ra một bãi cỏ để hoang. Tận trong cùng, một tòa nhà dài bằng gạch và đá, kiểu Louis XIII. Chính giữa tòa nhà, nhô lên một chòi cao hơn hai cánh một tầng, và mặt tiền, ở mỗi đầu, được hoàn chỉnh bằng hai chòi ngang, trên có mái vòm. Tất cả các cánh cửa sổ đều đóng.

Một cảm giác hoang vắng xâm chiếm tôi: có lẽ tôi đang đứng trước tòa lâu đài tôi đã sống thời thơ ấu của mình. Tôi đẩy cổng sắt và mở được không khó khăn gì. Từ bao lâu rồi tôi không bước qua ngưỡng cửa này? Bên phải, tôi nhận thấy một nhà gạch có lẽ trước kia là chuồng ngựa.

Cỏ cao đến bắp chân tôi và tôi cố qua bãi cỏ thật nhanh, hướng về phía lâu đài. Cái tòa nhà lạng lẽ này càng làm tôi bồn chồn. Tôi sợ phát hiện ra đằng sau mặt tiền, chẳng còn gì khác ngoài cỏ mọc cao và những mảng tường đổ rụn.

Có ai gọi tôi. Tôi quay lại. Đằng kia, trước dãy chuồng ngựa, một người đang khoa tay. Y đi về phía tôi và tôi đứng sững ra nhìn y, giữa đám cỏ như rừng. Một người khá cao, to đùng, mặc đồ nhung xanh.

- Ông muốn gì?

Y dừng lại cách tôi mấy bước. Một người tóc nâu để ria.

- Tôi muốn tìm hiểu về ông Howard de Luz.

Tôi tiến lên. Có thể y sắp nhận ra tôi chẳng? Mỗi lần tôi đều hy vọng thế và lần nào tôi cũng thất vọng.

- Ông Howard de Luz nào?

- Freddie.

Tôi buông cái tên “Freddie” bằng một giọng lạc đi như thể tôi phát âm chính tên mình sau bao năm quên bẵng.

Y giương tròn xoe mắt.

- Freddie...

Lúc này, tôi thực sự tin rằng y gọi tôi bằng tên tôi.

- Freddie? Nhưng cậu ấy không còn ở đây nữa...

Không, y không nhận ra tôi. Không có ai nhận ra tôi cả.

- Đích xác ra, ông muốn gì?

- Tôi muốn biết Freddie Howard de Luz ra sao rồi.

Y nhìn chòng chọc vào mặt tôi, vẻ nghi hoặc, và thọc một tay vào túi quần. Y sắp rút ra một thứ vũ khí và dọa tôi đây. Nhưng không, y rút trong túi ra một chiếc khăn tay để lau mồ hôi trán.

- Ông là ai?

- Tôi quen Freddie ở bên Mỹ hồi đã lâu và tôi muốn biết tin ông ấy.

Nghe câu nói phía ấy, mắt y sáng lên.

- Ở bên Mỹ? Ông quen cậu Freddie bên Mỹ ư?

Cái tên “Mĩ” dường như làm y đâm ra mơ mộng. Tôi tin rằng y sẵn sàng ôm hôn tôi vì y có vẻ rất biết ơn tôi đã quen Freddie ở “bên Mĩ”.

- Bên Mĩ? Vậy là ông quen cậu ấy hồi cậu ấy là người tâm sự của... của...

- Của John Gilbert.

Mọi nghi ngờ của y tan biến.

Y nắm lấy cổ tay tôi.

- Ông lại đây.

Y kéo tôi về phía tay trái, dọc theo tường quây, nơi cỏ mọc thấp hơn và lờ mờ một vệt đường cũ.

- Tôi không được tin gì về cậu Freddie từ lâu lắm rồi, y nói với tôi, bằng một giọng nghiêm trang.

Bộ đồ nhung xanh của y đã mòn xơ ra ở nhiều chỗ ở cả hai vai, hai khuỷu tay, hai đầu gối đều được khâu đệm bằng những miếng da.

- Ông là người Mỹ.
- Vâng.
- Cậu Freddie có gửi cho tôi nhiều bưu thiếp từ Mỹ.
- Bác còn giữ đấy chứ?
- Tất nhiên.

Chúng tôi đi về phía lầu đài.

- Ông chưa bao giờ đến đây? Y hỏi tôi.
- Chưa bao giờ.
- Nhưng tại sao ông biết được địa chỉ?
- Nhờ một người em họ của Freddie tên là Claude Howard de Luz.
- Không biết.

Chúng tôi tới trước một trong hai cái chòi có mái vòm mà tôi đã nhận thấy ở hai đầu mặt tiền tòa lầu đài. Chúng tôi đi quanh cái chòi. Y chỉ cho tôi một cửa nhỏ:

- Cửa này là lối vào duy nhất.

Y xoay một chiếc chìa trong ổ khóa. Chúng tôi bước vào. Y dẫn tôi qua một gian phòng tối và trống không, rồi theo một hành lang. Chúng tôi đâm ra một gian phòng khác có những kính lắp màu khiến nó có vẻ như một nhà thờ nhỏ hoặc một khu vườn mùa đông.

- Đây là phòng ăn mùa hè, y bảo tôi.

Không có đồ đạc gì ngoài cái đi-văng cũ bọc nhung đã sờn và chúng tôi ngồi xuống đó. Y rút trong túi ra một cái tẩu và bình thản châm thuốc. Những ô kính màu để lọt qua ánh sáng trời đã nhuộm một sắc xanh nhạt.

Tôi ngẩng đầu lên và nhận thấy trần cũng màu lơ nhạt điểm vài vệt sáng hơn: mây. Y nhìn theo luồng mắt tôi.

- Chính cậu Freddie đã quét vôi trần và tường.

Bức tường duy nhất của gian phòng quét vôi màu ve và người ta thấy trên đó một cây cọ gần như đã bị xóa mờ. Tôi cố hình dung gian phòng này ngày xưa, khi chúng tôi thường dùng bữa ở đây. Cái trần mà tôi đã vẽ bầu trời lên đó. Bức tường mà tôi muốn điểm một nốt nhiệt đới bằng cây cọ. Những ô kính màu qua đó một ánh trời phơn phớt xanh rớt xuống mặt chúng tôi. Nhưng những gương mặt ấy như thế nào nhỉ?

- Đây là gian phòng duy nhất người ta còn có thể đến được, y bảo tôi. Tất cả các cửa khác đều niêm phong.

- Tại sao?

- Nhà bị tạm giữ.

Câu nói làm tôi lạnh toát người.

- Họ đã tạm giữ mọi thứ, nhưng tôi thì họ còn để đó.

- Cho đến bao giờ?

Y rút tẩu thuốc và lúc lắc đầu.

- Thi thoảng, có một cha ở chỗ Đất đai đến thanh tra. Có vẻ họ chưa đi đến một quyết định.

- Ai kia?
- Ban Đất Đai.

Tôi không hiểu rõ y muốn nói gì, song tôi nhớ đến dòng chữ ghi trên tấm biển gỗ mục: “Quản lí Đất Đai”.

- À, phải... Tôi đến làm ở đây từ độ Howard de Luz chết... Ông nội cậu Freddie ấy... Tôi trông nom vườn và lái xe cho bà chủ... Bà nội cậu Freddie ấy mà...

- Còn ông bà thân sinh ra Freddie?
- Tôi chắc hai ông bà mất từ hồi trẻ. Cậu được ông bà nội nuôi.

Vậy là tôi được ông bà nội nuôi. Sau khi ông tôi mất, chúng tôi ở đây một mình, cùng bà tôi, hồi con gái tên là Mabel Donahue, và người đàn ông này.

- Tên bác là gì? Tôi hỏi.
- Robert.
- Freddie gọi bác thế nào?
- Bà nội cậu gọi tôi là Bob. Bà cụ là người Mỹ mà. Cậu Freddie cũng gọi tôi là Bob.

Cái tên Bob ấy không gọi cho tôi cái gì hết. Nhưng, nói cho cùng, cả y cũng không nhận ra tôi.

- Sau đó, bà nội cậu mất. Hồi đó, nhà cũng đã chẳng sung túc gì về mặt tài chính... Ông nội cậu Freddie đã phá tan hết gia sản của vợ... Một gia sản Mỹ rất đồ sộ...

Y ung dung rút tẩu và những sợi khói xanh lơ bay lên trần. Cái gian phòng này với những ô kính màu lớn và những nét vẽ của Freddie – của tôi? – trên tường và trần chắc là một chỗ nấu cho chàng trai trẻ.

- Sau đó, cậu Freddie biến mất... Chẳng báo trước gì hết... Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra. Nhưng họ bèn tạm giữ hết.

Một lần nữa, lại cái từ “tạm giữ”, như một cánh cửa đóng sầm lại một cách thô bạo trước mặt mình giữa lúc mình định bước qua.

- Và từ đó, tôi cứ chờ... Tôi không biết họ định làm gì tôi... Dù sao, họ cũng không thể tống tôi ra khỏi cửa.

- Bác ở đâu?

- Trong chuồng ngựa cũ. Ông nội cậu Freddie đã cho dọn dẹp chỗ ấy.

Y quan sát tôi, chiếc tẩu cắn giữa hai hàm răng.

- Còn ông? Hãy kể tôi nghe ông đã quen cậu Freddie ở bên Mỹ như thế nào đi?

- Ồ... chuyện rất dài...

- Ông có muốn ta đi dạo một chút không? Tôi sẽ chỉ cho ông xem khu vườn ở mé này.

- Sẵn sàng.

Y mở một cửa sổ sát đất và chúng tôi xuống mấy bậc đá. Chúng tôi đứng trước một bãi cỏ giống như bãi cỏ hồi nãy tôi đã định băng qua để tới chỗ lâu đài, nhưng ở đây cỏ thấp hơn nhiều. Tôi rất ngạc nhiên thấy phần sau lâu đài không chút tương xứng với mặt tiền: nó được xây bằng đá xám. Mái cũng không giống: mé bên này linh tinh những vạt sắt và đầu hồi, thành thử các nơi ở này mới nhìn thì có dáng dấp một tòa lâu đài kiểu Louis

13 nhưng đằng sau lại giống những nhà nghỉ mát ở bãi biển hồi cuối thế kỉ 19 mà Biarritz còn sót lại một vài tiêu mẫu hiếm hoi.

- Tôi cố gắng bảo quản một chút cả mé vườn bên này, y nói. Nhưng với một người độc lực thì cũng khó.

Chúng tôi theo một lối đi rải sỏi dọc mép bãi cỏ. Bên trái chúng tôi, nhưng bụi rậm cao bằng đầu người được xén tỉa cẩn thận. Y chỉ cho tôi thấy:

- Mê hồn trận. Ông nội Freddie trồng đấy. Tôi cố hết sức chăm nom. Phải có một cái gì vẫn nguyên như trước chứ.

Chúng tôi đi vào “mê hồn trận” bằng một lối ngang và chúng tôi phải cúi xuống vì lá xanh kết thành vòm thấp. Nhiều lối đi đan chéo nhau, có những ngã tư, những bùng binh, những chỗ rẽ vòng cung hoặc thẳng góc, những ngõ cụt, một cây duyên con với một băng ghế bằng gỗ xanh... Hồi nhỏ, chắc tôi đã chơi trốn tìm ở đây với ông nội tôi hoặc bạn cùng tuổi và giữa cái mê cung thần diệu ngát mùi cây râm và thông này, hẳn tôi đã trải qua những thời khắc đẹp nhất của đời mình. Khi chúng tôi ra khỏi khu vườn mê cung, tôi không kiềm được, bật ra nói với người dẫn đường:

- Thật kì cục... Cái mê cung này nhắc tôi nhớ đến một điều gì...

Nhưng hình như y không nghe thấy tôi nói.

Bên rìa bãi cỏ, một cái xà móc cũ đã gỉ có treo hai cái đu.

- Ông cho phép...

Y ngồi lên một cái đu và châm lại tẩu thuốc. Tôi chiếm lĩnh cái kia. Mặt trời đang lặn bao quanh bãi cỏ và những bụi cây của vườn mê cung một làn ánh sáng êm dịu màu da cam. Và lớp đá xám của lâu đài cũng lổ đổ cùng một thứ ánh sáng đó.

Tôi chọn lúc này để chìa cho y tấm ảnh chụp Gay Orlow, ông già Giorgiadzé và tôi.

- Bác có biết những người này không?

Y xem xét tấm ảnh hồi lâu, không rút tẩu ra khỏi miệng.

- Cô này, tôi biết lắm.

Y dí ngón tay trở dưới mặt Gay Orlow.

- Ả người Nga...

Y nói vậy bằng một giọng mơ màng và thích thú.

- Ông ngỡ tôi không biết ả, cái ả người Nga ấy...

Y rộ lên một nhịp cười ngắn.

- Những năm cuối, cậu Freddie thường đến đây cùng với cô ả luôn... Một ả trời đánh... Một ả tóc vàng... Tôi có thể nói với ông rằng ả uống rượu “xéch”... Ông cũng biết ả?

- Vâng, tôi nói. Tôi đã gặp cô ta cùng với Freddie ở bên Mỹ.

- Cậu ấy quen ả từ bên Mỹ hả?

- Phải.

- Chính ả là người có thể mách cho ông biết cậu Freddie hiện ở đâu... Phải hỏi ả...

- Còn cái tay tóc nâu này này, bên cạnh cô người Nga là ai...

Y cúi xuống sát tấm ảnh hơn, nhìn thật kĩ. Tim tôi đập mạnh.

- Ừ mà phải... Tôi cũng biết gã ta... khoan... Ờ phải... Đó là một người bạn của Freddie... Gã đến đây cùng với cậu Freddie, ả người Nga và một cô gái nữa... Tôi chắc đấy là một người Nam Mỹ hoặc đại loại như thế...

- Bác không thấy anh ta giống tôi ư?

- Phải... Tại sao không? Y nói, không lấy gì làm tự tin.

Đó, thế là rõ, tôi không phải tên là Freddie Howard de Luz. Tôi nhìn bãi cỏ mọc cao rậm chỉ còn nhuộm ánh mặt trời tà ở ngoài rìa. Không bao giờ tôi từng khoát tay một bà nội người Mỹ dạo chơi theo bãi cỏ này. Thuở nhỏ, không bao giờ tôi từng chơi trong vườn “mê cung” ấy. Cái xà móc gì này với những cái đu của nó không phải đã được dựng cho tôi. Đáng tiếc.

- Bác bảo Nam Mỹ à?

- Phải... Nhưng gã nói tiếng Pháp thạo như ông và tôi ấy...

- Và bác thường thấy anh ta ở đây?

- Nhiều lần.

- Làm sao bác biết anh ta là người Nam Mỹ?

- Bởi vì một hôm, tôi đưa xe lên kiểm gã ở Paris để chở về đây. Gã đã hẹn tôi đến chỗ gã làm việc... Trong một đại sứ quán Nam Mỹ...

- Sứ quán nào?

- Đến đoạn này thì ông hỏi quá tầm hiểu biết của tôi...

Tôi cần phải làm quen với sự thay đổi này. Tôi không còn là con cháu một gia đình có tên trong mấy cuốn Bottin thời lưu nữa và cả trong niên

giám năm nay, mà là một gã Nam Mỹ mà tung tích còn khó dò tìm hơn gấp bội.

- Tôi cho đó là một người bạn thời niên thiếu của Freddie...

- Anh ta đến đây cùng với một người đàn bà?

- Vâng. Hai ba lần. Một phụ nữ Pháp. Họ đến cùng với ả người Nga và cậu Freddie, cả bốn... Sau khi bà nội cậu mất...

Y đứng dậy.

- Ông có muốn ta quay về không? Bắt đầu lạnh rồi...

Đêm đã gần buông và chúng tôi lại ở trong “phòng ăn mùa hè”.

- Đây là phòng ưa thích của Freddie... Buổi tối, cậu ngồi lại đó rất khuya với ả người Nga, gã Nam Mỹ và cô kia...

Chiếc đi-văng chỉ còn là một vệt nhàn nhạt và trên trần, những cái bóng cắt nhau thành mạng mắt cáo và những hình thoi. Tôi cố bắt dư âm những buổi tối xa xưa của chúng tôi, nhưng vô ích.

- Họ đã đặt một bàn bi-a ở đây... Chủ yếu là cô bạn gái của gã Nam Mỹ chơi bi-a... Lần nào cô ta cũng thắng... Tôi có thể nói với ông thế bởi vì tôi đã chơi với cô ta nhiều ván... Đây, bàn bi-a vẫn còn đấy...

Y kéo tôi vào một hành lang tối, bật một cái đèn pin và chúng tôi đi ra một đại sảnh lát đá, nơi khởi điểm của một cầu thang đồ sộ.

Dưới gầm cầu thang, quả nhiên tôi nhận thấy một bàn bi-a. Y soi đèn vào đó. Một viên trắng nằm ở giữa như thể ván chơi bị ngắt quãng và sắp tiếp tục trong chốc lát. Và Gay Orlow, hoặc tôi, hoặc Freddie, hoặc người đàn bà Pháp bí ẩn theo tôi đến đây, hoặc Bob, đã cúi xuống để ngắm.

- Ông thấy bàn bi-a vẫn ở đấy...

Y lia đèn lên những bậc cầu thang đồ sộ.

- Chả bỏ gì mà lên gác, vô ích... Họ niêm phong cả rồi...

Tôi nghĩ Freddie có một phòng ở trên đó. Một phòng hồi nhỏ, rồi một hồi thanh niên với những giá sách, những tấm ảnh dán trên tường và – biết đâu? – trên một tấm lại chả có cả bốn chúng tôi hoặc Freddie và tôi bá vai bá cổ nhau. Y dựa vào bàn bi-a để châm lại tẩu thuốc. Tôi, tôi không thể không nắm cái cầu thang lớn chả bỏ leo lên làm gì vì trên đó, tất cả đều đã bị “niêm phong”.

Chúng tôi đi ra theo lối cửa ngách nhỏ mà y đóng lại, hai vòng chìa khoá. Trời tối đen.

- Tôi phải đáp tàu về lại Paris, tôi bảo y.

- Đi với tôi.

Y nắm chặt cánh tay tôi, dẫn dọc theo bức tường rào. Chúng tôi đến trước chuồng ngựa cũ. Y mở một cánh cửa kính và thắp một cây đèn dầu.

- Họ cắt điện đã từ lâu. Nhưng họ quên không cúp nước...

Chúng tôi ở trong một gian phòng, giữa có một bàn gỗ sẫm màu và những chiếc ghế mây. Trên tường, những chiếc đĩa sứ và đĩa đồng. Một cái đầu lợn lòi nhồi rơm phía trên khung cửa sổ.

- Tôi muốn tặng ông một món quà.

Y đi về phía một cái tủ ở cuối phòng và mở ra. Y rút ra một chiếc hộp, đặt lên bàn, nắp hộp ghi dòng chữ này: “Bích-qui Lefebvre Hữu Ích – Nantes”. Rồi y đứng sừng sững trước mặt tôi.

- Ông là bạn của Freddie hả? Y nói với tôi, giọng xúc động.

- Vâng.

- Thế thì tôi sẽ cho ông cái này...

Y chỉ cho tôi cái hộp.

- Đó là những kỷ niệm về Freddie... Những thứ lặt vặt mà tôi đã cứu được khi họ đến tạm giữ nhà này...

Y xúc động thật sự. Thậm chí tôi cho là y rưng rưng nước mắt nữa.

- Tôi rất yêu quý cậu ấy... Tôi biết cậu ấy từ hồi còn nhỏ... Đó là một người mơ mộng... Cậu cứ nhắc đi nhắc lại với tôi rằng cậu sẽ mua một cái thuyền buồm... cậu ấy bảo tôi: “Bob, anh sẽ là thuyền phó của tôi...” Có trời biết hiện giờ cậu ở đâu... nếu như cậu còn sống.

- Ta sẽ tìm lại được thôi, tôi bảo y.

- Cậu ấy được bà nội chiều quá, ông hiểu không...

Y cầm chiếc hộp đưa cho tôi. Tôi nghĩ đến Stioppa dè Djagoriev và chiếc hộp đỏ mà lão cũng đã cho tôi. Rành là mọi sự đều kết thúc trong những hộp đựng sôcôla hoặc bích qui. Hoặc xì-gà.

- Cảm ơn.

- Tôi đưa ông ra tàu.

Chúng tôi theo một lối đi trong rừng và y chiếu đèn ra phía trước chúng tôi. Liệu y có nhầm đường không? Tôi có cảm giác là chúng tôi đang đi sâu vào tận rừng thăm.

- Tôi đang cố nhớ tên người bạn của Freddie. Cái tay mà ông chỉ cho tôi trong ảnh ấy... Gã người Nam Mỹ...

Chúng tôi đi qua một khoảng rừng trống, cỏ như phát lân quang dưới ánh trăng. Đứng kia, một lùm cây thông có tán. Y đã tắt đèn pin vì ở chỗ này, chúng tôi nhìn rõ gần như giữa ban ngày.

- Chính đây là nơi Freddie thường đi ngựa với một người khác... Một gã jô-kê... Cậu ấy không bao giờ nói với ông về jô-kê ấy ư?

- Không bao giờ.

- Tôi không còn nhớ tên gã... Vậy mà dạo xưa, gã đã từng nổi tiếng... Gã đã từng là jô-kê của ông nội cậu Freddie khi ông cụ còn cả một chuồng ngựa đua.

- Anh chàng Nam Mĩ cùng biết gã jô-kê ấy chứ?

- Dĩ nhiên. Họ cùng đến đây cả. Gã jô-kê chơi bi-a với những người khác. Thậm chí tôi nghĩ rằng chính gã đã giới thiệu ả người Nga với cậu Freddie...

Tôi sợ không nhớ hết các chi tiết ấy. Đáng lẽ phải ghi ngay vào một cuốn sổ tay.

Đường dốc lên thoải thoải và tôi bước đi khó khăn vì lớp đá khô khá dày.

- Thế nào, bác nhớ ra tên anh chàng Nam Mĩ chưa?

- Khoan... Khoan... tôi sắp nhớ ra...

Tôi ghì cái hộp bích-qui sát bên hông và tôi sốt ruột muốn biết trong đó có gì. Rất có thể tôi sẽ tìm thấy một số giải đáp cho những câu hỏi của mình. Tên tôi. Hoặc tên gã jô-kê chẳng hạn.

Chúng tôi đến ngồi cạnh một bờ dốc và chỉ còn xuống đoạn này là đến quảng trường nhà ga. Nhà ga có vẻ vắng ngắt với cái phòng rộng rức rờ ánh

đèn nê-ông. Một người đi xe đạp từ từ băng qua quảng trường và dừng lại trước cửa nhà ga.

- Khoan... tên gã là Pedro...

Chúng tôi vẫn đứng bên bờ dốc. Y lại lấy tẩu ra và nạo bằng một thứ dụng cụ nhỏ bí ẩn. Tôi thầm nhắc đi nhắc lại cái tên được đặt cho tôi từ lúc lọt lòng, cái tên mà người ta đã dùng gọi tôi suốt một quãng đời và gọi lên khuôn mặt tôi với một số người: Pedro.

XII

Chẳng có gì nhiều nhận trong hộp bích-qui. Một chú lính chì sắt sẹo với một cái trống. Một nhánh cỏ bốn lá dán ở giữa một chiếc phong bì trắng. Những tấm ảnh.

Tôi có mặt trên hai tấm ảnh. Không nghi ngờ gì nữa, đó vẫn là anh chàng mà ta thấy bên cạnh Gay Orlow và ông già Giorgiadzé. Một gã tóc nâu cao lớn, tôi đấy, chỉ khác mỗi cái là bây giờ tôi không để ria. Trên một tấm, tôi chụp cùng với một gã khác cũng trẻ như tôi, cao như tôi nhưng tóc sáng hơn. Freddie chẳng? Đúng thế, vì ở mặt sau ảnh, có ai đã ghi bằng bút chì: “Pedro-Freddie – La Baule”. Chúng tôi đứng cạnh biển, mỗi người mang một cái áo choàng bãi tắm. Có vẻ là một tấm ảnh rất xa xưa.

Trên tấm ảnh thứ hai, bọn tôi có bốn người: Freddie, tôi, Gay Orlow mà tôi dễ dàng nhận ra và một thiếu phụ khác, tất cả ngồi bệt xuống đất, dựa lưng vào chiếc đi văng bọc nhung đỏ ở phòng ăn mùa hè. Bên phải, có thể thấy chiếc bàn bi-a.

Một tấm ảnh thứ ba chụp người thiếu phụ mà ta thấy cùng với chúng tôi ở phòng ăn mùa hè. Nàng đứng trước bàn bi-a, hai tay cầm chiếc gậy dùng để chơi trò này. Tóc màu sáng rủ xuống dưới bờ vai. Cô nàng mà tôi thường đưa đến toà lâu đài của Freddie chẳng? Trên một tấm ảnh khác, nàng đứng tì khuỷu tay trên lan can ngoài hiên.

Một tấm bưu thiếp, đề địa chỉ “Ông Robert Brun ở nhà Howard de Luz. Vallbreuse Orne, giới thiệu một cảnh cảng New York. Người ta đọc thấy:

“Bob thân mến. Gửi lời chào thân ái từ New York. Hẹn sớm gặp lại, Freddie.”

Một tài liệu kỳ lạ mang những dòng in đầu trang: *Consulado General de la Republica Argentina (Tổng lãnh sự quán nước Cộng Hoà Áchentina)* –

Số 106.

Tổng lãnh sự quán nước Cộng Hoà Áchentina ở Pháp, chịu trách nhiệm về Lợi ích Hy Lạp ở vùng chiếm đóng, chứng thực rằng trong Thế Chiến 1914 – 1918, kho tư liệu lưu trữ của toà thị chính Salonique đã bị cháy trụi.

Paris, ngày 15 tháng 7 năm 1914

Tổng lãnh sự quán nước Cộng Hoà Áchentina chịu trách nhiệm về Lợi ích Hy Lạp.

Một chữ ký, dưới có ghi rõ:

R.L de Oliveira Cezaar

Tổng lãnh sự

Tôi ư? Không. Ông ta đâu có tên là Pedro.

Một mảnh cắt từ báo ra:

TÀI SẢN TẠM GIỮ CỦA HOWARD DE LUZ

Bán đấu giá công cộng

theo yêu cầu

của Ban quản lí Đất đai

tại Valbreuse (Orne) Lâu đài Saint – Lazare

ngày 7 và 11 tháng 4. Bán:

Một lô đồ đạc quan trọng

Mỹ phẩm và đồ gỗ cổ và hiện đại

Tranh – Đồ sứ – Đồ gốm

Thảm – Chăn nệm – Quần áo trong nhà

Dương cầm cánh dơi Erard

Tủ lạnh, v.v...

Trưng bày: ngày thứ bảy 6 – 4, từ 14g đến 18g

và buổi sáng những hôm bán từ 10g đến 12g.

Tôi mở chiếc phong bì có dán nhánh cỏ bốn lá. Trong đó có bốn tấm ảnh nhỏ cùng cỡ với loại mà người ta gọi là “Photomaton”: một tấm chụp Freddie, tấm kia chụp tôi, tấm thứ ba là Gay Orlow và tấm thứ tư, người thiếu phụ tóc màu sáng.

Tôi còn thấy một tấm hộ chiếu còn để khổng của Cộng Hoà Dominich.

Tình cờ lật mặt sau tấm hình người thiếu phụ tóc màu sáng, tôi đọc thấy mấy chữ dưới đây ghi bằng mực xanh, cũng vẫn nét chữ tháu như trong tấm bưu thiếp gửi từ Mỹ: PEDRO: ANJon 15 – 28.

XIII

Cái số điện thoại đã từng là số máy của tôi hiện còn có trong bao nhiêu cuốn sổ ghi nữa? Phải chăng đó chỉ là số dây nói của một văn phòng, nơi người ta chỉ có thể gọi tôi vào một buổi chiều?

Tôi quay số ANJon 15 – 18. Chuông đổ liên hồi nhưng không có ai trả lời. Liệu có còn dấu vết gì của tôi trong cái căn hộ hoang vắng đó, căn phòng từ lâu không người ở, nơi chiều nay chuông điện thoại réo hoài vô vọng?

Thậm chí tôi khỏi cần phải gọi phòng chỉ dẫn làm gì. Tôi chỉ cần rướn căng bắp chân cho quay chiếc ghế bành da của Hutte. Trước mặt tôi, những dây Bottin và niên giám. Một cuốn trong số đó, nhỏ hơn những cuốn khác, được đóng bằng da dê in màu ve nhạt. Đó đích thị là cuốn tôi cần. Tất cả những số điện thoại có ở Paris từ ba mươi năm nay đều được liệt kê trong đó, kèm theo địa chỉ.

Tôi giờ các trang, tìm đập thành thành. Và tôi đọc thấy:

ANJon 15 – 28 – 10 bis phố Canbacérès, Q.8

Những cuốn Bottin sắp theo tên đường phố của năm ấy lại không nhắc gì đến số điện thoại ấy.

CAMBACÉRÈS (phố)

Q.8

10 bis HỘI ÁI HỮU NHỮNG THỢ MÀI KIM CƯƠNG MIR 18 – 16

KHÂU MAY – THỜI TRANG ANJ 32 – 49

PILGRAM (Hélène) ELY 05 – 31

REBBINDER (Hãng) MIR 12 – 08

REFUGE (de) ANJ 50 – 52

S.E.F.I.CMIR 74 – 31

MIR 74 – 32

MIR 74 – 33

XIV

Một anh chàng tên là Pedro. ANJon 15 – 10 bis, phố Cambacérès, quận 8.

Xưa hình như gã làm việc ở một toà công sứ Nam Mỹ. Chiếc đồng hồ quả lắc mà Hutte để lại trên bàn giấy chỉ hai giờ sáng. Bên dưới, đại lộ Niel, hoạ hoằn mới có vài chiếc xe qua lại và đôi khi tôi nghe thấy tiếng phanh kít khi đèn đỏ bật.

Tôi giờ những cuốn Bottin mà ở trên đầu có danh sách các sứ quán và các đoàn đại diện với các thành viên.

Cộng hoà Đôminích

Đại lộ Messine, 21 (Q.8) CaRNot 10 – 18

N... Đặc phái viên và công sứ đặc mệnh toàn quyền. Tiến sĩ Gustavo J.Henriquez. Bí thư thứ nhất.

Tiến sĩ Salcador E. Paradas. Bí thư thứ hai (và phu nhân), phố Alsace, 41 (Q.10).

Tiến sĩ Bienvenido Carroasco. Tùy viên, phố Descamps, 45 (Q.16), điện thoại: TRO 42 – 91.

Vênêzuêla

Phố Copemic, 11 (Q.16), PASsy 72 – 29.

Công sứ quán: phố la Pompe, 115 (Q.16), PASsy 10 – 89

Tiến sĩ Carlo Aistimuno Coll. Đặc phái viên và công sứ đặc mệnh toàn quyền.

Jaime Picon Fegres. Tham tán.

Antonio Maturib. Bí thư thứ nhất.

Antonio Brinno. Tùy viên.

Đại tá H. Lopez – Mendez. Tùy viên quân sự.

Pedro Saloaga. Tùy viên thương mại.

Goatêmala.

Quảng trường Joffre, 12 (Q. 7), điện thoại: SEGur 09 – 59

Adam Maurisque Rios. Tham tán đại diện lâm thời.

Ismael Gonzalez Arevalo. Bí thư.

Frederico Murgo. Tùy viên.

Êcuador

Đại lộ Wagram, 91 (Q.17), điện thoại: ETOde 17 – 89

Gonzalo Zaldumbido. Đặc phái viên và công sứ đặc mệnh toàn quyền (và phu nhân).

Alberto Puig Arosemena. Bí thư thứ nhất (và phu nhân)

Alfredo Gangotena. Bí thư thứ ba (và phu nhân)

Carlos Guzman. Tùy viên (và phu nhân).

Victor Zevallos. Tham tán (và phu nhân), đại lộ Iéna, 21 (Q.16).

El Savador

Riquez Vega. Đặc phái viên

Thiếu tá J.H.Wishaw. Tùy viên quân sự (và con gái)

F. cappurro. Bí thư thứ nhất.

Luis...

Những con chữ nhảy múa. Tôi là ai?

XV

Rẽ sang trái, bạn sẽ ngạc nhiên vì sự tịch lặng và trống trải ở đoạn đường này của phố Cambacèrès. Không một chiếc xe. Tôi đi qua trước cửa một khách sạn và chói mắt vì một cây đèn chùm lấp lánh tất cả các bóng pha lê của nó trong hành lang liền với cửa vào. Có ánh nắng.

Số 10 bis là một ngôi nhà hẹp bốn tầng lầu. Lầu một có nhiều cửa sổ cao. Một cánh sắt đứng canh ở vỉa hè đối diện.

Một cánh cửa của ngôi nhà để mở, rote thời gian bật. Một phòng ngoài dài, tường xám. Phía trong cùng, một cửa với những ô kính nhỏ, tôi kéo ra khó khăn vì chết gỏi. Một cầu thang không rải thảm dẫn lên các tầng trên.

Tôi dừng lại trước cửa lầu một. Tôi đã quyết định hỏi những người thuê nhà ở tầng lầu xem số điện thoại ANJon 15 – 28 đã có thời kỳ nào là của họ không và cổ họng tôi thắt lại vì tôi biết cách thức tiến hành của mình thật kỳ. Trên cửa, một tấm biển đồng, tôi đọc thấy: HÉLÈNE PILGRAM.

Một hồi chuông mảnh và mòn đến nỗi chỉ nghe thấy từng lúc. Tôi ấn ngón tay trở trên nút thật lâu. Cửa hé ra, gương mặt một người đàn bà tóc ngả màu tro xám và cắt ngắn hiện ra ở khe cửa.

- Thưa bà... Tôi muốn hỏi thăm...

Bà ta dôi cặp mắt rất trong sáng nhìn tôi trân trân. Không thể đoán được tuổi bà. Ba mươi, năm mươi?

- Số điện thoại cũ của bà có phải là ANJon 15 – 28 không ạ?

Bà ta cau mày.

- Phải. Tại sao?

Bà mở cửa rộng hơn. Bà mặc một chiếc áo ngủ đàn ông bằng lụa đen.

- Tại sao ông lại hỏi tôi điều ấy?

- Bởi vì... Tôi đã từng ở đây...

Bà tiến ra thêm nghỉ đầu cầu thang và da diết nhìn vào mặt tôi. Mắt bà trở ra.

- Nhưng... ông là... ông... Mc Evou?

- Vâng, tôi đáp liêu.

- Mời ông vào.

Bà có vẻ xúc động thật sự. Chúng tôi đứng đối diện nhau, giữa một phòng ngoài sân đã hư. Một số mảnh ván đã được thay bằng những miếng vải nhựa linôlêum.

- Ông không thay đổi lắm, bà mỉm cười nói với tôi.

- Bà cũng vậy.

- Ông vẫn còn nhớ tôi?

- Tôi nhớ bà rất rõ, tôi nói với bà.

- Thật quý hoá...

Đôi mắt bà nán lại nhìn tôi, dịu dàng.

- Ông lại đây...

Bà đi trước dẫn tôi vào một gian phòng rất lớn trần rất cao mà các cửa sổ chính là những cửa sổ tôi đã nhận thấy từ ngoài phố. Sàn gỗ, cũng hư

như ở phòng ngoài, được phủ từng chỗ bằng thảm len trắng. Qua các cửa sổ, một mặt trời mùa thu rọi một ánh sáng màu hổ phách vào gian phòng.

- Mời ông ngồi...

Bà chỉ cho tôi một cái ghế dài phủ gối nhưng kê sát tường. Bà ngồi xuống bên trái tôi.

- Gặp lại ông một cách... đột ngột, thật cũng lạ.

- Tôi có việc đi qua khu phố này, tôi nói.

Tôi thấy bà trẻ hơn lúc xuất hiện qua khe cửa hé mở. Không một vết nhăn nhỏ nào ở khoé môi, quanh mắt cũng như ở trán và gương mặt phẳng phiu đó tương phản với mái tóc bạc.

- Tôi có cảm giác là bà đã thay đổi màu tóc. Tôi đánh liều nói.

- Không mà... tóc tôi đã bạc từ năm hai mươi lăm tuổi... Tôi ưng giữ nguyên màu tóc này...

Ngoài chiếc ghế dài, đồ đạc chả có mấy. Một cái bàn hình chữ nhật kê sát tường đối diện. Một cái Mannơcanh cũ giữa hai cửa sổ, thân choàng một tấm vải màu be bẩn và sự hiện diện khác thường của nó gợi đến một xưởng may. Vả lại, tôi nhận thấy một chiếc máy khâu để trên một cái bàn ở góc phòng.

- Ông nhận ra căn hộ này chứ? Bà hỏi tôi. Ông thấy đấy... Tôi vẫn giữ những thứ này...

Bà khoát tay về phía người giá thợ may.

- Chính Denise đã để lại tất cả những cái đó...

- Quả vậy, tôi nói, cũng không thay đổi gì mấy...

- Còn Denise? Bà sốt ruột hỏi. Cô ấy ra sao rồi?

- À, tôi nói, lâu rồi tôi không gặp lại cô ấy...

- Thế đấy...

Bà có vẻ thất vọng và gật đầu như thể bà hiểu rằng không nên nhắc đến cô “Denise” ấy nữa. Vì thế nhì mà.

- Thực ra, tôi nói, bà quen Denise lâu chưa?...

- Lâu rồi... Tôi quen cô ấy do Léon...

- Léon?

- Léon Van Allen ấy.

- Tất nhiên rồi, tôi nói, chợt dạ vì cái giọng biểu lộ trong câu này, một giọng trách móc khi thấy cái tên “Léon” không gợi cho tôi nhớ ngay đến “Léon Van Allen”.

- Anh ta sao rồi, Léon Van Allen ấy? Tôi hỏi.

- Ồ... đã hai ba năm nay tôi không được tin tức gì của ông ấy... Ông ấy đã đi Guyane thuộc Hà Lan ở Paramaribo... Ông ấy đã mở lớp dạy múa bên đó...

- Dạy múa?

- Vâng. Trước khi làm nghề khâu may, Léon đã là diễn viên múa... Ông không biết sao?

- Có, có chứ. Nhưng tôi quên bég đi mất.

Bà ngả người ra sau dựa lưng vào tường và thắt lại chiếc dây lưng áo ngủ.

- Còn ông, ông giờ ra sao?

- Ồ, tôi ấy à? ... chẳng sao cả...

- Ông không làm ở sứ quán Cộng hoà Đôminích nữa à?

- Không.

- Ông có nhớ hồi ông đề nghị làm cho tôi một tấm hộ chiếu Đôminích? Ông bảo ở đời phải đề phòng và bao giờ cũng phải có mấy tấm hộ chiếu...

Kỷ niệm này làm bà thích thú. Bà thốt lên một tiếng cười ngắn.

- Lần cuối cùng bà được tin về... Denise là bao giờ? Tôi hỏi bà.

- Ông đi Megève với cô ấy và từ nơi ấy, cô gửi cho tôi một bức thư ngắn. Rồi từ bấy đến nay bất tin.

Bà dăm dăm nhìn tôi, vẻ dò hỏi nhưng hẳn là bà không dám đặt thẳng một câu hỏi trực tiếp. Cô nàng Denise ấy là ai nhỉ? Nàng có đóng vai trò gì quan trọng trong đời tôi không?

- Bà tưởng tượng coi, tôi nói, có những lúc tôi có cảm giác mình đang ở trong một màn sương mù dày đặc... Tôi bị những lỗ hổng trong trí nhớ... Những thời kỳ buồn chán... Cho nên, nhân tiện qua phố này, tôi mạo muội... lên đây... để thử tìm lại cái... cái...

Tôi hoài công tìm một chữ chính xác mà không ra nhưng cái đó không quan trọng gì vì bà mỉm cười, và nụ cười ấy cho tôi thấy bà không hề ngạc nhiên trước ứng xử của tôi.

- Ông muốn nói: tìm lại thời vui vẻ ngày xưa?

- Vâng. Đúng thế... Thời vui vẻ...

Bà cầm lấy một cái hộp thếp vàng trên một cái bàn nhỏ ở đầu divăng và mở ra. Hộp đầy thuốc lá.

- Không, cảm ơn, tôi nói.

- Ông không hút thuốc nữa ư? Thuốc lá Ăng-lê đấy. Tôi nhớ là ông thường hút thuốc lá Ăng-lê mà... Mỗi lần chúng ta gặp nhau ở đây, cả bộ ba, với Denise, ông đều mang đến cho tôi một túi đầy những bao thuốc lá Ăng-lê.

- Phải, đúng vậy...

- Ở công sứ Đominích, loại thuốc ấy, ông muốn bao nhiêu cũng có...

Tôi vươn tay tới cái hộp thếp vàng, dùng ngón cái và ngón trỏ nhón một điếu. Tôi e sợ đưa lên miệng. Bà đưa bật lửa cho tôi sau khi châm điếu thuốc của mình. Tôi phải bật đi bật lại mấy lần mới lên lửa. Tôi hít một hơi. Lập tức, một cảm giác nhói nhói rất đau làm tôi ho sù sụ.

- Tôi mất thói quen rồi, tôi bảo bà.

Tôi không biết làm thế nào để rảnh nợ với điếu thuốc lá này, tôi cứ cầm nó giữa ngón cái và ngón trỏ trong khi nó cháy dần.

- Vậy là bây giờ, tôi nói, bà ở căn hộ này?

- Vâng. Tôi lại dọn đến đây khi tôi bắt tin Denise... Vả lại, trước khi đi, cô ấy cũng báo là tôi có thể lấy lại căn hộ...

- Trước khi cô ấy đi?

- Vâng mà... trước khi ông cùng cô ấy đi Megève...

Bà nhún vai như thể đó là điều hiển nhiên đối với tôi.

- Tôi có cảm giác tôi ở lại căn hộ này trong thời gian rất ngắn...

- Ông ở đây mấy tháng với Denise...

- Và bà, bà ở đây trước chúng tôi?

Bà ngẩn ra nhìn tôi.

- Cố nhiên là thế, kia... Đây là căn hộ của tôi... Tôi cho Denise mượn vì tôi phải đi Paris...

- Xin lỗi... Tôi vừa nhầm đi nghĩ sang chuyện khác.

- Ở đây tiện cho Denise. Có chỗ cho cô ấy đặt một xưởng khâu may...

Một cô thợ khâu ư?

- Tôi cứ tự hỏi: không hiểu tại sao bọn tôi lại rời căn hộ này, tôi nói.

- Tôi cũng thế...

Lại cái nhìn dò hỏi ấy. Nhưng tôi biết giải thích thế nào cho bà? Tôi biết ít hơn bà. Tôi chẳng biết gì về những chuyện này. Cuối cùng, tôi đặt vào cái gạt tàn mẫu thuốc cháy gần hết làm bỏng ngón tay tôi:

- Trước khi đến ở đây, chúng tôi có gặp nhau không nhỉ? Tôi rụt rè hỏi liều.

- Có. Hai ba lần. Ở khách sạn ông trọ...

- Khách sạn nào?

- Phố Cambon. Khách sạn Castille. Ông còn nhớ cái phòng màu ve ông thuê để ở với Denise?

- Vâng.

- Ông và cô ấy đã rời khách sạn Castille vì cảm thấy ở đó không an toàn... phải thế không?

- Vâng.

- Quả là một thời kỳ lạ lùng...

- Thời kỳ nào?

Bà không trả lời mà châm một điếu thuốc nữa.

- Tôi muốn đưa bà xem mấy tấm ảnh, tôi nói.

Tôi rút từ túi trong áo vét ra một cái phong bì đã trở thành một vật bất ly thân, trong đó tôi xếp tất cả các ảnh. Tôi đưa cho bà xem tấm hình Freddie Howard de Luz, Gay Orlow, người thiếu phụ không quen và tôi chụp trong “phòng ăn mùa hè”.

- Bà nhận ra tôi chứ?

Bà quay người để xem tấm ảnh dưới ánh sáng mặt trời.

- Ông đứng với Denise, nhưng hai người kia thì tôi không biết...

- Bà không biết Freddie Howard de Luz?

- Không.

- Cả Gay Orlow cũng không?

- Không.

Rành là người ta sống cách ngăn thật, các bạn của cùng một người mà không biết nhau. Thật đáng tiếc.

- Tôi còn hai tấm ảnh Denise nữa.

Tôi chìa cho bà tấm ảnh nhỏ cho thẻ căn cước và tấm đứng tì khuỷu tay ở lan can.

- Tôi biết tấm này rồi, bà nói với tôi... Thậm chí tôi nghĩ cô ấy đã gửi cho tôi một tấm như thế từ Megève nữa kia. Nhưng tôi không nhớ tôi đã để nó ở đâu...

Tôi lấy lại tấm ảnh từ tay bà và ngắm thật kỹ. Megève. Đằng sau Denise, có một khung cửa sổ nhỏ, với một cánh gỗ. Phải cánh cửa và hàng lan can ấy có thể là một nhà gỗ trên núi.

- Cái chuyện đi Megève ấy dù sao cũng là một ý kỳ cục, tôi đột ngột tuyên bố. Denise có nói với bà cô ấy nghĩ thế nào về việc ấy không?

Bà ngắm tấm ảnh căn cước. Tim đập thành thành, tôi chờ bà trả lời.

- Có... cô ấy có nói với tôi về chuyện đó... cô ấy bảo Megève là một nơi an toàn... Và từ đó, bao giờ cũng có khả năng vượt qua biên giới.

- Phải... Tất nhiên...

Tôi không dám đi xa hơn. Tại sao tôi lại rụt rè và sợ sệt đến thế khi đề cập đến những đầu đề thiết thân với mình? Nhưng cả bà nữa, tôi hiểu điều này qua cái nhìn của bà, là cũng muốn nghe tôi giải thích. Cả hai chúng tôi đều im lặng. Cuối cùng bà quyết định:

- Nhưng chuyện gì đã xảy ra ở Megève?

Bà đặt câu hỏi này với tôi một cách khẩn cấp đến nỗi lần đầu tiên, tôi cảm thấy lòng tràn đầy chán nản và thậm chí còn hơn chán nản nữa kìa – tuyệt vọng, cái nỗi tuyệt vọng thường xâm chiếm ta khi ta nhận biết được rằng, bất chấp mọi cố gắng, mọi ưu điểm cùng toàn bộ thiện chí của ta, ta vẫn vấp phải một trở ngại không thể vượt qua.

- Tôi sẽ giải thích cho bà hay... Để một hôm khác...

Chắc hẳn trong giọng tôi hoặc trong sắc diện tôi, có một cái gì lạc thần vì bà đã riết chặt cánh tay tôi như để an ủi và bà nói với tôi:

- Tha lỗi cho tôi đã đặt với ông những câu hỏi thiếu tế nhị... Nhưng... tôi là bạn thân của Denise mà...

- Tôi hiểu...

Bà đứng dậy.

- Ông đợi tôi một lát...

Bà rời căn phòng. Tôi nhìn xuống chân ngắm những vùng ánh sáng tạo nên bởi những tia nắng trên tấm thảm len trắng. Rồi những mảnh ván sàn và cái bàn hình chữ nhật và cái manơcanh cũ trước kia thuộc về “Denise”. Liệu rồi cuối cùng, tôi có nhận ra được một nơi tôi đã từng sống?

Bà trở lại, cầm cái gì đó trong tay. Hai cuốn sách. Một sổ nhật ký.

- Hôm đi, Denise bỏ quên cái này... Đây... tôi biếu ông...

Tôi ngạc nhiên không thấy bà xếp những vật kỷ niệm ấy trong một cái hộp như Stioppa de Djagoriew và người làm vườn cũ của bà mẹ Freddie. Rút lại, đây là lần đầu tiên trong cuộc tìm kiếm của tôi, người ta không đưa cho tôi một cái hộp. Ý nghĩ ấy làm tôi bật cười.

- Có gì mà ông thích thú thế?

- Chẳng có gì cả.

Tôi ngắm bìa những cuốn sách. Trên một trang bìa, mặt một người Trung Quốc để ria, đội mũ quả dưa, hiện ra trong màn sương mù màu xanh lơ. Một đầu đề *Charlie Chan*. Trang bìa kia màu vàng và ở mé dưới, tôi nhận thấy một cái hình vẽ một cái mặt nạ có cầm một cái bút lông ngỗng. Cuốn sách này tên là *Thư nặc danh*.

Denise đọc mọi thứ tiểu thuyết trinh thám!... bà nói với tôi. Còn có cái này nữa...

Bà chìa cho tôi một cuốn sổ nhật ký bìa da cá sấu.

- Cảm ơn.

Tôi mở cuốn sổ và lật giở các trang. Chưa thấy viết gì: không một cái tên nào, không một cuộc hẹn gặp. Cuốn sổ nhật ký có ngày tháng, nhưng không có năm. Cuối cùng, tôi tìm thấy giữa các trang một tờ giấy và tôi giở ra:

Cộng hoà Pháp.

Tỉnh Seine

Trích lục các giấy khai sinh của quận 13 Paris

Năm 1917

Ngày 21 tháng mười hai năm một nghìn chín trăm mười bảy.

Vào hồi mười lăm giờ, ở phố bến tàu Austerlitz 19, đã ra đời Denise Yvette Coudreuse, giống cái, con của Paul Coudreuse và Henriette Bogeerts, vô nghề nghiệp, ở địa chỉ trên.

Ngày 3 tháng 4 năm 1939 kết hôn với Jimmy Pedro Stern tại Paris (quận 17)

Để trích lục y bản chính

Paris – ngày 16 tháng 6 năm 1939.

- Bà đã xem cái này chưa? Tôi hỏi.

Bà ngạc nhiên nhìn tờ giấy khai sinh.

- Bà có biết chồng cô ấy không? Cái gã... Jimmy Pedro Stern ấy?

- Denise không bao giờ nói với tôi là cô ấy đã có chồng... Còn ông, ông có biết chuyện đó không?

- Không

Tôi rút cuốn sổ nhật ký và tờ giấy khai sinh vào túi trong, cùng với phong bì đựng ảnh và không hiểu tại sao một ý nghĩ vụt qua óc tôi.

- Cảm ơn bà đã cho tôi những vật kỷ niệm này.

- Xin ông cứ lấy, ông Mc Evoy.

Tôi nhẹ hẫng người khi thấy bà nhắc lại họ tôi vì khi bà phát âm nó lần đầu, tôi nghe không được rõ lắm. Tôi muốn ghi ngay lập tức, nhưng tôi còn phân vân về chính tả.

- Tôi thích cái cách bà phát âm họ tôi, tôi bảo bà. Điều đó là khó đối với một người Pháp... Nhưng bà viết nó như thế nào? Khi viết chữ đó, bao giờ người ta cũng mắc lỗi chính tả.

Tôi dùng một giọng nghịch ngợm. Bà mỉm cười.

- M.C.E hoa, V...O...Y bà đánh vần

- Liền một từ duy nhất? Bà chắc thế chứ?

- Hoàn toàn chắc, bà nói như thể phá một cái bẫy mà tôi dăng ra như bà.

Vậy là McEvoy.

- Hoan hô! Tôi khen bà.

- Tôi không bao giờ phạm lỗi chính tả.

- Pedro McEvoy... Tôi mang một cái tên thật kỳ. Bà không thấy ư? Có những lúc tôi vẫn chưa quen với nó...

- Này... Suýt nữa tôi quên cái này, bà nói.

Bà rút trong túi ra một cái phong bì:

- Đây là mẫu thư cuối cùng tôi nhận được của Denise...

Tôi giờ tờ giấy ra và đọc:

Megève, ngày 14 tháng 2

Hélène thân mến,

Thế là quyết định rồi. Ngày mai, mình sẽ cùng Pedro vượt biên sang bên đó, mình sẽ gửi tin tức về cho cậu thật nhanh.

Trong khi chờ đợi, mình cho cậu số dây nói của một người ở Paris mà nhờ đó, chúng mình có thể liên lạc được với nhau.

OLEG DE WRÉDÉ AUTEUIL 54 – 73

Hôn cậu

Denise

- Và bà có gọi dây nói chứ?

- Vâng. Nhưng lần nào người ta cũng bảo tôi là ông chủ đi vắng.

- Cái tay... Wrédi này là ai?

- Tôi không biết. Denise không bao giờ nói với tôi về người này.

Dần dần, ánh mặt trời rút khỏi căn phòng. Bà thắp một ngọn đèn nhỏ trên cái bàn thấp đầu đi-văng.

- Tôi sẽ lấy làm vui thích nếu được nhìn lại căn phòng tôi đã ở, tôi bảo bà.

- Tất nhiên là được thôi.

Chúng tôi theo một hành lang và bà mở một cửa bên phải.

- Đây, bà nói. Tôi thì không dùng đến các phòng này nữa... Tôi ngủ trong phòng bạn... ông biết đấy... cái phòng nhìn ra sân ấy mà...

Tôi dừng lại ở khung cửa vào. Trời hãy còn đủ sáng. Hai bên cửa sổ, rủ xuống một tấm rèm màu cận rượu vang. Tường phủ giấy có vẽ những hoạ tiết màu xanh nhạt.

- Ông nhận ra chứ? Bà hỏi tôi.

- Vâng.

Một cái dát lò xo ở bức tường cuối phòng. Tôi đến ngồi lên mép cái dát lò xo ấy.

- Tôi có thể ở lại một mình mấy phút không?

- Tất nhiên.

- Cái này nhắc tôi nhớ đến “thời kỳ vui vẻ”...

Bà ném về phía tôi một cái nhìn buồn bã và gật đầu.

- Tôi đi pha tí trà...

Cả trong căn phòng này nữa, sàn gỗ cũng hư, nhiều miếng ván đã mất mà không được thay để lấp những chỗ trống, trên tường đối diện với cửa sổ, một lò sưởi lát đá hoa trắng và một tấm gương ở bên kia khung thép vàng mỗi góc lại cầu kỳ gắn thêm một vỏ ốc... Tôi ngả mình nằm ngang cái dát lò-xo, đăm đăm nhìn lên trần rồi những mô-típ trên giấy phủ tường. Tôi gần như dí trán vào tường để xem cho rõ những chi tiết. Những cánh đồng quê. Thiếu nữ đeo tóc giả ngồi trên những cái đu, mục đồng mặc quần ống phồng chơi đàn măngđôlin. Rừng cây dưới trăng. Mọi cái đó chẳng gọi cho tôi kỷ niệm gì, vậy mà những hình vẽ này hẳn đã từng quen thuộc đối với tôi hồi tôi còn ngủ trên chiếc giường này. Tôi tìm trên trần, một vết tích bất kỳ, mà không biết nó là cái gì. Nhưng chẳng có gì níu mắt tôi lại.

Tôi đứng dậy và ra chỗ cửa sổ. Nhìn xuống dưới đường.

Phố vắng tanh và tối hơn lúc tôi vào khu nhà. Gã cảnh sát vẫn đứng canh vỉa hè trước mặt. Phía trái, nếu tôi cúi đầu, tôi có thể thấy một khoảng cũng vắng tanh với những nhân viên cảnh sát khác đứng canh. Như thể cửa sổ của tất cả những khu nhà nuốt lấy bóng đêm đang xuống dần. Những cửa sổ ấy đen ngòm và ta thấy rõ là không có ai ở đấy.

Bấy giờ, một cái gì bật đánh “tách” trong tôi. Cái cảnh nhìn thấy từ căn phòng này gây cho tôi một cảm giác lo âu, nơm nớp, mà tôi đã từng biết. Những mặt tiền này, con phố vắng này, những bóng người canh gác này trong hoàng hôn làm tôi bối rối một cách quỷ quyệt như một bài hát hay một mùi hoa xa kia đã từng quen thuộc. Và tôi dám chắc rằng nhiều lần, cũng vào giờ này, tôi đã từng đứng đây rình ngóng không động đậy, không làm một cử chỉ nhỏ nào và thậm chí không dám thắp một ngọn đèn.

Khi tôi trở lại phòng tiếp khách, tôi tưởng không còn ai ở lại đó nữa, nhưng bà ta đã nằm dài trên ghế nhung. Bà ngủ. Tôi khẽ khàng lại gần và tôi ngồi xuống đầu kia của chiếc ghế dài. Một cái khay với một ấm trà và hai cái tách đặt giữa tấm thảm len trắng. Tôi khẽ ho. Bà ta không thức giấc. Tôi bèn rót trà ra hai tách. Trà nguội lạnh.

Ngọn đèn bên chiếc ghế dài để cả một phần của căn phòng chìm trong bóng tối và tôi phải khó khăn mới nhận ra cái bàn, cái manơcanh và cái máy

khâu, những đồ vật mà “Denise” đã bỏ lại đó. Những buổi tối xưa kia của chúng tôi trong căn phòng này thường như thế nào nhỉ? Làm sao mà biết được?

Tôi nhấp trà từng ngụm nhỏ. Tôi nghe thấy hơi thở của bà ta, một hơi thở gần như không thấy được, nhưng căn phòng tĩnh lặng đến nỗi một tiếng động nhỏ nhất, một tiếng thì thầm khẽ nhất cũng bật lên rõ ràng đến phát sợ. Thôi, đánh thức bà ta làm gì? Bà ta không thể cho tôi biết gì nhiều lắm. Tôi đặt tách xuống chiếc thảm len.

Đúng lúc rời căn phòng, tôi làm cho sàn gỗ kêu cọt két, và tôi đi vào hành lang.

Tôi mò mẫm tìm cửa ra, rồi tìm rơle thời gian của cầu thang. Tôi đóng cửa hết sức nhẹ nhàng. Tôi vừa đẩy cánh cửa có ô kính kia để đi qua lối vào khu nhà thì cái bật “tách!” mà tôi đã cảm thấy khi nhìn qua cửa sổ phòng ngủ trên kia, lại vang lên lần nữa. Lối vào rục một ánh sáng trắng loá toả ra từ ngọn đèn hình cầu treo trên trần. Tôi quen dần với thứ ánh sáng quá gắt ấy. Tôi đứng lại đó ngắm những bức tường xám và những ô kính cửa lắp lánh.

Một cảm giác xuyên qua tâm trí tôi, như những mảnh mộng vụn hiện vụn tan mà khi thức dậy ta cố nắm bắt để dựng lại toàn bộ giấc chiêm bao. Tôi thấy mình đang đi trong một Paris tối tăm và đẩy cửa khu chung cư này của phố Cambacérès. Thế rồi, mắt tôi bỗng nhiên chói loà và trong một giây, tôi không trông thấy gì nữa hết vì ánh sáng trắng loá ở cửa lối vào tương phản mạnh mẽ với bóng đêm bên ngoài.

Chuyện ấy là từ hồi nào nhỉ? Vào thời tên tôi là Pedro McEvoy và tối nào cũng về đây? Phải chăng tôi đã nhận ra lối vào, tấm rèm chùi chân hình chữ nhật to tướng, những bức tường xám, cái bóng đèn hình cầu trên trần đánh đai bằng một cái vành đồng? Đằng sau những ô kính cửa ra vào, tôi trông thấy những bậc đầu của cầu thang mà tôi thêm cất bước chậm rãi đi lên để làm lại những cử chỉ tôi đã từng làm và theo những lộ trình ngày xưa của mình.

Tôi tưởng như còn nghe thấy trong lối vào những khu chung cư dư âm những bước chân của những người thường qua đó và đã biệt tăm từ bấy đến nay. Một cái gì vẫn tiếp tục rung lên sau khi họ đi qua, những làn sóng mỗi lúc một yếu đi nhưng vẫn nắm bắt được nếu tập trung chú ý. Thực ra, có thể chưa bao giờ tôi là cái gã Pedro McEvoy đó, tôi chẳng là cái gì cả, nhưng những làn sóng xuyên qua tôi, khi xa xăm, khi mạnh hơn và tất cả những dư vang tản mát bỗng bồng bềnh trong không trung ấy kết tinh lại và đấy là tôi.

XVI

Khách sạn Castille, phố Cambon. Trước quầy tiếp tân, một phòng khách nhỏ. Trong tủ sách có cửa kính, bộ lịch sử Phục hưng của L. de Vielo Castel. Có thể một tối nào đó, tôi đã lấy một tập ra đọc trước khi lên phòng mình và đã bỏ quên trong đó bức thư, tấm ảnh hoặc tờ điện tín tôi dùng để đánh dấu trang. Song tôi đâu dám xin người thường trực cho phép giở các trang của mười bảy tập để tìm lại cái dấu vết của chính mình.

Trong cùng khách sạn, một mảnh sân quây trong tường có hàng rào mắt cáo phủ đầy dây leo. Nền lát đá màu chu sa, cái màu của những sân quần vợt. Bàn, ghế loại kê ở vườn.

Vậy là tôi đã sống ở đây với nàng Denise Coudreuse nọ. Phòng chúng tôi trông ra phố Cambon hay nhìn xuống sân?

XVII

Số 19 phố bến tàu Austerlitz. Một khu chung cư ba tầng lầu với một cổng lớn mở ra trên một hành lang giữa hai dãy tường vàng. Một quán cà phê với tấm biển đề: *À la marine* (Quán Hải quân). Đằng sau cửa kính, treo một panô trên đó ta đọc thấy “MEN SPREEKT VLAAMSCH” bằng chữ đỏ thẫm.

Khoảng chục người chen chúc ở quầy. Tôi ngồi ở một bàn trống. Một tấm ảnh lớn chụp một hải cảng treo ở bức tường cuối phòng: Anvers, như được ghi dưới đó.

Khách hàng nói rất to ở quầy. Chấn hấn họ đều làm việc trong khu phố này và đang uống rượu khai vị bữa tối. Gần cửa kính ra vào, một bàn bóng máy, đứng trước là một người vận com-lê màu xanh nước biển, thắt cà vạt, y phục nổi bật lên giữa những người khác mặc vét canadiêng, vét da hoặc quần áo lao động. Người này thản nhiên chơi, một tay uể oải kéo cái cần lò xo của bàn bóng máy.

Khói thuốc lá điệu và tẩu làm tôi cay mắt và ho khục khặc. Phảng phất một mùi mỡ lợn nước.

- Cậu dùng gì?

Tôi không thấy lão lại gần mình. Thậm chí tôi không nghĩ là có ai đến hỏi tôi muốn gì vì chắc chẳng ai thấy sự hiện diện của tôi ở cái bàn phía trong cùng.

- Một espresso. ^[9]

Đó là một người nhỏ bé, trạc sáu mươi tuổi, tóc bạc, mặt đỏ đã bị sung huyết, chắc là do uống các loại rượu khai vị linh tinh. Mắt lão màu xanh

nhạt càng có vẻ lờn lợt trên cái nền da đỏ thắm ấy. Có một cái gì vui vui trong cái màu trắng, màu đỏ, màu lơ mang sắc điệu sành sứ ấy.

- Xin lỗi... tôi nói giữa lúc lão sắp quay trở lại quầy. Dòng chữ trên cửa nghĩa là gì vậy?

- MEN SPREEKT VLAAMSCH ấy à?

Lão phát âm câu này bằng một giọng sang sảng.

- Vâng.

- Chúng tôi nói tiếng flamăng.

Lão để mặc tôi đó và tiến về phía quầy, dáng đi khệnh khạng. Lão giơ tay gạt thẳng cánh những khách hàng vương lối.

Lão trở lại với tách cà phê cầm cả hai tay giơ ra phía trước như phải làm một cố gắng lớn để tránh cho cái tách khỏi rơi.

- Đây.

Lão đặt tách lên giữa bàn, thờ rốc như một vận động viên maratông khi về tới đích.

- Bác... COUDREUSE... bác nghe cái tên ấy có quen không?

Tôi đặt câu hỏi một cách thô bạo.

Tôi gieo mình xuống chiếc ghế trước mặt tôi và khoanh tay lại. Lão vẫn thờ phì phò.

- Tại sao? Cậu quen... Coudreuse à?

- Không, nhưng tôi thường nghe nhắc đến trong gia đình.

Nước da lão trở nên màu đỏ gạch và mồ hôi đọng thành giọt ở hai cánh mũi lão.

- Coudreuse... Dạo xưa ông ta ở trên lầu hai...

Lão nói hơi trọ trẹ. Tôi nuốt một ngụm cà phê, quyết định cứ để lão nói, vì hỏi thêm câu nữa có thể làm lão e sợ.

- Hồi ấy, ông ta làm việc ở ga Austerlitz... Vợ ông người Anvers cũng như tôi...

- Ông ấy có một con gái phải không?

Lão mỉm cười:

- Phải. Một con bé xinh đẹp... Cậu biết nó?

- Không, nhưng tôi nghe nói...

- Nó ra sao rồi?

- Đó chính là điều tôi đang cố tìm biết.

- Dạo ấy, sáng nào nó cũng xuống đây mua thuốc lá cho ông bố. Coudreuse quen hút Laurens, loại điệu Bỉ...

Lão đắm vào trong kỷ niệm đó và tôi chắc rằng, cũng như tôi, lão không còn nghe thấy những tiếng cười nói cũng như tiếng xoàn xoạt cửa bên cạnh chúng tôi.

Một con người tử tế, ông Coudreuse ấy... Tôi vẫn thường ăn tối với họ ở trên lầu... Tôi vẫn nói tiếng flamăng với bà vợ ông.

- Bác không được tin gì về họ nữa ư?

- Ông ta chết rồi... Bà vợ trở về Anvers.

Và lão lia mạnh tay qua mặt bàn.

- Cái đó từ thời xa lắc xa lơ rồi, tất cả mọi chuyện đó...

- Bác bảo cô ấy vẫn xuống mua thuốc lá cho cha... thuốc nhãn hiệu gì nhỉ, tôi lại quên mất rồi?

- Laurens.

Tôi hy vọng nhớ được cái tên ấy.

- Một con bé thật ngộ... mới mười tuổi, nó đã đánh bi-a với các khách hàng của tôi...

Lão chỉ cho tôi thấy một cửa ở trong cùng quán cà phê, chắc là dẫn vào phòng bi-a. Vậy là nàng đã học chơi trò ấy ở đây.

- Khoan đã, lão bảo tôi. Để tôi cho cậu xem cái này...

Lão nặng nề đứng dậy và đi về phía quầy. Một lần nữa, lão lại đưa cánh tay gạt tất cả những ai cản lối. Phần lớn khách hàng đội mũ cát-két thủy thủ và nói một thứ tiếng kỳ cục, chắc là tiếng flamăng. Tôi nghĩ có lẽ vì những sa-lan neo ở dưới bến tàu Austerlitz, hẳn là từ Bỉ tới.

- Đây... Xem đây...

Lão ngồi trước mặt tôi và chìa cho tôi một số hoạ báo cũ về thời trang, ngoài bì có hình một cô gái tóc màu hạt dẻ, mắt trong sáng, nét mặt có một cái gì đó rất Á Đông. Tôi nhận ra ngay: Denise. Nàng mặc một chiếc áo cộc bông và cầm một nhánh phong lan.

- Denise, con gái của Coudreuse đấy... Cậu thấy không... một con bé xinh đẹp... Nó đã làm nghề mặc quần áo chiêu mướn... Tôi biết nó từ hồi nó còn bé tí...

Tờ bìa hoạ báo loang lổ vết rượu Scotch.

- Tôi đây, bao giờ tôi cũng thấy lại hình ảnh nó xuống kiểm thuốc lá Laurens cho cha...

- Thế cô ấy không phải là... thợ khâu?

- Không. Tôi không tin là thế.

- Và bác thật sự không biết cô ấy hiện nay ra sao?

- Không.

- Bác không có địa chỉ mẹ cô ấy ở Anvers?

Lão lắc đầu. Lão có vẻ ngao ngán.

- Tất cả những cái đó kết thúc rồi, anh bạn ạ...

Tại sao nhỉ?

- Bác cho tôi mượn tờ báo này được không? Tôi hỏi.

- Được, anh bạn ạ, nhưng cậu phải hứa sẽ trả lại cho tôi.

- Xin hứa.

- Tôi rất quý tờ báo. Nó như là một vật kỷ niệm của gia đình.

- Cô ấy thường xuyên mua thuốc lá vào giờ nào?

- Bao giờ cũng vào tám giờ kém mười lăm. Trước khi đi học.

- Học trường nào?

- Trường ở phố Jenner. Thành thạo tôi và ông Coudreuse đưa nó đi.

Tôi đưa tay về phía tờ báo, thộp nhanh lấy và kéo về phía mình, tim đập mạnh. Thật vậy, lão có thể thay đổi ý kiến và giữ lại.

- Cảm ơn. Mai, tôi mang lại trả bác.

- Không sai hẹn chứ?

Lão nhìn tôi, vẻ nghi ngờ.

- Nhưng tại sao cậu lại quan tâm đến chuyện này? Cậu là người trong gia đình à?

- Vâng.

Tôi không thể không ngắm nghía trang bìa số hoạ báo. Denise có vẻ hơi trẻ hơn trong những tấm ảnh tôi đã có. Nàng đeo hoa tai, và nhô lên khỏi đoá phong lan trong tay, những cánh dương xỉ che lấp một nửa cổ nàng. Ở hậu cảnh, có một thiên thần chạm bằng gỗ. Và mé dưới, ở góc trái tấm hình, những chữ nhỏ xíu màu đỏ nổi bật trên nền áo bôlêrô đen: “Ảnh Jean – Michel Mansource”.

- Cậu muốn uống cái gì không? Lão hỏi tôi.

- Không, cảm ơn.

- Vậy thì tôi đãi cậu tách cà phê ban này.

- Bác quá hảo tâm.

Tôi đứng dậy, cuốn hoạ báo trong tay. Lão đi trước tôi, mở đường qua đám khách hàng mỗi lúc một đông hơn ở quầy. Lão nói với họ một câu bằng tiếng flamăng. Chúng tôi mất khá nhiều thì giờ mới ra tới chỗ cửa kính. Lão mở cửa và thăm mồ hôi trên mũi.

- Cậu đừng quên trả báo tôi, nghe? Lão vừa nói vừa chỉ tờ báo.

Lão đóng cửa kính và theo tôi ra hè đường.

- Cậu thấy không... Xưa, họ ở trên kia... lâu hai...

Các cửa sổ sáng đèn. Cuối một gian phòng, tôi thấy một cái tủ gỗ sẫm màu.

- Giờ có những người khác thuê...

- Hồi bác hay dùng bữa tối với họ, là ở phòng nào?

- Phòng kia... bên trái...

Và lão chỉ cho tôi cửa sổ bên đó.

- Còn phòng của Denise ở đâu?

- Trông sang mé bên kia... mé sân...

Lão đứng tư lự bên tôi. Cuối cùng, tôi chìa tay cho lão.

- Tạm biệt. Tôi sẽ mang trả báo cho bác.

- Tạm biệt.

Lão nhìn tôi, cái đầu to với bộ mặt đỏ tì vào ô kính. Khói thuốc lá tẩu và điều dìm đám khách đứng ở quầy trong một vùng sương mù vàng vàng và đến lượt cái đầu to với bộ mặt đỏ càng lúc càng mờ đi vì mạng hơi nước do hơi thở của lão làm đọng trên kính.

Đêm xuống. Giờ Denise ở trường về, nếu như nàng ở lại học tối. Nàng thường đi hướng nào? Từ phía phải hay từ phía trái? Tôi quên không hỏi lão chủ quán cà phê. Hồi đó, xe cộ qua lại thưa hơn và lá tiêu huyền làm thành một cái vòm bên trên phố bến tàu Austerlitz. Xa hơn, bản thân nhà ga chắc giống như nhà ga một thành phố ở miền Tây Nam. Xa hơn nữa, Thảo viên

và bóng tối cùng sự tịch lặng nặng nề của Chợ Rượu Vang làm tăng thêm sự tĩnh mịch của khu phố.

Tôi qua cửa khu chung cư và tôi bật rờle thời gian. Một hành lang với nền lát cũ gạch hoa hình thoi đen và xám. Một tấm chùi chân bằng sắt. Trên tường quét vôi vàng, những hộp thư. Và bao giờ cũng mùi mỡ lợn nước.

Nếu mình nhắm mắt lại, tôi nghĩ, nếu mình ắp hai tay lên trán mà tập trung tư tưởng, có thể mình nghe được, văng lại từ rất xa, tiếng dép nàng lép xẹp trên cầu thang cũng nên.

XVIII

Nhưng tôi cho rằng nơi chúng tôi – Denise và tôi – gặp nhau lần đầu là ở một bar khách sạn cơ. Tôi ngồi với người đàn ông mà ta thấy trên các tấm ảnh, cái gã Freddie Howard de Luz ấy, bạn thuở nhỏ của tôi, và với Gay Orlow. Họ ở khách sạn một thời gian vì họ mới ở Mỹ về. Gay Orlow bảo tôi rằng cô đợi một người bạn, một cô gái mà cô mới làm quen thời gian gần đây.

Nàng tiến về phía chúng tôi và lập tức, gương mặt nàng làm tôi chú ý. Một bộ mặt Á Đông mặc dù tóc nàng gần như vàng. Đôi mắt rất trong sáng và xéch. Lưỡng quyền cao. Nàng đội một chiếc mũ nhỏ ngồ ngộ trông giống kiểu mũ vùng Tyrol và tóc cắt khá ngắn.

Freddie và Gay Orlow bảo chúng tôi chờ họ một lát và đi lên phòng. Chúng tôi ngồi đối diện nhau. Nàng mỉm cười.

Chúng tôi không nói chuyện. Nàng có cặp mắt màu nhạt thì thoáng vụt qua một chút gì màu xanh lục.

XIX

Mansoure, Jean – Michel. Số 1 phố Gabrielle, quận 17, CL172-01.

XX

- Xin lỗi, y nói với tôi khi tôi đến ngồi vào bàn y ở một quán cà phê ở quảng trường Trắng, nơi y đã đề nghị tôi, qua điện thoại, đến tìm y vào khoảng sáu giờ chiều. Xin lỗi, tôi bao giờ cũng hẹn gặp ở ngoài nhà... Nhất là đối với một cuộc tiếp xúc đầu tiên... Bây giờ chúng ta có thể về nhà tôi...

Tôi nhận ra y dễ dàng vì y đã nói rõ y sẽ mặc một bộ đồ nhung xanh thẫm và tóc y trắng, rất trắng, cắt theo kiểu bàn chải. Cái dáng nghiêm túc ấy khác hẳn với hàng mi dài đen chớp liên hồi, đôi mắt hình trái hạnh đào và hình nét nữ của cái miệng: môi trên uốn lượn, môi dưới căng và hách dịch.

Ở tư thế đứng, tôi thấy y tầm thước. Y mặc áo mưa vào người và chúng tôi ra khỏi tiệm cà phê.

Đến chỗ nền đắp cao của đại lộ Clichy, y chỉ cho tôi một toà nhà cạnh Cối Xay Đỏ và bảo:

Giá vào thời kỳ khác thì tôi đã hẹn ông ở tiệm Graff... Đằng kia kia... Nhưng bây giờ, cái đó không còn nữa...

Chúng tôi băng qua đại lộ và đi theo phố Coustou. Y rảo bước, len lén đưa mắt nhìn về phía những bar đèn màu xanh lục ở vỉa hè bên trái và khi đến ngang tầm xưởng sửa xe lớn, gã gần như chạy. Đến góc phố Lepic, gã mới dừng lại.

- Ông thứ lỗi, y thờ hớn hển nói, cái phố này nhắc tôi nhớ đến những kỷ niệm kỳ cục lắm... Ông thứ lỗi cho...

Y sợ thật sự. Thậm chí tôi chắc là y run lên nữa kia.

- Bây giờ, đỡ rồi... Chỗ này, mọi sự đều ổn...

Y mỉm cười nhìn trước mặt mình, phố Lepic dốc lên với những sạp hàng và những cửa hàng thực phẩm sáng đèn.

Chúng tôi đi vào phố Nữ Tu Viện Trưởng. Y bước bình tĩnh và thoải mái. Tôi rất muốn hỏi y phố Couston nhắc y nhớ đến “những kỷ niệm kỳ cục” nào song tôi không dám đường đột hoặc gây cho y nỗi bồn chồn lo sợ đã làm tôi ngạc nhiên. Và bất thành linh, trước khi đến quảng trường Nữ Tu Viện Trưởng, y lại rào bước. Tôi đi bên phải y. Vào lúc chúng tôi băng qua phố Germain – Pilon, tôi thấy y ném một cái nhìn kinh hãi về phía con phố hẹp ấy với những dãy nhà thấp tối tăm chạy khá dốc xuống tận đại lộ. Y riết cánh tay tôi rất mạnh. Y níu lấy tôi như muốn rút mình ra khỏi sự chiêm ngưỡng con phố này. Tôi kéo y sang hè đường bên kia.

- Cảm ơn... Ông biết đấy – thật rất kỳ...

Y lưỡng lự, định thổ lộ tâm sự.

- Tôi... mỗi lần băng qua đầu phố Germain – Pilon, tôi đều thấy chóng mặt... Tôi... tôi thêm đi xuôi phố... Cảm dỗ quá mạnh.

- Tại sao ông không đi xuôi phố luôn đi?

- Bởi vì... Cái phố Germain – Pilon này... Ngày xưa, ở đây có... Có một chỗ...

Y ngừng lại.

- Ồ... y nói với một nụ cười thoái thác. Tôi thật ngu xuẩn... Montmartre ngày trước...

Y biết gì về Monmartre ngày trước?

Y ở phố Gabrielle trong một khu chung cư bên lề những khu vườn của nhà thờ lớn Sacré – Coeur (Trái tim Chúa Giêsu). Chúng tôi lên lối cầu thang

dùng cho người làm. Y mất khá nhiều thời gian để mở cửa: ba ổ khoá trong đó xoay những chìa khác nhau một cách chậm chạp và cần mẫn như khi người ta tuần tự lần theo hệ thống sắp đặt ổ khoá rất tinh vi của một kết bạc vậy.

Một căn hộ nhỏ xíu. Chỉ bao gồm một phòng tiếp khách và một phòng ngủ, thoát kì thủy chỉ hợp thành một gian duy nhất. Những tấm rèm bằng xa tanh bông bênh treo bằng những dây nhỏ kết chỉ bạc ngăn phòng ngủ với phòng tiếp khách. Phòng này được căng lụa màu xanh da trời và cửa sổ duy nhất được che bằng những tấm rèm cùng một màu đỏ. Những bàn một chân bằng sơn mài đen trên đó bày những đồ bằng ngà hay bằng ngọc, những ghế bành có bọc vải màu ve nhạt và một trường kỷ phủ một thứ hàng dệt in cành lá với màu ve còn nhạt hơn nữa, mang lại cho toàn bộ căn hộ cái dáng vẻ của một hộp kẹo. Ánh sáng hắt xuống từ những đèn vàng rực gắn trên tường.

- Mời ông ngồi, y bảo tôi.

Tôi ngồi xuống chiếc trường kỷ in cành lá. Y ngồi cạnh tôi.

- Nào... đưa tôi xem cái ấy...

Tôi rút trong túi áo vét ra cuốn hoạ báo thời trang và chỉ cho y hình Denise ngoài bìa. Y cầm lấy cuốn hoạ báo từ tay tôi và giương đôi mục kính có gọng đồi mồi to tướng.

- Phải... phải... Ảnh Jean – Michel Mansoure... Đúng là tôi... Không thể nghi ngờ gì được nữa.

- Ông còn nhớ cô gái này?

- Hoàn toàn không. Đạo ấy, ít khi tôi làm cho báo này... Đó là một tờ báo thời trang nhỏ... Tôi chủ yếu làm cho tờ Vogue (Thịnh hành), ông hiểu chứ...

Y muốn tỏ ra mình cao hơn.

- Và ông không có những chi tiết khác về tấm ảnh này?

Y nhìn kỹ tôi, vẻ thích thú. Dưới ánh đèn, tôi thấy da mặt y đầy những nếp nhăn nhỏ li ti và những nốt tàn nhang.

- Nhưng ông bạn thân mến, tôi sẽ nói ngay với ông bạn đây.

Y đứng dậy, cuốn hoạ báo cầm trong tay và xoay một vòng chìa khoá, mở một cánh cửa mà cho đến lúc bấy giờ, tôi chưa để ý thấy vì nó được căng lụa xanh cũng như những bức tường. Cửa này dẫn vào một phòng hẹp. Tôi nghe thấy y lục xục nhiều ngăn kéo kim loại. Mấy phút sau, y ra khỏi đó và đóng cửa lại cẩn thận.

- Đây, y bảo tôi, tôi còn tấm “lịch” nhỏ với những âm bản. Tôi vẫn lưu giữ tất cả, từ đầu trở đi... Sắp xếp theo năm và thứ tự a, b, c...

Y trở lại ngồi bên cạnh tôi và tra “fich”

- Denise... Coudreuse... Đúng thế chứ?

- Vâng.

- Về sau, cô ta không làm ảnh với tôi lần nào nữa... Bây giờ thì tôi nhớ ra cô gái này rồi... Cô ta làm rất nhiều ảnh với Hoynigen – Hunne...

- Ai kia?

- Hoynigen – Hunne, một tay nhiếp ảnh người Đức... Ở mà phải... đúng vậy... Cô ta làm việc rất nhiều với Hoynigen – Hunne...

Mỗi lần Mansoure thốt lên cái tên có những âm vang mơ mộng và náo nức ấy, tôi có cảm giác như cặp mắt màu nhạt của Denise đè nặng lên tôi, như trong lần đầu tiên.

- Tôi có địa chỉ của cô ta hồi ấy, nếu ông muốn biết...

- Tôi muốn biết, tôi đáp, giọng lạc đi.

- 97 phố Rome, Paris, quận 17 – 97 phố Rome...

Y đột ngột ngẩng đầu lên nhìn tôi. Mặt y trắng dễ sợ, mắt trố ra.

- 97 phố Rome...

- Nhưng... có chuyện gì vậy? tôi hỏi.

- Bây giờ tôi nhớ ra cô gái ấy rất rõ... Tôi có một người bạn ở cùng khu chung cư...

Y nhìn tôi, vẻ ngờ vực, và có vẻ cũng bối rối như khi băng qua phố Couton và quảng trường của phố Germain – Pilon.

- Một sự trùng hợp kỳ lạ... Tôi nhớ rất rõ... Tôi đến tìm cô ta tại một nhà ở phố Rome để làm ảnh và nhân tiện ghé thăm người bạn ấy... Anh ta ở tầng lầu bên trên.

- Ông đã đến nhà cô ấy?

- Vâng. Nhưng chúng tôi làm ảnh trong căn hộ của bạn tôi. Anh ta ngồi chơi với bọn tôi.

- Người bạn nào vậy?

Mặt y mỗi lúc một tái. Y sợ.

- Tôi.... sẽ giải thích cho ông nghe... Nhưng trước đó, tôi phải uống một cái gì đó... để lấy tinh thần.....

Y đứng dậy và bước tới một cái bàn có bánh xe mà y đẩy tới trước trường kỷ. Ở khay trên, mấy cái lọ con bày cùng với những nút pha lê và

những lập lắc bạc hình dây hàm thiếc như của đám nhạc công Wehrmacht [10] thường đeo quanh cổ, trên đó có khắc tên loại rượu.

- Tôi chỉ có rượu ngọt... Ông không lấy thế làm phiền lòng chứ?

- Không sao cả.

- Tôi uống chút Marie Bizard... còn ông?

- Tôi cũng thế.

Y rót rượu Marie Bizard vào những chiếc ly hẹp và khi tôi nếm thứ rượu ngọt này, nó hòa lẫn với những thứ xa tanh, ngà và đồ dát vàng ngán ngấm quanh tôi. Nó chính là bản chất của căn hộ này vậy.

- Cái anh bạn ở phố Roma đã... Bị ám sát...

Y nói mấy tiếng sau cùng một cách ngập ngừng và chắc chắn, y làm cố gắng này là vì tôi, nếu không thì y đã không đủ can đảm để dùng một từ cụ thể như vậy.

- Đó là một người Hy Lạp ở Ai Cập... Anh ta làm thơ và đã viết hai cuốn sách...

- Và ông tin rằng Denise Codreuse biết anh ta?

- Ồ... Cô ấy hẳn thường gặp anh ta ở cầu thang, y nói, vẻ khó chịu vì chi tiết ấy đối với y là không quan trọng gì hết.

- Và... Chuyện ấy đã xảy ra trong khu chung cư?

- Phải

- Lúc ấy. Denise ở trong khu chung cư?

Thậm chí y không nghe thấy câu hỏi của tôi.

- Chuyện ấy xảy ra vào ban đêm... anh ta đã đưa một người nào đó lên phòng mình... Bất kỳ ai, anh ta cũng đưa lên phòng mình...

- Người ta đã tìm ra hung thủ?

Y nhún vai.

- Các loại hung thủ ấy, người ta chẳng bao giờ tìm ra... Trước đó, tôi đã chắc rằng cuối cùng điều đó sẽ xảy ra đến với anh ta thôi... Nếu ông thấy mặt mũi một số gã thanh niên mà ta thường mời đến nhà vào buổi tối... Ngay cả ban ngày ban mặt, tôi còn thấy sợ nữa là...

Y mỉm cười, một nụ cười kỳ cục, vừa xúc động vừa kinh hãi.

- Bạn anh tên là gì? Tôi hỏi.

- Alee Scouffi. Một người Hy Lạp ở Alexandrie.

Y đột ngột đứng dậy và kéo những tấm rèm lụa màu xanh da trời, để lộ khung cửa sổ. Rồi y lại ngồi xuống trường kỷ, bên cạnh tôi.

- Ông thứ lỗi... Nhưng có những lúc tôi có cảm giác như có kẻ nào nấp đằng sau những tấm rèm... Ông uống thêm chút Marie- Brizard nữa nhé? Phải, một giọt Marie- Bizard...

Y cố lấy một giọng vui vẻ và nắm chặt cánh tay tôi như muốn chứng tỏ với chính mình rằng tôi quả đang ở đó, bên cạnh y.

- Scouffi đến ở Pháp... Tôi quen anh ta ở Montmartre... Anh ta đã viết một cuốn sách rất hay tên là *Tàu bỏ neo*

- Nhưng thưa ông, tôi nói với một giọng rần rỏi và nhấn rõ từng âm tiết để cho lần này y hạ cố nghe câu hỏi của tôi, nếu ông nói với tôi rằng Denise Coudreuse ở tầng dưới, hẳn cô ấy phải nghe thấy một cái gì bất bình thường

vào cái đêm hôm ấy chứ... Chắc người ta phải lấy cung cô ấy với tư cách là nhân chứng....

- Có thể.

Y nhún vai. Không, dứt khoát là về phần y, y chẳng quan tâm gì đến nàng Denise Coudreuse này, con người rất đáng kể đối với tôi mà tôi muốn biết đến từng cử chỉ nhỏ nhất.

Điều kinh khủng nhất là tôi lại biết hung thủ.... Hẳn làm cho người ta lằm vì hẳn có bộ mặt đẹp như thiên thần... Tuy nhiên, cái nhìn của hẳn rất dữ....Hai con mắt màu xám....

Y rùng mình. Tưởng như người mà y nhắc đến đang đứng đó, trước mặt chúng tôi và phóng cặp mắt xám xuyên suốt y vậy.

- Một tên vô lại bỉ ổi... Lần cuối cùng tôi thấy hẳn là trong thời kỳ chiếm đóng, trong một tiệm ăn ở tầng hầm phố Cambon.. Hẳn ngồi cùng với một tên Đức...

Giọng y run run khi nhắc lại hồi ức đó và mặc dầu tôi mãi nghĩ về Denise Coudreuse, cái giọng the thé ấy, cái thứ kêu than uất ức vẫn gây cho tôi một cảm giác mà tôi khó mà chứng minh cho được, tuy thấy nó mãnh liệt như một điều hiển nhiên: thực ra, y ghen với số phận bạn mình và y giận cái gã mắt xám đã không ám sát chính y đây.

- Hẳn vẫn còn sống... Hẳn vẫn ở đó, ở Paris này... có người cho tôi biết thế... Cố nhiên hẳn không còn bộ mặt thiên thần ấy nữa.. Ông có muốn nghe tiếng hẳn không?

Tôi không kịp trả lời câu hỏi kỳ lạ ấy: y đã cầm lấy máy điện thoại đặt trên một chiếc ghế thấp bọc da đỏ cạnh chúng tôi và quay một số. Y đưa ống nghe cho tôi.

- Ông sắp nghe thấy hẳn nói đấy... Chú ý... Hẳn lấy biệt hiệu là “ Kỵ sĩ xanh”.

Mới đầu tôi chỉ nghe thấy những hồi chuông ngân lặp đi lặp lại cho biết đường dây đang bận. Thế rồi, ở quãng giữa những hồi chuông, tôi nhận ra những tiếng đàn ông đàn bà gọi nhau: Maurice và Josy muốn René gọi đây nói... Lucien đợi Jeannot ở phố Công Ước... bà Du Barry kiếm người cùng phe... Alcibiade chiều nay có một mình...

Những mẫu đối thoại bắt đầu, những giọng nói tìm nhau bất chấp những hồi chuông liên tục bóp nghẹt chúng. Và tất cả những con người vô diện mạo ấy tìm cách trao đổi với nhau một số điện thoại, một mật hiệu với hy vọng có được một cuộc gặp gỡ nào đó. Cuối cùng, tôi nghe thấy một giọng xa xăm hơn những giọng khác, lặp đi lặp lại.

“”Kỵ sĩ xanh” chiều nay rồi... “ Kỵ sĩ xanh” chiều nay rồi... Cho số điện thoại... Cho số điện thoại...

- Thế nào, Mansoure hỏi tôi, ông nghe thấy hản chứ? Ông nghe thấy tiếng hản chứ?

Y áp ống nghe vào tai và ghé mặt lại gần mặt tôi:

- Cái số điện thoại tôi vừa quay, đã từ lâu, không được phân cho ai, y giải thích. Cho nên họ thấy là có thể liên lạc bằng cách ấy.

Y im lặng để nghe “ Kỵ sĩ xanh” cho rõ hơn, còn tôi thì nghĩ rằng tất cả những tiếng la ấy là tiếng bên – kia – mộ, tiếng những người đã khuất – những tiếng lang thang chỉ có thể đáp lại nhau qua một số máy điện thoại không dùng đến nữa.

- Thật ghê sợ... ghê sợ.. y lặp lại, nén chặt ống nghe vào tai: Cái tên sát nhân ấy... Ông nghe thấy chứ?.....

Y đột ngột đặt máy xuống. Mồ hôi y toát ra.

- Để tôi đưa ông xem một tấm ảnh người bạn tôi mà tên vô lại ấy đã ám sát... Và tôi sẽ cố tìm cho ông cuốn tiểu thuyết *Tàu bỏ neo* của anh ta...

Ông nên đọc cuốn đó....

Y đứng dậy và sang phòng ngủ ngăn cách với phòng tiếp khách hàng bằng những tấm xa tanh màu hồng. Tôi thoáng thấy, khuất một nửa sau những tấm rèm đó, một cái giường rất thấp phủ một tấm da lông guanacô^[11].

Tôi ra cửa sổ và tôi nhìn xuống những đường rầy xe điện kéo cáp của xóm Montmartre, những khu vườn của nhà thờ Sancre- Coeur và xa hơn nữa, cả Paris với những ánh sáng, mái nhà và bóng tối của nó. Trong cái mê cung phố phường và đại lộ ấy, một hôm nào đó, chúng tôi – Denise và tôi đã gặp nhau. Những lộ trình giao nhau giữa bao lộ trình mà hàng ngàn hàng vạn người đi theo trong khắp Paris, như hàng ngàn hàng vạn viên tròn nhỏ của một cỗ bi-a điện khổng lồ, đôi khi va chạm vào nhau. Và cái đó chẳng để lại gì hết, thậm chí không còn lấy một vệt sáng kiểu như đường bay của một con đom đóm.

Mansoure hỗn hển xuất hiện trở lại giữa những tấm rèm hồng, một cuốn sách và mấy tấm ảnh trong tay.

- Tôi tìm thấy rồi!... Tôi tìm thấy rồi!....

Mặt y rạng rỡ. Hân y đã sợ thất lạc mất những di vật ấy. Y ngồi xuống trước mặt tôi và đưa cho tôi cuốn sách.

- Đây... Tôi rất quý nó, nhưng tôi cho ông mượn đây....

Nhất thiết ông phải đọc... Đó là một cuốn sách hay ... và linh cảm mới đúng làm sao... Alec đã thấy trước cái chết của mình...

Mặt y tối sầm.

- Tôi cho ông luôn hai, ba tấm ảnh của anh ta....

- Ông không muốn giữ lại?

- Không, không phải thế! Ông đừng lo... Tôi còn hàng chục cái như thế... Và toàn bộ phim!...

Tôi những muốn đề nghị y rửa cho mấy tấm nữa của Denise Coudreuse, song tôi không dám.

- Tôi thấy vui thích được dịp cho một chàng trai như ông mấy tấm ảnh Alec.. – Ông vừa nhìn qua cửa sổ? Quang cảnh thật đẹp, phải không? Thế mà hung thủ giết Alec lại ở đâu đó trong quang cảnh ấy....

Và y đưa mu bàn tay vuốt ve cả Paris phía dưới, qua ô kính.

- Bây giờ, chắc hẳn là một lão già.. một lão già gớm ghiếc... đánh phẫn tô son...

Y kéo những tấm rèm sa tanh hồng bằng một cử chỉ run rẩy.

- Tôi không muốn nghĩ đến điều đó.

- Tôi phải về đây, tôi nói. Một lần nữa, xin cảm ơn về những tấm ảnh.

- Ông để lại tôi một mình ư? Ông không muốn làm thêm một giọt Marie Brizard cuối cùng?

- Không, cảm ơn.

Y tiến tới ra tận cửa cầu thang phụ dùng cho người nhà, qua một hành lang hai bên tường phủ nhung màu xanh đêm và chiếu sáng bởi những ngọn đèn gắn và tường với những tinh thể nhỏ kết thành dây hoa. Cạnh cửa, tôi nhận thấy tấm ảnh một người đàn ông lồng khung nề- đay treo trên tường. Một người đàn ông tóc vàng rơm, mặt đẹp, cương nghị, mặt mơ mộng.

- Richard Wal. Một người bạn Mỹ... cũng bị ám sát.

Y đứng trước mặt, bất động, lưng còng xuống.

- Và còn những người khác nữa, y thì thảo... Rất nhiều người khác.. Nếu tôi tính... tất cả những người chết ấy...

Y mở cửa cho tôi...Tôi thấy y đã rời đến nỗi tôi phải ôm hôn y.

- Đừng lo, ông bạn ạ, tôi bảo y.

- Ông sẽ trở lại thăm tôi chứ? Tôi cảm thấy cô độc biết mấy... Và tôi sợ....

- Tôi sẽ trở lại.

- Và nhất là hãy đọc cuốn sách của Alec...

Tôi mạnh dạn lên.

- Xin ông ... Ông có thể rửa cho tôi vài tấm ảnh ... Denise Coudreuse?

- Dĩ nhiên là được chứ. Tất cả những gì ông muốn.... đừng có đánh mất tấm ảnh của Alec đấy. Và hãy cẩn thận ngoài phố...

Y đóng cửa lại và tôi nghe thấy y lần lượt xoay các chốt cửa. Tôi đứng lại một lát trên sàn đầu cầu thang. Tôi hình dung y qua dãy hành lang màu xanh đậm, trở về phòng tiếp khách có những tấm rèm xa tanh màu hồng và xanh lá cây. Và ở đó, tôi dám chắc, y lại nhấc máy điện thoại lên, quay số đó, bồn chồn ép chặt ống nghe vào tai và, run rẩy, không ngừng lắng nghe những tiếng gọi xa xăm của “Kỵ sĩ xanh”.

XXI

Sáng hôm ấy, chúng tôi ra đi rất sớm trong chiếc xe hơi bỏ mui của Denise và hình như chúng tôi đã qua lối cửa Saint- Cloud. Trời nắng vì Denise đội một chiếc mũ rơm lớn.

Chúng tôi tới một làng của tỉnh Seine- et-Oise hay Seine- et- Marne gì đó và chúng tôi đi theo một con dốc thoai thoải giữa hai hàng cây. Denise cho xe đậu trước một thanh chắn sơn trắng dẫn vào một khu vườn. Nàng đẩy thanh chắn và tôi đợi nàng trên vỉa hè.

Một cây liễu giữa vườn và tận phía cuối, một nhà trệt kiểu Băngalô. Tôi thấy Denise vào Băngalô.

Nàng quay lại với một bé gái chừng mười tuổi, tóc vàng rơm, mặc một chiếc váy xám. Cả ba chúng tôi lên xe, bé gái ngồi đằng sau, tôi ngồi cạnh Denise cầm lái. Tôi không nhớ chúng tôi đã ăn sáng ở đâu.

Những buổi chiều, chúng tôi đã dạo chơi trong công viên Verseille và chúng tôi đã bơi xuống với bé gái. Những phản quang của mặt trời trên làn nước làm tôi chói mắt. Denise đã cho tôi mượn cặp kính râm.

Sau đó, cả ba chúng tôi ngồi quanh một cái bàn có dù che và bé gái ăn một chiếc kem hai màu xanh và hồng. Gần chỗ chúng tôi có nhiều người vận y phục mùa hè. Âm thanh một dàn nhạc. Chúng tôi đưa bé gái về lúc chập tối. Khi đi ngang thành phố, chúng tôi qua trước một hội chợ và chúng tôi đã ghé lại một lúc.

Tôi thấy lại con đại lộ vắng vẻ vào lúc hoàng hôn và Denise cùng bé gái thích thú với trò xe húc nhau, lao đi trong một chiếc màu hoa cà để lại phía sau một luồng tia lửa. Cả hai cùng cười và con bé khoa tay vẫy tôi. Nó là ai nhỉ?

XXII

Chiều hôm ấy ngồi trong văn phòng của Hăng, tôi ngắm nghía những tấm ảnh Mansoure đã cho tôi.

Một người to béo ngồi giữa một chiếc trường kỷ. Y mặc một chiếc áo ngủ bằng lụa thêu hoa. Giữa ngón cái và ngón trỏ bàn tay phải, một chiếc bút thuốc lá. Tay trái giữ những trang của một cuốn sách đặt trên đầu gối. Đầu hói, lông mày rậm, và mi mắt sụp. Y đang đọc. Mũi ngắn và dày, nếp miệng chua chát, mặt béo và mang vẻ phương Đông, tựa một con chó bò hay chuột. Bên trên y, tượng gỗ thiên thần mà tôi đã thấy trên trang bìa họa báo, đằng sau Denise Coudreuse.

Tấm thứ hai chụp y ở tư thế đứng, mặc một bộ com-lê trắng với áo vét cài chéo, sơ-mi kẻ sọc và cà-vạt sẫm. Tay trái nắm chặt một chiếc can có đầu quả táo. Cánh tay phải gấp lại với bàn tay hể mở khiến y có cái dáng kiêu cách. Y đứng rất cứng, gần như kiễng trên đôi giày “đơ-cu-lơ”. Y dần tách ra khỏi tấm ảnh, hoạt động lên và tôi thấy y đi dọc theo một đại lộ, dưới hàng cây, bước chân tập tễnh.

XXIII

Ngày 7 tháng 11 năm 1966

Đối tượng: SCOUFFI.

Sinh tại Alexandre (Ai Cập), ngày 28 tháng 4 năm 1885

Alexandre Scouffi đến Pháp đầu tiên vào năm 1920.

Đã lần lượt ở:

26 phố Naples, Paris (Q.8)

11 phố Berne, Paris(Q.8) trong một căn hộ cho thuê có đồ đạc.

Khách sạn Chicago, 99 phố Rome, Paris (Q.17)

97 phố Rome, Paris (Q.17) lầu 5.

Scouffi là người làm văn học đã in nhiều bài trong các tạp chí khác nhau, những bài thơ mọi thể loại và hai cuốn tiểu thuyết: *Khách sạn Cá Vàng* và *Tàu bỏ neo*.

Cũng nghiên cứu ca khúc và mặc dù không hành nghề ca sĩ trữ tình, đã biểu diễn ở Hội trường Pleyel và ở rạp hát La Monnaie ở Bruxelles. Ở Paris, Scouffi bị cảnh sát thời lưu để ý, coi là không thể dung nạp, thậm chí người ta đã tính đến chuyện trục xuất y.

Tháng 11 năm 1924, hồi ở số nhà 26 phố Naples y đã bị cảnh sát thẩm vấn vì định cưỡng dâm một thiếu niên chưa đến tuổi trưởng thành.

Từ tháng 11/1930 đến tháng 9/1931, y sống ở khách sạn Castille, 99 phố Rome với Pirre D., một thanh niên 20 tuổi, lính công binh đoàn 8 ở Versailles. Hình như Scouffi hay lui tới các bar đặc biệt ở Montmatre. Scouffi có những khoản thu nhập lớn từ những tài sản thừa kế của cha ở Ai Cập.

Bị ám sát trong phòng ở độc thân ở số nhà 97 phố Rome. Không tìm ra hung thủ.

Đối tượng: DE WRÉDE, Oleg

AUTeuil 54-73

Cho đến nay vẫn không xác định được người mang tên này.

Có thể đó là một tên giả hay tên mượn.

Hoặc tên một ngoại kiều chỉ lưu trú ở Pháp một thời gian ngắn.

Số điện thoại AUTeuil 54- 73 không được phân cho ai kể từ năm 1952.

Trong mười năm, từ 1942 đến 1952 nó đã được phân cho:

XUỞNG CHỮA XE HƠI SAO CHỐI

5 phố Foucault, Paris 16

Xưởng này đã đóng cửa từ năm 1952 và sắp tới sẽ được thay thế bằng một nhà cho thuê

Kèm theo tờ đánh máy này là mấy dòng thư.

“Đó, bạn thân mến, tất cả những thông tin mà tôi có thể thu nhập được. nếu bạn cần thêm những thông tin khác, xin cứ báo tôi, đừng ngần ngại. Và chuyển tất cả tình thân ái của tôi đến Hutte.

“Jean- Pirre Bernady của bạn”

XXIV

Nhưng tại sao Scouffi, cái gã to béo có bộ mặt chó bò ấy lại chập chờn trong ký ức mù sương của tôi, chứ không phải một người nào khác? Có lẽ tại bộ đồ trắng của y. Một đốm rục rờ tựa khi người ta vận nệm của một cái máy thu thanh và giữa những tiếng lạo xạo và mọi thứ tạp âm, bỗng nổi lên âm thanh của một dàn nhạc hay một giọng trong ngần....

Tôi nhớ cái đốm sáng do bộ đồ trắng ấy tạo nên trong cầu thang và những tiếng cộp cộp đều đều của chiếc can dầu quả táo nện trên các bậc. Ở thêm nghỉ mỗi tầng cầu thang, y lại dừng. Tôi đã gặp phải nhiều lần khi tôi lên căn hộ của Denise. Tôi thấy lại rất rõ nét tay vịn bằng đồng, bức tường màu be, những cánh cửa kép bằng gỗ sẫm màu của các căn hộ. Ánh sáng một ngọn đèn ngủ ở các tầng và cái đầu ấy, cái nhìn dịu dàng và buồn bã của loài chó bò ló ra từ trong bóng tôi... Thậm chí tôi cho rằng y còn chào tôi khi đi qua.

Một tiệm cà phê ở góc phố Rome và đại lộ Batignolles. Mùa hè, khách tràn cả ra hè và tôi ngồi ở một bàn ngoài hiên. Chiều, Tôi đợi Denise. Những tia nắng cuối cùng còn vương vấn trên mặt tiền và những cửa kính ghép màu của xưởng chữa xe hơi phía bên kia phố Rome, ven đường sắt...

Bỗng nhiên, tôi trông thấy y băng qua đại lộ.

Y vận bộ đồ trắng và tay phải cầm chiếc can dầu quả táo. Y hơi tập tễnh. Y đi về phía Quảng trường Clichy và tôi không rời mắt khỏi cái bóng trắng cứng quèo ấy, dưới hàng cây cuối cùng biến mất. Bấy giờ, tôi bèn uống một hớp bạc hà pha nước và tự hỏi y có thể tìm kiếm cái gì ở đằng ấy. Y đi đến chỗ hẹn nào?

Denise thường hay đến trễ. Nàng làm việc- nhờ cái bóng trắng xa dần dọc theo đại lộ ấy, giờ đây tất cả trở lại trong trí nhớ tôi - nàng làm việc ở nhà một chủ hiệu may, phố La Boétie, một gã tóc vàng, mảnh khảnh mà sau

này người ta nhắc đến nhiều, nhưng hồi bấy giờ mới bắt đầu làm ăn. Tôi nhớ tên anh ta: Jacques và nếu tôi chịu khó, tôi sẽ tìm ra cả họ anh ta trong những cuốn Bottin cũ của Hutte- Phố La Bóétie.

Đêm đã xuống khi nàng đến gặp tôi ở ngoài hiên quán cà phê đó, nhưng điều đó không làm tôi phiền lòng, tôi có thể ngồi ì lâu nữa trước ly bạc hà pha nước của mình. Tôi ưng đợi ở ngoài hiên này là căn hộ nhỏ bé của Denise gần đó. Chín giờ, Y băng qua đại lộ, theo thông lệ của y. Tưởng như bộ đồ của y có lân quang vậy. Một buổi tối, Denise và y đã trao đổi với nhau vài câu dưới hàng cây dọc nền đất đắp cao. Bộ đồ trắng đến lóa mắt ấy, bộ mặt chó bò xám ngoét ấy, vòm lá xanh ánh điện ấy có một cái gì mang vẻ mùa hè và hư ảo.

Denise và tôi đi ngược chiều với y và chúng tôi theo đại lộ Courcelles. Paris mà hai chúng tôi đi dạo hồi ấy cũng có vẻ mùa hè và hư ảo như bộ com-lê phát lân quang của gã Scouffi ấy. Chúng tôi bỗng bèn trong một đêm thơm lừng mùi hương cây râm khi chúng tôi đi qua trước những hàng rào sắt trong công viên Monceau. Rất ít xe cộ. Đèn đỏ, đèn xanh nhẹ nhàng bật lên chẳng để làm gì và những hiệu lệnh màu xen kẽ của chúng cũng êm dịu và đều đặn như tàu lá cọ đu đưa.

Gần đầu đại lộ Hoche, phía tay trái, trước khi đến quảng trường Ngôi Sao, những cửa sổ lớn lầu một của cái khách sạn riêng xưa kia thuộc về ngài Basil Zaharoff vẫn còn sáng đèn. Sau này- hay có lẽ cùng thời kỳ ấy cũng nên- tôi hay lên lầu của một cái khách sạn riêng ấy: những văn phòng và bao giờ cũng có rất nhiều người trong các văn phòng. Những tốp người trò chuyện, những tốp khác gọi điện thoại rồi rút. Một sự đi đi lại lại hằng xuyên. Và tất cả những người ấy thậm chí không cởi áo pa- đờ- xuy. Tại sao một số điều trong quá khứ lại đột ngột hiện rõ nét như ảnh chụp vậy?

Chúng tôi ăn chiều ở một tiệm ăn baxcơ, về phía đại lộ Victor Hugo. Tối hôm qua, tôi đã thử tìm lại tiệm đó mà không thấy. Tuy nhiên, tôi đã sục khắp khu phố. Xưa nó ở góc hai phố rất tĩnh và ở đằng trước có một ngoại hiên được che chở bằng những chậu cây xanh và tấm bạt lớn xanh đỏ của bức màn sáo. Rất đông khách. Tôi nghe thấy tiếng trò chuyện lao xao, những ly cốc lạnh tanh, tôi trông thấy cái quầy rượu bằng gỗ dái ngựa ở bên

trong tiệm, trên đó một bức họa dài thể hiện một cảnh Bờ biển Bạc. Và tôi còn nhớ một số gương mặt. Cái gã cao, tóc vàng, mảnh khảnh ở phố La Bóetie, nơi Denise làm việc, gã đến ngồi vào bàn chúng tôi một lát. Một gã tóc nâu để ria mép, một phụ nữ tóc hung, một gã khác cũng tóc vàng nhưng loăn xoăn lúc nào cũng cười và buồn thay, tôi không xác định được một cái tên nào trên những gương mặt đó..... Cái đầu hói của người phục vụ bar đang pha một loại cốc- tay mà chỉ riêng y nắm được bí quyết. Chỉ cần nhớ ra tên loại cốc cốc-tay mà chỉ riêng y nắm được bí quyết. Chỉ cần nhớ ra tên loại cốc-tay đ- cũng là tên tiệm ăn luôn- là đánh thức được nhiều kỷ niệm khác, nhưng làm sao nhớ được? Tối hôm qua, đi dọc đi ngang những phố này, tôi biết chúng vẫn y như trước mà tôi vẫn không sao nhận ra. Các tòa nhà không thay đổi, chiều rộng các vỉa hè cũng vậy, nhưng hồi đó, ánh sáng thật khác và có một cái gì khác phảng phất trong không khí.....

Chúng tôi quay về cũng bằng đường ấy. Chúng tôi thường đi xem phim ở một khu phố mà tôi đã tìm lại được: rạp Royal- Villers ở quảng trường Lévis. Chính cái quảng trường với những chiếc ghế băng, cột trụ Morris và đám cây cối đã giúp tôi nhận ra chỗ này, hơn là mặt tiền của rạp chiếu bóng.

Nếu tôi nhớ những phim chúng tôi đã xem, tôi sẽ xác định được đúng thời kỳ đó, nhưng chúng chỉ còn để lại trong tôi những hình ảnh mơ hồ: một chiếc xe trượt tuyết. Một người đàn ông mặc x-môkinh bước vào một ca-bin tàu biển, những bóng người khiêu vũ đằng sau một cửa sổ sát đất...

Chúng tôi trở lại phố Rome. Hôm nay tôi đã đi dọc phố này đến tận số nhà 97 và tôi cho là mình đã sống lại cũng cái cảm giác bối rối thời bấy giờ khi nhìn thấy những hàng rào kim loại, con đường sắt và bên kia đường sắt, tấm biển chương quảng cáo rượu vang DUBONNET phủ kín cả mảng tường một tòa nhà, từ bấy đến nay, sắc màu chắc chắn đã xỉn.

Ở số nhà 99, khách sạn Castille không còn tên “Chicago” nữa, nhưng ở quầy tiếp tân không ai có thể cho tôi biết nó đã đổi tên từ hồi nào. Điều đó chẳng quan trọng gì hết.

Số 97 là một khu chung cư rất rộng. Nếu Scouffi ở lầu 5 thì căn hộ của Denise ở ngay bên dưới, lầu 4. Ở mé phải hay mé trái khu nhà? Mặt tiền

của khu nhà có ít ra là một tá cửa sổ ở mỗi tầng lầu, hẳn là mỗi tầng lầu chia làm hai hay ba căn hộ. Tôi ngắm cái mặt tiền này hồi lâu, hy vọng nhận ra một cái bao lơn, hình dáng hay những cánh gỗ của một cửa sổ. Không, cảnh này không gọi cho tôi gì hết.

Cả cầu thang gác cũng vậy. Tay vịn không phải là cái tay vịn lấp lánh ánh sáng đồng trong ký ức tôi. Các cửa căn hộ không phải bằng gỗ sẫm màu. Và nhất là ánh sáng rọi thời gian không có cái màn sương mờ mờ từ đó nhô ra cái đầu chó bò bí ẩn của Scouffi. Đừng có hỏi bà gác cổng làm gì, vô ích. Bà ta sẽ sinh nghi, và chẳng các bà gác cổng cũng thay đổi như tất cả mọi sự vật.

Denise có còn ở đây khi Scouffi bị ám sát không nhỉ? Một sự kiện bi thảm như vậy ắt để lại một dấu nào đó, nếu ta sống cái không khí đó ở tầng dưới. Không một dấu vết nào của cái đó trong ký ức tôi. Chắc hẳn Denise không ở lâu trong số nhà 97 phố Rome, có lẽ chỉ vài tháng. Tôi có ở với nàng không nhỉ? Hay tôi có một nơi cư trú khác ở Paris.

Tôi nhớ một đêm chúng tôi về rất khuya. Scouffi ngồi trên một bậc cầu thang. Y bắt chéo hai bàn tay quanh cái đầu quả táo của cây can và tì cằm lên đó. Nét mặt y hoàn toàn kéo lêch xuống, cái nhìn chó bò của y đượm một vẻ khốn quẫn. Chúng tôi dừng lại trước mặt y. Y không nhìn thấy chúng tôi. Chúng tôi muốn nói với y, đỡ y lên đến căn hộ của y, nhưng y im sững bất động như một bù nhìn bằng sáp, Role thời gian tắt và chỉ còn cái đốm trắng phát lân quang của bộ đồ y mặc.

Tất cả những cái đó, chắc là vào buổi đầu, khi Denise và tôi mới quen nhau.

XXV

Tôi vặn núm tắt đèn, nhưng đáng lẽ rời khỏi căn phòng của Hutte thì tôi nán lại mấy giây trong bóng tối. Rồi tôi bật lại, và lại tắt. Tôi bật tắt lần thứ ba. Và lại tắt. Điều đó đánh thức một cái gì nơi tôi: tôi thấy tắt đèn ở một gian phòng cùng kích thước với phòng này vào một thời kỳ mà tôi không thể xác định nổi. Và cái động tác ấy, tối nào tôi cũng lập lại, vào cùng một giờ.

Ngọn đèn đường ngoài đại lộ Niel làm mặt gỗ bàn giấy và ghế bành của Hutte lấp lánh. Hồi ấy, tôi cũng đứng nguyên bất động một lúc sau khi tắt điện, như thể tôi sợ đi ra. Có một tủ sách lấp cửa kính kê sát tường cuối phòng, một lò sưởi bằng đá hoa màu xám bên trên treo một tấm gương, một bàn giấy rất nhiều ngăn kéo và một trường kỷ gần cửa sổ, nơi tôi thường nằm dài đọc sách, báo. Cửa sổ nhìn ra một con phố lặng lẽ giữa hai hàng cây.

Đó là một khách sạn riêng nhỏ dùng làm trụ sở cho một công sứ quán Nam Mỹ. Tôi không còn nhớ là tôi được giữ một văn phòng trong công sứ quán ấy với danh nghĩa gì. Một người đàn ông và một phụ nữ, mà họa hoằn tôi mới gặp, chiếm những văn phòng khác bên cạnh văn phòng tôi và tôi nghe thấy họ đánh máy chữ.

Tôi tiếp những người khách hiếm hoi đến xin tôi cấp thị thực xuất nhập cảnh. Điều đó bất thần trở lại trong trí nhớ khi tôi lục cái hộp bích-qui do người làm vườn ở Valbreuse cho và xem xét tấm hộ chiếu của Cộng hòa Dominich cùng những tấm ảnh căn cước. Nhưng tôi làm việc cho một người nào đó mà tôi thay thế trong văn phòng này. Một lãnh sự? Một đại biểu? Tôi không quên rằng tôi vẫn gọi đây nói cho ông ta để xin chỉ thị. Hồi ấy, tôi là ai?

Và trước hết, cái công sứ quán ấy ở đâu? Trong nhiều ngày, tôi đã đi ngang dọc khắp quận 16 vì con phố lặng lẽ giữa hai hàng cây mà tôi thấy

trong kỷ niệm, ứng với những con phố trong khu này. Tôi như người tìm mạch nước rình ngóng từng dao động nhỏ của cái quả lắc đồng hồ. Tôi đứng canh mỗi đầu phố, hy vọng đám cây cối, nhà cửa gây cho tôi một cú trong tim. Hình như tôi đã cảm thấy cái nhói đó ở ngã tư phố Molitor và Mirabeau và bỗng nhiên tôi dám chắc là dạo ấy, tối nào tôi cũng quanh quẩn ở đây sau khi ra khỏi công sứ quán.

Trời tối, trong khi đi theo hành lang dẫn ra cầu thang, tôi nghe thấy tiếng máy chữ và tôi ló đầu qua khe cửa hé mở. Người đàn ông đã đi khỏi và nàng còn lại một mình trước cái máy chữ. Tôi lên tiếng chào. Nàng ngừng gõ máy và quay đầu lại. Một nàng tóc nâu xinh đẹp, tôi nhớ bộ mặt đẹp của nàng. Nàng nói với tôi điều gì đó bằng tiếng Tây Ban Nha, mỉm cười với tôi và tiếp tục làm việc. Sau khi dừng lại một lát ở tiền sảnh, cuối cùng tôi quyết định đi ra.

Và tôi dám chắc là tôi đi xuôi phố Mirabeau, thẳng tắp, tối hút và vắng tanh đến nỗi tôi phải rảo bước, sợ có ai để ý vì tôi là kẻ bộ hành duy nhất. Mé dưới, trên quảng trường, chỗ ngã tư đại lộ Versailles, một quán cà- phê hãy còn sáng đèn.

Cũng có khi tôi theo con đường ngược lại và đi sâu vào các phố tĩnh mịch của khu Auteuil. Tại đó, tôi cảm thấy an toàn. Cuối cùng, tôi đâm ra đường Nàng Câ-m. Tôi nhớ những khu nhà trên đại lộ Emile- Angier và con phố tôi rẽ vào ở bên phải. Ở tầng trệt, một cửa sổ kính mờ. Denise chờ tôi cách đó quãng, trong một tiệm ăn Nga.

Tôi hay viện dẫn những bar hoặc tiệm ăn, nhưng nếu thỉnh thoảng không có một biển tên phố hay một biển hàng rực sáng thì lấy gì dẫn lối cho tôi?

Tiệm ăn kéo dài ra một khu vườn có tường quay. Qua một khung cửa, người ta thấy phòng trong phủ nhung đỏ. Trời hãy còn sáng khi chúng tôi ngồi vào một bàn trong vườn. Có một người chơi đàn xita. Âm thanh vang vang của nhạc cụ này, ánh nhập nhoạng hoàng hôn trong vườn và những mùi lá chắt hắt phả đến từ khu rừng gần đấy, tất cả những cái đó tham gia vào sự bí ẩn và u sầu của thời ấy. Tôi cố tìm lại tiệm ăn Nga. Hoài công,

Phó Mirabeau thì không thay đổi. Những tối nào tôi nán lại còn sứ quán muốn hơn, tối tiếp tục con đường của mình bằng đại lộ Versailles. Lẽ ra tôi có thể đi xe điện ngầm, nhưng tôi thích dạo bước ngoài không khí thoáng đãng. Bến tàu Passy. Cầu Bir- Hakeim. Tiếp đến đại lộ New York mà tối nọ, tôi đã cùng Waldo Blunt đi dọc theo và lúc này, tôi chợt hiểu ra tại sao tôi thấy nhói một cái ở tim. Tôi giẫm lên những bước ngày xưa của mình mà không biết. Tôi đã đi theo đại lộ New York biết bao lần... Quảng trường Alma, ốc đảo đầu tiên. Rồi cây cối và không khí mát mẻ của Cours- la-Reine. Sau khi băng qua quảng trường Hòa Hợp, tôi gần như chạm tới đích. Phố Hoàng Gia. Tôi rẽ phải, phố Saint- Honoré. Bên trái, phố Cambon.

Không một ánh đèn nhỏ nào ở phố Cambon, trừ một vệt phản quang tím chắc là phát ra từ một tủ kính. Tôi lùi thúi một mình. Một lần nữa, nỗi sợ lại thòp lấy tôi, cái nỗi sợ mà lần nào đi xuôi phố Mirabeau tôi cũng cảm thấy, sợ người ta để ý thấy mình, người ta ách lại, hỏi giấy... Còn vài chục mét nữa là tới đích, mà bị thế thì thật đáng tiếc. Cần nhất là đi đến cùng với bước chân đều đặn. Khách sạn Castille. Tôi qua cửa. Không có ai ở quầy tiếp tân. Tôi qua phòng khách nhỏ, ngừng lại một chút để lấy hơi và lau mồ hôi trán. Đêm nay nữa tôi lại thoát hiểm. Nàng là người duy nhất đợi tôi, người duy nhất lo lắng nếu tôi biến mất trong thành phố này.

Một phòng ngủ tường màu ve nhạt. Những rèm đỏ kéo kín. Ánh sáng từ một ngọn đèn đầu giường, phía tay trái. Tôi ngửi thấy mùi nước hoa của nàng, một mùi ngai ngái và tôi chỉ còn thấy những vết tàn nhang trên da nàng và cái nốt ruồi phía trên mông trái nàng.

XXVI

Vào khoảng bảy giờ tối, y ở bãi tắm trở về với đứa con trai và đó là cái thời điểm y thích nhất trong ngày. Y dắt tay thẳng bé để cho nó chạy lên trước.

Đại lộ vắng ngắt, vài tia nắng còn vương trên hè. Hai cha con đi dọc theo những dây cuốn và đứa bé lần nào cũng dừng lại trước cửa hiệu bánh mứt kẹo Hoàng hậu Astrid. Còn y thì nhìn tủ kính hiệu sách.

Chiều hôm đó, một cuốn sách trong tủ kính làm y chú ý. Đầu đề sách, in chữ màu lựu, có từ “ Castille” và trong khi y đi dưới những dây cuốn, nắm chặt tay đứa con trai đang vui đùa nhảy qua những tia nắng rạch xiên vỉa hè, cái từ “ Castille” ấy khiến y nhớ đến một khách sạn ở Paris, gần khu ngoại ô Saint- Honoré.

Một hôm, có một người đã hẹn gặp y ở khách sạn Castille. Y đã gặp gã này trong những văn phòng ở đại lộ Hoche, giữa cả đám người lạ thì thầm giao dịch các vụ “ áp- phe”, và gã ấy đã ngỏ ý muốn bán cho y một cái cặp trang sức và hai chiếc vòng kim cương, vì gã muốn đi khỏi nước Pháp. Gã đã giao cho y những đồ trang sức xếp trong một chiếc hộp da và họ thỏa thuận chiều hôm sau gặp lại nhau tại khách sạn Castille.

Y thấy lại trong tường tượng chỗ tiếp tân của khách sạn, quầy rượu nhỏ xíu ở bên cạnh và khu vườn với dây tường rào mắt cáo xanh. Người gác cửa gọi dây nói để bảo y đến và chỉ cho y số buồng.

Gã kia nằm dài trên giường, một liều thuốc lá trên môi. Gã không nuốt khói mà bứt rút nhả ra thành từng nạm đặc. Một gã tóc nâu cao lớn, hôm qua ở đại lộ Hoche tự giới thiệu là “ cựu tùy viên thương mại của một công sứ quán Nam Mỹ. Gã chỉ xưng gọn một cái tên tục: Pedro.

Cái gã tên là “Pedro” ngồi dậy trên mép giường và rụt rè mỉm cười với y. Không hiểu tại sao y thấy có thiện cảm với cái gã “Pedro” không quen biết này. Y cảm thấy gã bị săn đuổi trong cái phòng khách sạn này. Lập tức, y đã bán lại những đồ trang sức nọ, được một món lãi lớn. “Pedro” cảm ơn y và xếp chiếc phong bì vào ngăn kéo chiếc tủ nhỏ đầu giường.

Vào lúc ấy, y nhận thấy một cánh cửa tủ lớn, đối diện với giường, hé mở. Những chiếc áo dài và một chiếc măng-tô lông thú treo ở những cái mắc áo. Vậy là cái gã tên là “Pedro” ở đây với người đàn bà. Một lần nữa, y lại nghĩ tình cảnh của Pedro và người đàn bà này thật bất bēnh.

“Pedro” vẫn nằm dài trên giường và đã chām một điều thuốc lá mới. Con người này cảm thấy muốn tâm sự vì gã nói:

- Càng này tôi càng ít dām đi ngoài phố....

Thậm chí gã còn nói thêm:

- Có những hôm tôi sợ đến nỗi cứ nằm lì tại giường.....

Sau bao lâu, y vẫn còn nghe thấy hai câu đó của “Pedro” thốt ra bằng một giọng bật đi... Y không biết trả lời ra sao, đành phải đánh tháo bằng một nhận xét chung, đại loại như: “chúng ta sống ở một thời kỳ lạ lùng”

Bấy giờ, “Petro” bēn nói đōp một cái:

- Tôi cho rằng tôi đã tìm ra một cách để rời khỏi nước Pháp.... Có tiền thì làm gì cũng đưōc.

Y nhớ là lúc đó, những bông tuyết rất mỏng manh- gần như những giọt mưa- xoáy lộn đāng sau những ô kính cửa sổ. Và cơn mưa tuyết đāng rơi đó, đêm tối bên ngoài, sự chāt chội của gian phòng, gây cho y một cảm giác ngọt ngāt. Liệu còn có thể trốn đi một nơi nào không, kể cả bằng tiền bạc?

- Phải. “ Pedro thì thām... Tôi có cách chạy sang Bồ Đào Nha... Qua đưōng Thụy Sĩ...

Cái tên “Bồ Đào Nha” lập tức gợi cho y đại dương xanh, mặt trời, một cốc nước cam uống bằng một cọng rơm dưới một cái dù. Và nếu một ngày kia – y tự chủ- chúng tôi gặp nhau. “Pedro” và mình đây, trong một quán cà phê ở Lisbonne hay ở Estoril? Hai người sẽ ấn vôi chai nước ga bằng một cử chỉ uể oải... Lúc đó, họ sẽ thấy căn phòng nhỏ này của khách sạn Castille là xa vời biết mấy, với mưa tuyết, đêm tối, Paris trong mùa đông ảm đạm này, những vụ buôn bán phải làm để thoát ra.... Khi rời căn phòng, y nói với gã “Pedro” ấy: “Chúc may mắn!”

“Pedro” giờ ra sao? Y cầu chúc cho con người kia, mà y chỉ gặp có hai lần từ lâu lắm rồi, cũng được bình yên và sung sướng như y trong buổi tối mùa hè này với một đứa bé đang bước qua những vũng nắng cuối ngày trên vỉa hè.

XXVII

Guy thân mến, tôi cảm ơn về bức thư của cậu. Tôi rất hạnh phúc ở Nice. Tôi đã tìm được ngôi nhà thờ Nga ở phố Longchamp mà bà tôi thường hay đưa tôi đến. Đó cũng là thời kỳ tôi nảy sinh thiện hướng đánh quần vợt khi được xem vua Gustave của Thụy điển chơi.... Ở Nice, mỗi góc phố đều nhắc tôi nhớ lại tuổi thơ.

Trong ngôi nhà thờ Nga mà tôi kể với cậu, có một gian phòng bốn xung quanh toàn những tủ sách có kính. Giữa phòng, một cái bàn lớn giống như bàn bi-a và những chiếc ghế bành cũ. Chính đây là nơi bà tôi, mỗi ngày thứ tư, đều đến lấy mấy cuốn sách và bao giờ tôi cũng đi theo bà.

Các cuốn từ cuối thế kỷ 19. Và lại, chỗ này vẫn giữ được cái duyên của những phòng đọc thời ấy. Tôi ở đây hàng giờ đọc tiếng Nga mà tôi đã hơi quên.

Dựa theo nhà thờ, trải qua một khu vườn đầy bóng râm với những cây cọ và bạch đàn lớn. Giữa đám thực vật nhiệt đới ấy, sừng sững một cây bạch dương vỏ bạc. Tôi ngờ rằng người ra đã trồng nó ở đây để nhắc chúng tôi nhớ đến nước Nga xa xôi của chúng tôi.

Guy thân mến, không biết tôi có nên thú với cậu là đã xin cái chân thủ thư? Nếu chuyện đó ổn như tôi hy vọng, tôi sẽ rất sung sướng được đón tiếp cậu tại một trong những nơi chứng kiến thời thơ ấu của tôi.

Sau bao thăng trầm (tôi không dám nói với linh mục rằng tôi đã làm nghề thám tử tư), tôi trở về nguồn.

Cậu có lý khi nói với tôi rằng trong cuộc đời, không phải tương lai, mà quá khứ mới là đáng kể.

Và điều mà cậu hỏi tôi, tôi nghĩ rằng cách tốt nhất là hỏi hãng dịch vụ, “Vì lợi ích các gia đình”. Cho nên tôi vừa viết thư cho De Swert, người mà tôi thấy có điều kiện để trả lời những câu hỏi của cậu. Anh ta sẽ gửi những thông tin cho cậu rất sớm.

Của cậu.

Hutte.

TB. Về cái gã tên là “Oleg de Wrédié” mà cho đến nay chúng ta vẫn chưa xác định được, tôi xin báo cho cậu một tin vui: trong chuyến thư tới, cậu sẽ nhận được một bức cung cấp tình hình. Thật vậy, tôi đã hỏi hủ họa mấy thành viên cũ của khu kiều dân Nga- hoặc Batle - ở Nice, và may sao, tôi vớ được một bà Kahan, cái tên đó có gợi cho bà một số kỷ niệm. Và chẳng đó là những kỷ niệm xấu xa mà bà ta muốn xóa bỏ khỏi trí nhớ, nhưng bà đã hứa với tôi sẽ viết cho cậu, kể tất cả những gì bà biết.

XXVIII

Đối tượng: COUDREUSE, Denise, Yvette.

Sinh tại: Paris, ngày 21 tháng 12 năm 1917, con của Paul COUDREUSE và Henriette, họ cha là BOGAERTS.

Quốc tịch: Pháp.

Kết hôn ngày 3/4/1939 ở toà thị chính quận 17 với Jimmy Pedro Stern sinh ngày 30/9/1912 tại Salonique (Hy Lạp), quốc tịch Hy Lạp.

Cô Coudreuse đã lần lượt ở:

19 phố bến tàu Austerlitz, Paris (quận 13)

97 phố Rome, Paris (quận 17).

Khách sạn Castille, phố Cambon, Paris (quận 8)

10 bis phố Cambacérès, Paris (quận 8)

Cô Coudreuse đã làm mẫu ảnh thời trang dưới cái tên “Muth”

Sau đó, hình như cô đã làm việc ở tiệm may của J.F, số nhà 32 phố La Bóetie, rồi canh ti với một người Hà Lan nào đó tên là Van Allen mở một hiệu may ở số 6 quảng trường Nhà hát opera Paris (quận 9) vào tháng 4/1941. Hiệu may này tồn tại ngắn ngủi và đóng cửa vào tháng 1/1945.

Cô Coudreuse hình như mất tích trong một cuộc toan tính lên qua biên giới Pháp- Thụy Sĩ vào tháng 2/1943. Những cuộc điều tra tiến hành ở Megeve (Thượng Savoie) và Annemasse (Thượng Savoie) không đem lại kết quả gì.

XXIX

Đối tượng: STERN, Jimmy, Pedro.

Sinh tại: Salonique (Hy Lạp), ngày 30 tháng 9 năm 1912, con của Geogre STERN và Giuvia SARANO

Quốc tịch: Hy Lạp.

Kết hôn ngày 3/4/1939 ở tòa thị chính quận 17 với Denise Yvette Coudreuse quốc tịch Pháp.

Người ta không biết nơi trú ngụ của ông Stern tại Pháp.

Chỉ có một tấm phích duy nhất lập hồi tháng 2/1939 cho biết ông Jimmy Pedro Stem đạo đó ở:

24 phố Bayrd, Paris 8

Vả chăng, đó là địa chỉ ghi trên giấy giá thú làm tại tòa thị chính quận 17.

Khách sạn Lincoln không còn nữa.

Tấm phích của khách sạn Lincoln ghi như sau:

Tên: STERN, Jimmy, Pedro

Địa chỉ: Phố Những Cửa Hiệu U Tối, số nhà 2, Rome (Ý).

Nghề nghiệp: môi giới.

Ông Jimmy Stern biệt tăm vào năm 1940.

XXX

Đối tượng: Mc EVOY, Pedro.

Rất khó nhu thập những chỉ dẫn về ông Pedro McEvoy cả ở Sở cảnh sát lẫn Phòng Chỉ dẫn chung.

Người ta báo cho chúng tôi biết rằng một ông, người Đôminích, làm việc ở công sứ quán Đôminích tại Paris, đã trú ngụ ở số 9 đại lộ Julien-Potin, Neuilly (Seine) vào tháng 12/1940.

Từ đó, mất tăm.

Rất có thể ông Pedro Mc Evoy đã rời Pháp từ hồi chiến tranh vừa qua.

Có thể đó là một người dùng tên mượn và giấy tờ giả, một điều thông thường vào thời kỳ đó.

XXXI

Đó là sinh nhật Denise. Một buổi tối mùa đông tuyết rơi trên Paris và biến thành bùn. Mọi người ào vào những lối xuống đường xe điện ngầm và bước hối hả. Những tủ kính cửa hàng ở ngoại ô Saint- Honoré rực sáng. Lễ giáng sinh đang đến gần.

Tôi vào một hiệu bán đồ nữ trang và giờ đây tôi thấy lại trong tưởng tượng mặt người chủ hiệu. Ông ta để râu và mang kính màu. Tôi mua một chiếc nhẫn cho Denise. Khi tôi rời cửa hàng, tuyết vẫn rơi. Tôi sợ Denise không đến chỗ hẹn và lần đầu tiên, tôi nghĩ hai chúng tôi có thể lạc nhau trong thành phố này giữa tất cả những cái bóng đang rảo bước nọ.

Và tôi không còn nhớ tối hôm ấy, tôi tên là Jimmy hay Petro, Stern hay McEvoy.

XXXII

Valparaiso^[12]. Nàng đứng phía sau xe điện, cạnh cửa kính, ép trong đám hành khách chen chúc, giữa một người đàn ông đeo kính đen và một phụ nữ tóc nâu với một bộ mặt xác ướp phả ra một mùi nước hoa viôlét.

Chẳng mấy chốc, họ sẽ xuống gần hết ở bến đỗ quảng trường Echaurren và nàng sẽ có thể ngồi xuống. Mỗi tuần nàng chỉ đến Valparaiso có hai lần để mua hàng vì nàng ở trên đồi, khu Cerro Alegre. Tại đó, nàng thuê một căn nhà làm chỗ mở lớp dạy múa.

Nàng không tiếc là đã rời bỏ Paris năm năm trước đây, sau khi bị đập xương mắt cá, biết mình không múa được nữa. Nàng bèn quyết định ra đi, cắt đứt mọi ràng buộc với những gì đã từng là cuộc đời nàng. Tại sao lại chọn Valparaiso? Bởi vì ở đó nàng quen một người trước ở trong đoàn ba-lê Cuevas.

Nàng không tính chuyện trở lại Châu Âu nữa. Nàng sẽ ở lại trên này, dạy múa và cuối cùng sẽ quên những tấm ảnh cũ của mình trên tường, hồi nàng ở trong đoàn của đại tá Basil.

Họa hoãn nàng mới nghĩ đến đoạn đời mình trước khi xảy ra tai nạn đó. Tất cả rồi tung trong đầu nàng. Lẫn lộn các tên người, ngày tháng, địa điểm. Tuy nhiên, một kỷ niệm cứ trở lại đều đặn mỗi tuần hai lần, vào cùng một giờ, ở cùng một nơi, một kỷ niệm rõ nét hơn các kỷ niệm khác.

Đó là lúc xe điện dừng ở dưới đại lộ Errazuriz. Cái đại lộ đầy bóng cây, hơi dốc lên này khiến nàng nhớ đến phố Jouy-en-Josas, nơi nàng ở hồi nhỏ. Nàng thấy lại trong tưởng tượng căn nhà ở góc phố Bác sĩ Kurzenne, cây liễu, thanh chắn màu trắng, điện thờ Tin Lành đối diện và út bên dưới quán trọ Robin des Bois. Nàng nhớ một ngày chủ nhật khác với những chủ nhật khác. Mẹ đỡ đầu của nàng đến đón.

Nàng không biết gì về người đàn bà này, trừ cái tên của bà ta “Denise”. Bà có chiếc xe hơi bỏ mui. Hôm chủ nhật ấy, có một người đàn ông tóc nâu đi vòng với nàng. Cả ba đi ăn kem, rồi đi xuống và đến chiều, khi rời Versailles để đưa nàng về Juy-en-Josas, họ đã đứng lại trước một hội chợ. Nàng cùng với bà mẹ đỡ đầu Denise ấy leo lên một chiếc xe trong trò húc nhau, trong khi người đàn ông tóc nâu nhìn theo họ.

Nàng những muốn kỹ hơn. Đích xác, hai người ấy tên là gì nhỉ? Họ sống ở đâu? Từ bấy đến nay, họ ra sao rồi? Đây là những câu hỏi nàng tự đề ra với mình trong khi xe điện đi theo đại lộ Errazuriz, lên dốc về phía khu Cerro Alegre.

XXXIII

Tối hôm ấy, tôi ngồi ở một bàn của tiệm bar- đồ uống- thực phẩm mà Hutte đã giới thiệu với tôi, cũng ở đại lộ Niel ngay trước Hãng chúng tôi. Một cái quầy và những sản phẩm ngoại lai trên các giá: trà, bánh loukoum, mứt cánh hoa hồng, cá trích biển Baltích. Nơi đây là chốn lui tới của các cựu jô- kê, họ trao đổi kỷ niệm bằng cách cho nhau xem những tấm ảnh quần góc chụp những con ngựa đã bị sả thịt từ lâu.

Hai người ngồi ở bar nói chuyện nho nhỏ. Một người mặc áo măngtô màu lá chết dài chấm gót. Vóc người nhỏ bé như phần lớn các khách hàng. Y quay lại, chắc là để xem giờ trên mặt cái đồng hồ lớn treo trên cửa ra vào, và luồng mắt y chạm vào tôi.

Mặt y trở nên tái nhợt. Y trân trân nhìn tôi, miệng há hốc, mắt trố ra.

Y chậm rãi lại gần tôi, lông mày nhíu lại. Đứng trước bàn tôi.

- Pedro....

Y sờ nắn lớp vai áo vét của tôi, ngang bắp thịt cánh tay trên.

- Pedro, cậu đó ư?

Tôi ngần ngừ chưa trả lời vội. Y có vẻ thất vọng.

- Ông thứ lỗi, y nói. Ông không phải là Pedro McEvoy?

- Phải chứ, tôi nói đột ngột. Tại sao ông hỏi vậy?

- Pedro, cậu.... cậu không nhận ra mình sao?

- Không.

Y ngồi xuống trước mặt tôi.

- André Wildmer... jô- kê ấy mà... cậu không nhớ mình ư?

- Xin ông thứ lỗi, tôi nói... Trí nhớ bị nhiều lỗ hổng. Chúng ta quen nhau hồi nào nhỉ.

- Nhưng cậu còn lạ gì... cùng với Freddie mà...

Cái tên tục ấy phóng vào tôi một luồng điện. Một gã jô- kê. Người làm vườn cũ ở Valbreuse có nói với tôi về một gã jô-kê.

- Lạ thật, tôi bảo y. Ai đó đã nói với tôi về ông... Ở Valbreuse....

Mắt y nhòa lệ. Do rượu? hay do xúc động?

- Nhưng này, Pedro... Cậu không nhớ cái dạo chúng mình về Valbreuse với Freddie sao?....

- Không nhớ rõ lắm. Chính là bác làm vườn ở Valbreuse đã nói với tôi về chuyện đó....

- Pedro... nhưng vậy ra... vậy ra cậu còn sống?

Y riết tay tôi rất mạnh. Y làm tôi phát đau.

- Phải. Tại sao lại hỏi vậy?

- Cậu... cậu hiện ở Paris?

- Phải. Tại sao lại hỏi vậy?

Y nhìn tôi, hải hùng. Y khó mà tin tôi còn sống. vậy chuyện gì đã xảy ra? Tôi rất muốn biết, song xem về y không dám trực diện đề cập đến vấn đề này.

- Mình... mình ở Givemy.. trong tỉnh Oise, y nói với tôi. Mình...Mình rất ít khi đến Paris... cậu muốn uống cái gì không, Pedro?

- Một li Marie Brizard, tôi nói.

- Vậy mình cũng thế.

Y tự tay rót rượu vào li của chúng tôi, chậm rãi và tôi có cảm giác là y muốn tranh thủ thời gian.

- Pedro.. Chuyện gì đã xảy ra?

- Hồi nào?

Y uống một hơi cạn li.

- Hồi cậu định vượt biên giới cùng với Denise ấy?

Tôi biết trả lời y thế nào đây?

- Hai cô cậu chả cho bọn mình biết tin gì cả... Freddie rất lo...

Y lại rót đầy ly mình.

- Bọn mình tưởng các cậu bị lạc trong cơn bão tuyết....

- Các ông không phải lo, tôi nói.

- Thế còn Denise?

Tôi nhún vai.

- Ông nhớ rõ về Denise chứ? Tôi hỏi

- Kìa, Pedro, tất nhiên là nhớ chứ... và trước hết, tại sao cậu cứ gọi mình là ông thế?

- Xin lỗi, anh bạn thân mến, tôi nói. Ít lâu nay, mình không được mình hẳn cho lắm! Mình đang cố nhớ lại toàn bộ thời kỳ đó... Nhưng thật là mệt mù...

- Mình hiểu. Mọi cái đó thật xa xăm... Cậu nhớ đám cưới của Freddie?

Y mỉm cười.

- Không nhớ lắm!

- Ở Nice ấy... Khi cậu ta lấy Gay...

- Gay Orlow ấy à?

- Dĩ nhiên là Gay Orlow... cậu ấy còn lấy ai khác nữa?

Y có vẻ không bằng lòng chút nào khi nhận thấy cái đám cưới ấy không còn gợi cho tôi nhớ lại mấy tí.

- Ở Nice.. trong nhà thờ Nga.. một đám cưới bên đạo.. Không phải bên đời...

- Nhà thờ Nga nào?

- Một cái nhà thờ Nga nho nhỏ với một khu vườn....

Cái nhà thờ mà Hutte đã tả trong thư gửi cho tôi? Đôi khi có những sự trùng hợp thật bí ẩn.

- Ở tất nhiên, tôi nói.. tất nhiên là thế... Ngôi nhà thờ Nga nho nhỏ ở phố Longchamp với khu vườn và thư viện xứ đạo...

- Vậy là cậu đã nhớ ra? Chúng mình là bốn người làm chứng... Chúng mình giờ những vòng hoa lên đầu Freddie và Gay....

- Bốn người làm chứng?

- Ừ... cậu, mình, ông nội của Gay...

- Ông già Giorgiadzé..

Tấm ảnh có tôi bên cạnh Gay Orlow và ông già Giorgiadzé chắc chắn là đã được chụp trong dịp này. Tôi sẽ đưa y xem.

- Và người làm chứng thứ tư là anh bạn Rubirosa...

- Ai?

- Bạn cậu.. Rubirosa.. Profirio Rubirosa. Nhà ngoại giao của Đôminích.

Y mỉm cười khi nhớ lại gã Rubirosa Porfirio ấy. Một nhà ngoại giao của Đôminích. Có lẽ tôi đã làm việc cho người này trong công sứ quán đó- Sau đó, chúng mình đến nhà ông Giorgiadzé...

- Và Denise có ở đó

Y nhún vai.

- Tất nhiên.. Rành là cậu chẳng còn nhớ gì hết....

Chúng tôi bước trẻ nải, tất cả bảy người, gã jô- kê, tôi, Denise, tôi, gay Orlow và Freddie, Rubirosa và ông già Giorgiadzé. Chúng tôi vận đồ trắng.

- Giorgiadzé ở khu chung cư, góc khu vườn Alsaxe- Lorraine.

Những cây cọ cao vút trong bầu trời. và lũ trẻ con lướt trên đường trượt. Mặt tiền trắng xóa của khu chung cư với những mảnh bằng bố màu da cam. Những nhịp cười của chúng tôi trong cầu thang gác.

- Buổi tối, để mừng đám cưới đó, ông bạn Rubirosa của cậu đưa chúng ta đi ăn ở Eden Roc... Thế nào, ổn chưa? Cậu nhớ ra chứ?

Y thở rốc, như thể vừa làm một cố gắng lớn về thể xác. Y có vẻ kiệt lực sau khi gọi lại cái ngày Freddie và Gay Orlow làm lễ cưới ở nhà thờ, cái ngày nắng đẹp và vô tư lự ấy, chắc hẳn là một trong những khoảng khắc sung sướng của đời chúng tôi.

- Rút cục, tôi nói với y, mình với cậu, chúng ta quen nhau từ lâu lắm rồi...

- Phải.. Nhưng thoát tiên, mình quen Freddie.. bởi vì mình là jô-kê của ông nội cậu ta... Chẳng may, việc đó đã không kéo dài được bao lâu... Ông cụ đã mất sạch sành sanh....

- Còn Gay Orlow... Cậu biết là...

- Phải, mình biết...Dạo ấy, mình ở ngay gần nhà cô ta...Quảng trường Aliscamps...

Cái khu nhà lớn với những cửa sổ, chắc chắn từ chỗ ấy. Gay Orlow nhìn ra trường đua ngựa Auteuil rất đẹp. Qaldo Blunt, người chồng đầu tiên của nàng đã nói với tôi rằng nàng tự tử vì nàng sợ già. Tôi đồ rằng nàng hay xem các cuộc đua ngựa từ cửa sổ phòng mình. Mỗi ngày và nhiều lần trong một cuối chiều thôi, hàng chục con ngựa lao mình chạy vun vút dọc theo bãi và xô vào những vật chướng ngại. và những con vượt qua được, người ta còn thấy chúng trong mấy tháng nữa, rồi chúng sẽ biến đi cùng những con khác. Phải không ngừng có những ngựa mới để lần lần thay thế nhau. Và mỗi lần, vẫn cái đà ấy, cuối cùng cũng đứt đoạn. Một cảnh tượng như thế chỉ có thể gây nên buồn nản và có lẽ vì sống cạnh trường đua ngựa ấy nên Gay Orlow đã... Tôi muốn hỏi André Widmer nghĩ thế nào về điều đó. Chắc y phải hiểu. Y là jô-kê mà.

- Thật là buồn, y nói với tôi. Gay là một cô gái rất hay...

Y cúi xuống và sát mặt lại gần mặt tôi. Da mặt y đỏ và rỗ, đôi mắt màu hạt dẻ. Một vết sẹo rạch chéo má phải, đến tận cằm. Tóc cũng màu hạt dẻ, trừ một chòm bạc dựng ngược lên trán.

- Còn cậu, Pedro...

Nhưng tôi thôi không để ý nói hết câu.

- Cậu quen mình hồi mình ở đại lộ Julien- Potin, ở Neuilly, phải không? Tôi nói hú họa, vì tôi nhớ rất kỹ các địa chỉ ghi trên tấm phích “ Pedro McEvoy”

- Hồi cậu ở nhà Rubirosa ấy à? Tất nhiên.

Lại cái gã Rubirosa ấy.

- Bọn chúng mình thường đến chơi Freddie... Tối nào cũng tiệc tùng liên hoan.

Y phá lên cười.

- Anh bạn Rubirosa của cậu cho gọi các bạn nhạc đến... chơi đến tận sáu giờ sáng.... Cậu có nhớ hai bài anh ta luôn luôn chơi ghita cho chúng ta nghe?

- Không

- El reloj ^[13] và *Tu me acostumbraste*. Nhất là *Tu me acostumbraste* ^[14]

Y thối sáo mấy phách của điệu đó.

- Thế nào?

- Phải... phải.. mình nhớ ra rồi, tôi nói.

- Các cậu đã xoay cho mình một tấm hộ chiếu Đôminích... cái đó chả giúp ích gì lắm cho mình....

- Cậu có đến gặp mình ở công sứ quán? tôi hỏi

- Phải. Hỏi cậu cho mình tấm hộ chiếu Đôminích ấy.

- Mình không hiểu mình làm cái quái gì ở cái công sứ quán ấy.

- Mình đâu có biết.... Một hôm, cậu bảo mình là cậu làm cái gì đại khái như thư ký cho Rubirosa và đó là chỗ ẩn náu tốt cho cậu... Mình thấy thật buồn là Rubi chết trong cái tai nạn xe hơi ấy....

Phải, thật buồn. Lại một nhân chứng mà tôi không thể hỏi được nữa.

- Nay, Pedro... Tên thật cậu là gì? Điều đó bao giờ cũng làm mình thắc mắc. Freddie bảo mình cậu không phải tên là Pedro McEvoy.. Mà chính là Rubi đã cấp giấy tờ giả cho cậu...

- Tên thật của mình? Chính mình cũng rất muốn biết.

Và tôi tủm tủm cười để y có thể coi đó là một câu đùa.

- Freddie thì biết, vì hai cậu biết nhau từ hồi học trường trung học... Dạo ấy các cậu làm nhảm cả tai mình với những chuyện ở trường trung học Luiza...

- Trường trung học...?

- Luiza... Cậu biết thừa đi rồi... Đừng làm bộ ngớ ngẩn.... Cái hôm cha cậu đến đón cả hai cậu bằng xe hơi... Ông già đã chuyển tay lái cho Freddie mà cậu ta thì chưa có bằng lái... Chuyện ấy, cậu đã kể cho mình nghe ít nhất là trăm bận.

Y gật đầu. Vậy ra tôi có một ông bố vẫn đến đón tôi ở trường trung học Luiza? Chi tiết lý thú.

- Còn cậu? tôi hỏi. Cậu vẫn làm công việc với lũ ngựa?

- Mình đã kiếm được một chân giáo sư dạy cưỡi ngựa trong một trường luyện ngựa ở Giverny....

Y lấy một giọng nghiêm trang làm tôi ngạc nhiên.

- Cậu biết là từ khi mình bị tai nạn, là cứ thế xuống dốc....

Tai nạn nào? Tôi không dám hỏi/

- Khi mình theo các cậu- câu, Denise, Freddie và Gay- đến Megève đã không còn "mạnh" gì lắm... Mình đã mất chân huấn luyện... Bọn họ co vùi vì nghĩ mình là người Anh... Họ chỉ muốn người Pháp thôi.

Người Anh? Phải, y nói với một giọng lơ lơ mà từ nãy đến giờ tôi không mấy để ý. Tim tôi đập rộn hơn khi y thốt ra cái tên Megève.

- Cái chuyến đi Megève ấy thật là một ý kỳ cục, phải không? Tôi hỏi liều.

- Tại sao lại kỳ cục? Lúc ấy, chúng ta không thể làm khác...

- Cậu cho là thế?

- Đó là một nơi an toàn... Paris trở nên quá nguy hiểm...

- Cậu thật tình tin là thế?

- Sau rốt, Pedro, cậu hãy nhớ lại... Những cuộc kiểm soát ngày càng thường xuyên hơn... Mình thì là người Anh... Freddie có một tấm hộ chiếu của Anh...

- Của Anh?

- Phải.... Gia đình Freddie gốc gác ở đảo Maurice... Còn cậu thì tình cảnh cũng không sáng sủa gì hơn... Và những tấm hộ chiếu nói là của Dominich không còn có thể thực sự che chở cho chúng ta được nữa... Cậu hãy nhớ lại... Bản thân anh bạn Rubirosa của cậu.

Tôi không nghe thấy phần còn lại của câu nói. Tôi cho rằng y bị tắc giọng.

Y uống một ngụm rượu ngọt và lúc đó có bốn người bước vào, những khách quen, tất cả đều là cựu jô-kê. Tôi nhận ra họ, tôi vẫn thường hay nghe họ trò chuyện. Một người trong bọn họ bao giờ cũng mặc một chiếc quần cưỡi ngựa cũ và một chiếc áo vét da hoẵng vấy bẩn ở nhiều chỗ. Họ vỗ vai Widmer. Họ nói cùng một lúc, họ cười phá, nên rất ồn. Wildmer không giới thiệu họ với tôi...

Họ ngồi lên những ghế đầu ở bar và tiếp tục nói rất to.

- Pedro...

Widder cúi về phía tôi. Mặt y chỉ cách mặt tôi mấy xăngtimét. Y nhìn mặt như thể sắp phải làm một cố gắng siêu phàm để thốt ra vài tiếng.

- Pedro.. điều gì đã xảy ra khi hai cô cậu định vượt qua biên giới...

- Mình không biết nữa

Y nhìn tôi trừng trừng. Chắc y hơi say.

- Pedro.. Trước khi các cậu đi, mình đã bảo cậu phải coi chừng cái tên ấy...

- Tên nào?

- Cái tên muốn đưa cái cậu sang Thụy Sĩ ấy... Tên người Nga có bộ mặt
đĩ đực ấy.

Mặt y đỏ gay. Y muốn một ngụm rượu ngọt.

- Cậu nhớ lại xem... Mình đã bảo cậu, cả cái gã kia nữa, cậu cũng
không nên nghe... Cái gã huấn luyện trượt tuyết ấy...

- Gã huấn luyện trượt tuyết nào?

- Cái gã có nhiệm vụ đưa hai cô cậu qua biên giới ấy mà... Cậu lạ gì...
Cái gã Bob gì gì đó... Bob Besson... Tại sao cậu và Denise lại bỏ đi? Các
cậu ở với bọn mình trong căn nhà gỗ ấy cũng ổn chán rồi còn gì...

- Tên gã là Bob Besson?

- Phải, Bob Besson...

- Còn gã người Nga?

Y cau mày.

- Mình không còn nhớ nữa.

Lực chú ý của y chùng lại. Y đã phải cố gắng dữ dội để nói với tôi về
chuyện quá khứ, nhưng đến giờ là hết gân rồi. Như người bơi kiệt lực gồng
nhô đầu lên khỏi mặt nước một lần cuối rồi tự buông mình chìm xuống từ
từ. Nói cho cùng, tôi đã chẳng giúp y được mấy trong sự gợi nhớ lại này.

Y đứng dậy và trở lại với những người kia. Y quay về với những thói
quen của mình. Tôi như thấy y hăng hái phát biểu ý kiến về một cuộc đua
ngựa diễn ra lúc ban chiều ở Vincennes. Gã mặc quần cưỡi ngựa mời một
chầu rượu. Wildmer đã lấy lại được giọng, y nói hăng say đến nỗi quên cả
châm thuốc. Điều thuốc lũng lảng ở khóe môi y. Giá tôi có đứng trước mặt
y, hẳn y cũng không nhận ra tôi.

Khi ra khỏi tiệm, tôi nói tạm biệt y và khoa tay ra hiệu, nhưng y lơ tôi đi. Y đang đắm mình hoàn toàn trong đề tài của y.

XXXIV

Vichy. Một chiếc xe hơi Mĩ dừng lại bên rìa công viên Suối Nguồn, ngang tầm khách sạn Hòa Bình. Thùng xe lem luốc bần. Hai người đàn ông và một người đàn bà bước xuống và đi về phía cửa khách sạn. Hai gã đàn ông râu ria lởm chởm và một trong hai gã cao hơn – khoác tay đỡ người thiếu phụ. Trước khách sạn, một dãy ghế bành mây, trên đó có những người ngủ, đầu ngật ngoẹo, dường như bất chấp cái nắng tháng bảy gay gắt.

Trong tiền sảnh, cả ba phải vất vả mới rẽ được lối đi đến quầy tiếp tân. Họ phải tránh những chiếc ghế bành và thậm chí cả những tấm phản với những người khác nằm ườn ra ngủ, trong đó có một số vận quân phục. Nhiều nhóm xúm xít năm, mười người chen chúc nhau, í ới gọi nhau và tiếng trò chuyện ồn ào của họ còn ngọt ngào hơn cả cái nóng xâm xấp bên ngoài. Cuối cùng, họ tới được quầy tiếp tân và gã cao hơn trong hai người đàn ông đưa cho người thường trực ba tấm hộ chiếu của họ. Hai tấm do công sứ quán Cộng hòa Dominich tại Paris cấp – một mang tên “Porfirio Rubirosa”, tấm kia mang tên “Pedro McEvoy” – còn tấm thứ ba là hộ chiếu Pháp mang tên “Denise, Yvette, Coudreuse”.

Người thường trực, mặt đầm đìa mồ hôi chảy xuống tận dưới cằm, trả lại họ ba tấm hộ chiếu bằng một cử chỉ mệt mỏi. Không, trong cả Vichy, chẳng còn lấy một phòng khách sạn nào rồi, do hoàn cảnh”... Cùng lắm là còn hai chiếc ghế bành có thể mang lên một phòng giặt hoặc để trong một buồng “toilet” ở dưới nhà... Tiếng của y bị át bởi tiếng lao xao trò chuyện quyện lẫn vào nhau khắp bốn chung quanh, bởi những tiếng lách cách kim khí của cánh cửa thang máy, tiếng chuông điện thoại réo cùng những lời nhắn gọi từ một cái loa phóng thanh gắn bên trên quầy tiếp tân.

Hai người đàn ông và người đàn bà ra khỏi khách sạn, dáng đi hơi chuyếch choạng. Bầu trời bỗng nhiên phủ đầy mây xám tím. Họ đi ngang qua công viên Suối nguồn. Dọc những bãi cỏ, dưới những hành lang có mái che, làm nghẽn những lối đi lát đá, có những nhóm người còn xum xít hơn

ở trong tiền sảnh khách sạn. Tất cả đều nói với nhau rất to, một số qua lại như con thoi từ nhóm này sang nhóm khác, một số tách biệt ra hai, ba người trên một ghế băng hoặc trên những ghế sắt của công viên, trước khi nhập lại với những người khác... tưởng đâu đang ở trong một sân trường khổng lồ có mái che và người ta sốt ruột chờ hồi chuông sẽ chấm dứt sự náo động này cùng tiếng xôn xao cứ mỗi phút một tăng cường độ, làm ta nhức óc. Nhưng hồi chuông không đến.

Gã cao lớn tóc nâu vẫn khoác tay đỡ người thiếu phụ, còn gã kia cời áo vét. Họ bước đi trong sự xô đẩy của những người chạy nháo nhào khắp nhà kiểm tìm một người nào đó hoặc một nhóm mà họ vừa rời khỏi một lúc là tan rã liền, để các thành viên bị hút luôn vào những nhóm khác.

Ba người đâm ra trước tiệm cà phê Phục Hưng. Ngoại hiên đông nghịt, nhưng may sao, có năm người rời khỏi một bàn, thế là hai gã đàn ông và người thiếu phụ bèn buông mình xuống những chiếc ghế mây. Hơi bần thần, họ nhìn về phía nhà casinô.

Một mạng hơi nước xâm chiếm khắp công viên, vòm lá giữ nó lại và làm nó ngưng đọng, một mạng hơi nước như trong nhà tắm Thổ Nhĩ Kỳ. Nó tràn đầy cổ họng mọi người, cuối cùng nó làm mờ những tốp đứng trước cửa nhà casinô, nó bóp nghẹt tiếng trò chuyện của họ. Ở bàn bên cạnh, một bà òa lên nước nở và nhắc đi nhắc lại rằng biên giới bị khóa ở Hendaye.

Đầu người thiếu phụ ngả lên vai gã cao lớn tóc nâu. Nàng nhắm mắt lại. Nàng ngủ một giấc ngủ con nít. Hai người đàn ông mỉm cười với nhau. Rồi họ lại nhìn những tốp trước cửa nhà casinô.

Trận mưa rào đổ xuống. Một cơn mưa gió mùa. Nó xuyên những vòm lá rất dày của những cây tiêu huyền và hạt dẻ. Đằng kia, mọi người xô đẩy nhau để trú dưới những mái kính của nhà casinô, trong khi những người khác hối hả rời ngoại hiên vào bên trong tiệm cà phê, giẫm cả lên chân nhau.

Chỉ có hai người đàn ông và thiếu phụ là không động đậy vì cây dù ở bàn họ che mưa cho họ, thiếu phụ vẫn ngủ, áp má lên vai gã cao lớn tóc nâu

đang đưa mắt ngơ ngơ nhìn phía trước trong khi gã bạn lơ đãng huýt sáo
điệu *Tu me acostumbrase* [\[15\]](#).

XXXV

Từ cửa sổ, người ta nhìn thấy bãi cỏ rộng với một lối đi rải sỏi bên rìa. Lối đi này dốc thoải lên ngôi nhà tôi đang hiện diện, ngôi nhà khiến tôi nghĩ đến một trong những khách sạn trắng bên bờ Địa Trung Hải. Nhưng khi leo lên những bậc thềm, mắt tôi bắt gặp dòng này trên chữ bạc trang hoàng cửa ra vào: “Trường Trung học Luiza và Albany”.

Dưới kia, đầu bãi cỏ, một sân quần vợt. Bên phải, một rặng bạch dương và một bể bơi đã tháo hết nước. Cầu nhảy đã gần gãy sập.

Ông trở lại bên tôi ở khung cửa sổ.

- À phải... Tôi lấy làm tiếc, thưa ông... Tất cả tư liệu lưu trữ của trường đã cháy hết... Cháy sạch không còn tí gì...

Một người trạc tuổi sáu mươi đeo kính gọng đồi mồi sáng và mặc một áo vét vải tuyết.

- Và dù sao đi nữa, bà Jeanschmidt cũng không cho phép... Bà không muốn nghe nhắc đến những gì còn dính dáng đến trường Luzia từ khi chồng bà mất...

- Thế không còn sót lại những tấm ảnh cũ nào chụp cảnh lớp học? tôi hỏi.

- Không, thưa ông. Tôi xin nhắc lại để ông rõ tất cả đã cháy hết...

- Bác làm việc ở đây có lâu không?

- Hai năm cuối của trường trung học Luzia. Sau đó, hiệu trưởng của chúng tôi, ông Jeanschmidt... Nhưng trường không còn như xưa...

Ông nhìn qua cửa sổ, về tư lự.

- Với tư cách là học sinh cũ của trường tôi những muốn thấy lại một vài kỷ niệm, tôi nói với ông.

- Tôi hiểu. Khốn thay...

- Và rồi đây trường sẽ ra sao?

- Ồ, họ muốn bán đấu giá tất.

Và bằng một cử chỉ uể oải, ông quét cánh tay bao quát cả bãi cỏ, sân quần vợt và bể bơi trước mặt chúng tôi.

Ông có muốn xem lại các phòng ngủ tập thể và các lớp học một lần cuối không?

- Không cần.

Ông rút một chiếc tẩu từ trong túi áo vét và đưa lên miệng ngậm. Ông không rời khung cửa sổ - Cái nhà gỗ ở bên trái này là nhà gì vậy?

- Những phòng gửi quần áo ngoài, thưa ông. Đây là chỗ thay quần áo để chơi thể thao.

- À, thế đấy.

Ông nhồi tẩu.

- Tôi đã quên tiết cả... Hồi ấy, học sinh chúng tôi có mặc đồng phục không nhỉ?

- Không, thưa ông. Chỉ có vào bữa ăn chiều và những ngày được phép ra ngoài là bắt buộc phải mặc áo vét màu xanh nước biển.

Tôi lại gân cửa sổ. Gần như áp trán vào ô kính. Bên dưới, trước ngôi nhà trắng có một bãi đất phủ sỏi, cỏ dại đã nhú lên. Tôi hình dung Freddie và tôi mặc áo vét màu. Và tôi cố tưởng tượng ra dáng vẻ của cái ông đến đón chúng tôi vào một ngày được phép ra ngoài, từ trên xe hơi bước xuống, đi về phía chúng tôi – cái ông mà người ta bảo là cha tôi.

XXXVI

Bà E. KahanNice, ngày 22 tháng 11 năm 1965

22 phố Picardie

Nice

Theo yêu cầu của ông Hutte, tôi viết thư này kể cho ông tất cả những gì tôi biết về con người tên là “Oleg de Wrédé” mặc dầu tôi rất khó chịu phải nhắc đến cái kỷ niệm xấu ấy.

Một hôm tôi vào một hiệu ăn Nga ở phía Francois I, của một ông chủ người Nga mà tôi không còn nhớ tên. Hiệu ăn nhỏ, khách không đông lắm. Chủ tiệm, một người hom hem trước tuổi, vẻ khổ sở và đau yếu, ngồi ở bàn bày món khai vị Nga có tên là *zakouski* – chuyện này xảy ra vào quãng những năm 1937.

Tôi thấy có một thanh niên khoảng hai mươi tuổi ngồi trong hiệu ăn đàng hoàng như ở nhà mình. Ăn mặc rất chỉnh chặc: com-lê, sơ-mi v.v.. không chê vào đâu được.

Anh ta có một vẻ bề ngoài đập vào mắt mọi người: sức sống mãnh liệt, cặp mắt xéch màu xanh sứ, một nụ cười rạng rỡ và một tiếng cười liên tục. Đằng sau những cái đó, một sự giả dối quyết thú vật.

Anh ta ngồi bàn cạnh tôi. Lần thứ hai tôi đến đây, anh ta chỉ người chủ hiệu, nói với tôi:

- Bà tưởng tôi là con trai ông kia hănh? với một vẻ khinh thị đối với ông già tội nghiệp đích thị là cha anh ta thật.

Rồi anh ta đưa cho tôi xem một cái vòng nhận dạng có khắc tên: Louis de Wredé, bá tước Montpensier (trong hiệu ăn, người ta gọi anh ta là Oleg, một cái tên Nga). Tôi hỏi mẹ anh ta ở đâu. Anh ta bảo bà ấy chết rồi; tôi lại hỏi: bà ấy đã có thể gặp một người thuộc dòng họ Montpensier (chi dưới của dòng Orléasn) ở đâu. Anh ta đáp: ở Sibérie. Tất cả những điều đó không có lý. Tôi hiểu rằng đó là một gã vô lại kiếm cách để những người cả hai phái nam, nữ bao. Khi tôi hỏi gã làm gì, Grêgôriô Stêvensơn bảo gã chơi pianô.

Sau đó, gã bắt đầu kể lể tất cả những quan hệ của gã trong giới thượng lưu – nào là nữ quận công Uzès đã nhún chân chào gã, nào là gã rất thân với quận ông Windsor... Tôi cảm thấy thực, giả lẫn lộn trong những câu chuyện của gã. Những người “thượng lưu” hẳn dễ mắc bả với cái dòng dõi của gã, nụ cười của gã, sự ưu nhã lạnh lùng nhưng có thực của gã.

Trong thời kỳ chiến tranh – tôi nghĩ là vào khoảng năm 41 – 42 gì đó – tôi đang ở bãi tắm Juan-les-Pins thì thấy gã mang tên “Oleg de Wredé” ấy chạy đến, vẫn đàn ông hoàng và cười khanh khách như bao giờ. Gã bảo tôi là gã bị bắt làm tù binh và một sĩ quan cao cấp Đức trong coi gã. Lúc này, gã ghé thăm bà mẹ chiến sĩ, bà quả phụ Henri Duvermoir, mấy hôm. Nhưng gã nói: “Bà ấy hà tiện thấy mồ, chả cho tôi tí tiền nào”.

Gã bảo với tôi là gã về Paris “để làm việc với người Đức”. Làm gì? Tôi hỏi: “Bán xe hơi cho bọn họ”.

Từ đó tôi không gặp lại gã và không biết giờ gã ra sao. Vậy đó, thưa ông thân mến, tất cả những gì tôi có thể nói với ông về con người ấy.

Kính

E. Kahan

XXXVII

Bây giờ, chỉ cần nhắm mắt lại. Những sự kiện xảy ra trước khi cả bọn chúng tôi đi Megève trở lại trong trí nhớ tôi, từng mẫu một. Chính những cửa sổ lớn sáng đèn của khách sạn Zaharoff cũ ở đại lộ Hoche, những câu nói rời rạc của Wildmer, những cái tên – đỏ tía lấp lánh như Rubirosa hay bảng lảng như Oleg de Wredé cùng nhiều chi tiết không sờ mó thấy được – bản thân cái giọng của Wildmer, khàn khàn và gần như không nghe rõ được – chính tất cả những cái đó đã làm kim chỉ nam cho tôi.

Hôm qua, vào quăng cuối chiều, tôi thấy mình ở đúng đại lộ Hoche, trên tầng một khách sạn Zaharoff cũ. Rất đông người. Như mọi khi, họ không rời áo pa-đơ-xuy. Tôi thì không mặc áo khoác. Tôi đi qua gian phòng chính, ở đây tôi thấy khoảng mười lăm người đứng quanh những máy điện thoại hoặc ngồi trên những chiếc ghế bành da xử lý công chuyện, và tôi lên vào một văn phòng nhỏ, đóng cửa lại sau lưng. Người mà tôi phải gặp đã ở đó. Y kéo tôi vào góc phòng và chúng tôi ngồi vào hai chiếc ghế bành cách nhau bằng một cái bàn thấp. Tôi đặt lên đó những đồng tiền lu-y gói trong giấy báo. Y đưa ngay cho tôi nhiều xấp giấy bạc mà tôi không cất công đếm. Cứ thế cất vào túi. Đồ nữ trang thì y không thiết. Chúng tôi cùng rời khỏi căn phòng rồi gian phòng lớn, nơi tiếng chuyện trò lao xao và sự loay hoay đi đi lại lại của tất cả những con người mặc pa-đơ-xuy này có cái gì thật đáng lo ngại. Ra đến hè, y cho tôi địa chỉ của một bà có thể mua món đồ nữ trang ở mạn quăng trường Malesherbes và gợi ý tôi bảo bà đó là y giới thiệu tôi đến. Chúng tôi thường đi theo con đường này luôn, Denise và tôi, vào hồi đầu. Thời gian đã đổi thay. Tuyết rơi và tôi phải khó khăn mới nhận ra đại lộ này với những cây trụi cành lá, những mặt tiền đen xạm của các chung cư. Không còn hương hoa râm dọc hàng rào sát công viên Monceau nữa, mà chỉ thấy một mùi đất ẩm và mục nát.

Một nhà trệt trong cùng một ngõ cụt thuộc loại người ta gọi là “phương viên” hay “vila”. Gian phòng nơi bà ta tiếp tôi không bày biện đồ đạc. Duy nhất một cái divăng nơi chúng tôi ngồi và một chiếc máy điện thoại trên đi-

văng ấy. Một phụ nữ trạc tuổi bốn mươi, tóc hung và nóng nảy. Chuông điện thoại réo không ngừng và không phải lần nào bà cũng trả lời, bà đều ghi những điều người ta dặn vào một cuốn sổ tay. Tôi đưa cho bà xem những đồ nữ trang. Tôi để lại cho bà viên ngọc xafia và hai chiếc trâm cài với nửa giá tiền với điều kiện là y trả ngay bằng tiền mặt. Bà chấp nhận.

Ra ngoài, trong khi đi về phía ga xe điện ngầm Courcelless, tôi nghĩ đến gã thanh niên đã đến phòng chúng tôi ở khách sạn Castille mấy tháng trước đây. Gã bán được rất nhanh cả chiếc cặp cùng đôi vòng kim cương và đã có nhã ý chia đôi số lãi với tôi. Một con người hảo tâm. Tôi đã tâm sự đôi chút với gã, thổ lộ dự định ra đi của tôi, thậm chí cả nỗi sợ khiến tôi đôi khi không dám ra ngoài. Gã bảo tôi là chúng ta đang sống một thời kỳ lạ lùng.

Sau đó, tôi đến tìm Denise ở công viên Edouard VII, trong căn hộ mà Van Allen, người bạn Hà Lan của nàng, đã đặt một xưởng khâu may: trên lầu một khu chung cư, ngay bên trên tiệm Cintra. Tôi nhớ vậy bởi vì Denise và tôi thường lui tới tiệm bar này do nó có gian dưới tầng hầm từ đó người ta có thể thoát ra bằng một cửa khác ngoài lối vào chính. Tôi tin rằng mình biết tất cả những nơi công cộng, tất cả những khu nhà chung cư ở Paris có hai lối ra.

Trong cái xưởng khâu may nhỏ xíu này, cũng tràn ngập một sự náo động tương tự như ở đại lộ Hoche, có khi lại còn cuống cuồng hơn. Van Allen chuẩn bị bộ sưu tập quần áo mùa hè và chùng nẩy cố gắng, chùng nẩy lạc quan làm tôi ngạc nhiên vì tôi đang băn khoăn không biết có còn mùa hè nữa hay không. Cậu ta đang thử một chiếc áo dài bằng thứ hàng nhẹ và trắng trên một cô gái tóc nâu, trong khi nhiều cô chiêu mầu hàng khác ra ra vào vào những buồng thay đồ. Một số người chuyện trò quanh một chiếc bàn giấy Louis XV trên đó vương vãi những kí họa và những mảnh vải. Trong một góc phòng khách, Denise nói chuyện với một bà tóc vàng rơm trạc năm mươi tuổi và một thanh niên tóc nâu xoắn thành búp. Tôi xen vào góp chuyện. Bà này và chàng trai đi về mạn Bờ Biển Xanh. Không ai nghe thấy ai nữa trong cái ồn ào chung. Những ly sâm banh được truyền khắp mà không ai hiểu lý do tại sao.

Denise và tôi rẽ lấy một lối ra đến phòng ngoài. Van Allen tiễn chúng tôi. Tôi thấy lại đôi mắt màu xanh rất sáng của cậu ta cùng nụ cười khi cậu ta ló đầu ra khe mở và vẫy tay hôn gửi theo chúng tôi với lời chúc may mắn.

Denise và tôi qua phố Cambaxérès một lần cuối. Chúng tôi đã gói ghém hành lý, một va-li và hai cái túi da đang đợi trước cái bàn lớn, đầu phòng khách. Denise đã đóng các cánh cửa sổ và kéo các rèm che. Nàng lấy nắp đậy cái máy khâu và cất tấm vải trắng ghim vào thân giá gỗ man-nơ-canh. Tôi nghĩ đến những tối chúng tôi đã sống ở đây. Nàng làm theo mẫu cắt của Van Allen giao hoặc ngồi khâu, còn tôi nằm dài trên trường kỷ, đọc một cuốn hồi kí nào đó hoặc một quyển trình thám loại sách “Mặt Nạ” mà nàng rất mê. Những buổi tối đó là những khoảnh khắc nghỉ ngơi duy nhất tôi từng biết, những khoảng khắc duy nhất trong đó tôi có thể nuôi các ảo tưởng rằng chúng tôi đang sống một cuộc sống không có chuyện gì rắc rối trong một thế giới yên bình.

Tôi mở va-li và nhét những xấp giấy bạc căng phồng các túi tôi vào giữa những áo săng đay, sơ-mi và dưới đáy một đôi giày. Denise kiểm lại các thứ trong một chiếc túi du lịch xem có quên gì không. Tôi đi theo hành lang đến phòng ngủ. Tôi không bật đèn và đứng rình bên cửa sổ. Tuyết vẫn rơi. Viên cảnh sát đứng canh ở hè bên kia đường chui vào trong một chòi gác được đặt ở đó mấy hôm trước vì mùa đông. Một viên cảnh sát khác, từ phía quảng trường Sausaies bước vội về phía chòi gác. Gã bắt tay người bạn đồng nghiệp, đưa cho y một cái phích và họ lần lượt uống nước bằng một cái cốc.

Denise bước vào. Nàng đến chỗ tôi bên cửa sổ. Nàng mặc một chiếc áo măngtô lông thú và nép sát người vào tôi. Nàng tỏa một mùi thơm hắc. Dưới chiếc măngtô, nàng mặc một chiếc sơ-mi nữ. Chúng tôi trở lại trên chiếc giường chỉ còn dát lò xo.

Ga Lyon, Gay Orlow và Freddie đợi chúng tôi ở cửa vào ke tàu đi. Trên một chiếc xe rùa bên cạnh họ chồng đồng bao nhiêu va-li. Gay Orlow có cả một hòm tủ. Freddie bàn bạc với người phu khuân vác và mời bác ta một liều thuốc lá. Denise và Gay Orlow nói chuyện với nhau, Denise hỏi Gay

liệu căn nhà gỗ Freddie thuê có đủ rộng cho cả bọn tôi không. Ga tối om, trừ sân ke nơi chúng tôi đứng, tràn ngập một ánh sáng vàng. Wildmer đến nhập vào với bọn tôi, trong một chiếc măngtô đỏ hoe, vạt đập đập vào bụng chân, như mọi khi. Một chiếc mũ phớt che lấp trán y. Chúng tôi thuê mang hành lý lên toa giường nằm của mình. Chúng tôi đứng ngoài, trước cửa toa, đợi thông báo khởi hành. Gay Orlow nhận ra một người trong số hành khách đi chuyến tàu này, nhưng Freddie yêu cầu nàng không được nói với ai và đừng để người ta chú ý đến chúng tôi.

Tôi lưu lại một lát với Denise và Gay Orlow trong buồng toa của họ. Màng cửa sổ hạ xuống một nửa và khi cúi xuống, tôi thấy qua cửa kính là tàu đang qua ngoại ô. Tuyết vẫn tiếp tục rơi. Tôi hôn Denise và Gay Orlow rồi quay về buồng toa của mình, nơi Freddie đã yên vị. Lát sau, Wildmer đến thăm chúng tôi. Lúc này, một mình y chiếm lĩnh cả một buồng toa và y hy vọng sẽ không có ai đến chung chạ cho tới cuối cuộc hành trình. Thật ra, y sợ người ta nhận ra y vì nhiều người đã thấy ảnh y trên các báo về thể thao ngựa mấy năm trước đây, và hồi y bị tai nạn trên đường đua Auteuil. Chúng tôi cố trấn an y, nói rằng người ta thường rất chóng quên mặt các jô-kê.

Freddie và tôi nằm dài trên giường toa của mình. Tàu đã tăng tốc độ. Chúng tôi để đèn ngủ và Freddie bòn chồn hút thuốc. Cậu ta hơi lo vì có thể có những cuộc kiểm soát. Tôi cũng vậy, nhưng tôi có giấy. Nhờ Rubirosa, bọn tôi – Freddie, Gay Orlow, Wildmer và tôi – có những hộ chiếu Đominích, nhưng chúng tôi không thể tin tưởng thực sự vào tính hiệu quả của chúng. Chính bản thân Rubi cũng bảo tôi thế. Số phận chúng tôi tùy thuộc vào một viên cảnh sát hay một kiểm tra viên kỹ tính hơn những người khác. Chỉ riêng Denise là không có nguy cơ gì hết. Nàng là người Pháp chính cống.

Tàu đỗ lại lần đầu. Dijon. Tiếng loa phóng thanh bị tuyết làm nghẹt lại. Chúng tôi nghe thấy có ai đi dọc theo hành lang. Người ta mở cửa một buồng toa của Wildmer, bấy giờ, Freddie và tôi bỗng phá lên cười điên khùng.

Tàu đỗ lại nửa giờ ở Ga Chalon – trên sông Saine, Freddie đã ngủ và tôi tắt ngọn đèn ngủ của buồng toa. Tôi không hiểu tại sao tôi thấy yên tâm hơn trong bóng tối.

Tôi cố nghĩ sang chuyện khác, không lắng tai nghe những bước chân vang lên trong hành lang. Trên sân ga, mấy người trò chuyện và tôi nghe lồm bồm được mấy câu. Chắc họ đứng dưới cửa sổ chúng tôi. Một người trong bọn họ ho, kiểu ho có đờm. một người khác huýt sáo khe khẽ. Tiếng xình xịch của một đoàn tàu đi qua trùm lên bọn họ.

Cửa mở đột ngột và bóng một người mặc pa-đơ-xuy in lên nền ánh sáng của hành lang. Y lia đèn bấm soi từ trên xuống dưới buồng toa để kiểm xem chúng tôi có mấy người. Freddie choàng dậy.

- Giấy tờ các ông.

Chúng tôi chìa cho y xem những tấm hộ chiếu Đôminích của mình. Y xem xét bằng con mắt lơ đãng rồi đưa cho một người nào khác bên cạnh mà chúng tôi không nhìn thấy vì cánh cửa che lấp. Tôi nhắm mắt lại. Họ trao đổi với nhau mấy câu gì nghe không rõ.

Y dẫn một bước vào buồng toa. Y cầm những hộ chiếu của chúng tôi trong tay.

- Các ông là nhà ngoại giao?

- Vâng, tôi trả lời như cái máy.

Sau mấy giây, tôi mới nhớ ra rằng Rubirosa đã cho chúng tôi những hộ chiếu ngoại giao.

Chẳng nói chẳng rằng, y trả hộ chiếu cho chúng tôi và đóng cửa lại.

Chúng tôi nín thở trong đêm tối. Cứ im lặng thế cho đến khi tàu khởi hành. Tàu chuyển bánh. Tôi nghe thấy tiếng Freddie cười. Cậu ta bật đèn lên.

- Ta đến thăm các bạn kia chẳng? Cậu ta hỏi tôi.

Buồng toa của Denise và Gay Orlow không bị kiểm soát. Chúng tôi đánh thức hai nàng dậy. Họ không hiểu tại sao chúng tôi nháo nhác thế. Rồi Wildmer đến gặp chúng tôi, mặt mày nghiêm trọng. Cu cậu vẫn còn run. Người ta cũng hỏi cậu có phải là “nhà ngoại giao Đominích” không, khi cậu triềng hộ chiếu ra và cậu không dám trả lời, sợ trong sổ cảnh sát vận thường phục và kiểm soát viên, ngộ nhỡ có tay chơi cá ngựa nào nhận ra cậu.

Đoàn tàu lướt qua một quang cảnh trắng xóa tuyết, cái quang cảnh ấy sao mà êm dịu và thân ái. Nhìn những ngôi nhà đang ngủ yên đó, tôi cảm thấy một niềm say sưa và tin cậy trước nay chưa từng thấy.

Khi chúng tôi đến Sallaches, trời hãy còn tối. Một chiếc xe car và một chiếc xe nhà lớn đỗ trước ga. Freddie, Wildmer và tôi mang các vali, trong khi hai gã đàn ông phụ trách cái hòm tủ của Gay Orlow. Có độ một chục hành khách, kể cả bọn tôi, sẽ lên xe car đi Megève, người tài xế và hai gã phu khuân vác đang chất các vali vào sau xe thì một người đàn ông tóc vàng rơm tiến lại gần Gay Orlow – vẫn là cái gã mà nàng đã nhận thấy ở ga Lyon hôm qua. Họ nói với nhau vài câu bằng tiếng Pháp. Về sau, nàng giải thích cho chúng tôi hay đó là một chỗ sơ giao, một gã người Nga tên là Kyril. Gã này chỉ chiếc xe nhà lớn màu đen có một người đang chờ ở tay lái và ngỏ ý muốn đưa chúng tôi về Megève. Nhưng Freddie từ chối lời mời ấy, nói là mình ưng đi xe car hơn.

Tuyết rơi. Chiếc xe car đi chậm và chiếc xe nhà màu đen đã vượt chúng tôi. Chúng tôi theo một con đường dốc và khung xe car mỗi lúc lại rung lên. Tôi không biết liệu xe có hỏng trước khi đến Megève. Quan trọng gì! Khi bóng đêm dần dà nhường chỗ cho một màn sương mù trắng như bông mà những đám lá bách phải khó khăn mới xuyên thủng, tôi tự nhủ rằng sẽ chẳng có ai đến tìm chúng tôi ở đây. Chúng tôi không có gì đe dọa. Dần dần chúng tôi trở nên ô hình. Ngay cả những bộ y phục tinh thành của chúng tôi vốn có thể thu hút sự chú ý – chiếc măngtô đỏ hoe của Wildmer và chiếc mũ dạ màu xanh nước biển của y, chiếc măngtô da báo của Gay, chiếc áo lông lạc đà của Freddie, chiếc khăn quàng màu xanh lục và đôi giày golf

lớn hai màu đen, trắng của cậu ta – cũng hòa trong sương mù. Biết đâu, cuối cùng chúng tôi lại chẳng bay hơi đi hết? Hoặc giả chúng tôi sẽ chỉ còn là cái mạng hơi nước đọng lại trên những ô kính, cái mạng hơi nước dai dẳng không thể lấy tay xóa đi được. Làm sao người tài xế thấy ra được đường đi? Denise đã ngủ thiếp đi và ngả đầu lên vai tôi.

Chiếc xe car dừng lại giữa quảng trường, trước cửa tòa thị chính. Freddie thuê chất hành lý của chúng tôi lên một chiếc xe trượt tuyết đợi ở đây và chúng tôi đi uống chút gì ấm nóng trong một phòng trà – bánh ngọt ngay cạnh nhà thờ. Hiệu vừa mở cửa và bà chủ phục vụ chúng tôi có vẻ ngạc nhiên về sự có mặt sớm sủa thể của chúng tôi. Hoặc giả vì cái giọng lơ lớ của Gay Orlow và y phục tinh thành của chúng tôi? Wildmer ngỡ ngàng thích thú với mọi cái. Cu cậu chưa hề biết miền núi và những môn thể thao núi. Áp trán vào cửa kính, miệng há hốc, y ngắm đài kỷ niệm liệt sĩ và tòa thị chính Megève. Y hỏi bà chủ hệ thống chuyên chở bằng cáp treo vận hành như thế nào và liệu y có thể ghi tên vào một trường dạy trượt tuyết được không.

Ngôi nhà gỗ tên là “Thập Tự Phương Nam”. Rộng lớn, làm bằng gỗ sẫm màu, có những cánh cửa sổ xanh lá cây. Tôi chắc là Freddie thuê của một người bạn ở Paris. Nhà nhô cao trên một chỗ ngoặt đường và từ đường cái khó thấy được vì nó khuất sau một rừng bách. Từ đường cái, người ta đi vào theo một chữ chi. Cả con đường cái cũng dẫn lên một nơi nào đó, song tôi không tò mò muốn biết nó tới đâu. Phòng của Denise và tôi ở lầu một và từ cửa sổ, bên trên rừng bách, chúng tôi có thể nhìn bao quát cả vùng Megève. Những ngày đẹp trời, tôi nhận ra gác chuông nhà thờ, các vệt màu đất son tạo nên bởi một khách sạn dưới chân núi Đá Nâu, nhà ga đường bộ, sân trượt băng và nghĩa địa ở mãi tận phía cuối. Freddie và Gay Orlow chiếm một phòng ở dưới nhà, cạnh phòng nghỉ, và muốn tới phòng Wildmer, còn phải đi xuống một tầng nữa vì nó ở dưới hầm và các cửa sổ của nó – sát ngay mặt đất. Nhưng chính Wildmer chọn nơi nướng nấu ở đó – trong hang của mình, như y nói.

Thoạt đầu, chúng tôi không rời khỏi căn nhà gỗ. Chúng tôi chơi bài liên miên trong phòng nghỉ. Tôi còn nhớ khá cụ thể về gian phòng này. Một tấm thảm len. Một ghế dài bọc da trên đó chạy suốt một giá sách. Một bàn thấp.

Hai cửa sổ trông ra ban công. Một người đàn bà ở gần đấy nhận đi mua giúp các thứ ở Megève. Denise đọc các cuốn tiểu thuyết trinh thám nàng tìm thấy trên giá sách Tôi cũng vậy. Freddie để râu mọc dài và mỗi lối, Gay Orlow nấu cho chúng tôi một món xúp bortsch Nga. Wildmer yêu cầu mang về điều đặn cho mình báo Paris-Sport (Paris Thể Thao) và trốn vào đáy “hang” của mình và đọc. Một buổi chiều, chúng tôi đang chơi bài bridge thì y xuất hiện, mặt mày nhẵn nhó, tay vung tờ báo. Một người viết thời luận phát lại những sự kiện nổi bật trong lĩnh vực đua ngựa mười năm gần đây trong đó có nhắc đến: “Tai nạn li kì của tay jô-kề người Anh André Wildmer ở trường đua Auteuil nhỏ xíu, bé hơn cả một con tem. Và đó là điều làm y cuống cuống lên: y sợ ai đó ở ga Sallanches hay ở Megève, trong hiệu bánh gần nhà thờ có thể nhận ra y. Sợ người đàn bà vẫn mang đồ ăn đến cho chúng tôi và lo phần nào công việc nội trợ, nhận ra y là “tay jô-kề người Anh André Wildmer”. Một tuần trước khi chúng tôi lên đường, y đã chẳng nhận được một cú điện thoại nặc danh gọi đến nhà y ở công viên Aliscamps đó sao? Một giọng nhỏ nhẹ đã nói với y: “Alô? Vẫn ở Paris đấy à, Wildmer?” Rồi phá lên cười rồi gác máy.

Tha hồ cho chúng tôi nhắc đi nhắc lại rằng y chẳng có gì phải sợ vì y là công dân Dominích, y vẫn tỏ ra hết sức bồn chồn.

Một đêm, vào quãng ba giờ sáng, Freddie đập “hang” của Wildmer rất mạnh, miệng gào lên: “Chúng tôi biết anh ở đây, André Wildmer... Chúng tôi biết anh là jô-kề người Anh André Wildmer... Ra ngay...”

Wildmer không khoái cái trò đùa ấy và suốt hai ngày trời không thém nói với Freddie. Thế rồi họ làm lành với nhau.

Trừ cái sự kiện vặt vãnh ấy, những ngày đầu ở căn nhà gỗ, mọi sự diễn ra hết sức bình lặng.

Nhưng dần dần, Freddie và Gay Orlow đâm chán cái đơn điệu trong cách dùng thì giờ của chúng tôi. Ngay cả Wildmer, tuy sợ bị nhận ra là “tay jô-kề người Anh” cũng loanh quanh lẫn quần bút rút. Là một tay thể thao, y không có thói quen nằm khan. Freddie và Gay gặp gỡ “người nọ người kia” trong những cuộc dạo chơi ở Megève. Nhiều “người” hình như cũng đến

đây lánh nạn như chúng tôi, họ tổ chức những cuộc “hội hè”. Chúng tôi nghe thuật lại qua Freddie, Gay Orlow và Wildmer, chẳng bao lâu ba người này cũng tham gia vào sinh hoạt ban đêm đó. Tôi thì cảnh giác dè chừng. Tôi ưng ở lại căn nhà gỗ với Denise hơn.

Tuy nhiên cũng có khi chúng tôi xuống làng. Chúng tôi rời căn nhà gỗ vào quãng mười giờ sáng và đi theo một con đường hai bên có những miếu thờ nhỏ. Đôi khi chúng tôi tạt vào một miếu và Denise thắp một ngọn nến. Một số miếu đóng cửa. Chúng tôi đi chậm để khỏi trượt chân trong tuyết.

Dưới nữa, một cây thập tự bằng đá sừng sững giữa một thớ bùng binh, khởi điểm của một con đường rất dốc. Trên một nửa đoạn đường này, người ta đã đặt những bậc gỗ, nhưng tuyết đã phủ lên tất cả. Tôi đi trước Denise để có thể đỡ nàng nếu nàng trượt chân. Xuống hết đường là đến làng. Chúng tôi đi dọc phố chính cho đến quãng trường tòa thị chính và trước cửa khách sạn Mint-Blanc. Quá chút nữa, trên hè phải, sừng sững tòa nhà bê-tông xám xám của bưu điện. Tại đó, chúng tôi gửi mấy bức thư cho các bạn của Denise: Léon, Hélène, người đã cho chúng tôi mượn căn hộ ở phố Cambacaré... Tôi viết cho Rubirosa một bức thư ngắn báo cho anh ta biết chúng tôi đã tới nơi tới chốn nhờ những tấm hộ chiếu của anh ta và khuyên anh ta nên đến với chúng tôi vì lần cuối cùng gặp nhau ở công sứ quán, anh ta có bảo tôi là anh ta cũng có ý định “về nông thôn nương náu”. Tôi cho anh ta địa chỉ của chúng tôi.

Chúng tôi đi lên phía núi Đá Nâu. Từ khắp các khách sạn trên đường, túa ra những tốp trẻ em đi giữa những nữ huấn luyện viên mặc quần áo thể thao màu xanh nước biển. Các em mang trên vai những ván trượt tuyết, hoặc giày trượt băng. Quả vậy, từ mấy tháng nay, người ta đã trưng dụng các khách sạn ở nơi này để phục vụ những trẻ em nghèo nhất của thành phố lớn. Trước khi quay đàng sau, chúng tôi nhìn từ xa đám người chen chúc nhau ở cửa bán vé xe vận chuyển bằng cáp treo.

Phía trên căn nhà gỗ “Thập Tự Phương Nam”, nếu theo con đường dốc qua đám cây bách, ta sẽ tới một căn nhà gỗ rất thấp, có độ một tầng. Đó là chỗ ở của người đàn bà vẫn giúp chúng tôi đi lại mua hàng. Chồng bà có mấy con bò cái, ông là người bảo vệ căn nhà “Thập Tự Phương Nam” khi

vắng chủ và trong nhà mình, ông đã bố trí một gian phòng lớn, kê bàn, đặt một quầy rượu và một bàn bi-a. Một buổi chiều, Denise và tôi lên nhà ông kiểm sửa. Ông ta không hòa nhã lắm với chúng tôi, nhưng Denise khi trông thấy bàn bi-a đã hỏi ông là nàng có được phép chơi không. Mới đầu ông có vẻ ngạc nhiên, rồi ông dịu đi. Ông bảo nàng khi nào thích thì cứ lên chơi.

Buổi tối, chúng tôi thường lên đó, sau khi Freddie, Gay Orlow và Wildmer bỏ chúng tôi để đi tham quan vào cuộc sống của Megève thời bấy giờ. Họ đề nghị chúng tôi đến tìm gặp họ ở “Ê kíp” hoặc ở một căn nhà gỗ nào đó để dự một cuộc hội giữa thân hữu, nhưng chúng tôi thích lên nhà trên hơn. Georges – đó là tên ông ta – và bà vợ chờ chúng tôi. Tôi cho rằng họ rất mến chúng tôi. Chúng tôi chơi bi-a với ông và hai, ba người bạn của ông. Denise là người chơi khá nhất. Tôi thấy lại hình ảnh nàng duyên dáng, tay cầm gậy bi-a, tôi thấy lại gương mặt dịu hiền đậm chất Á Đông của nàng, đôi mắt trong sáng, mái tóc màu hạt dẻ lóng lánh ánh đồng xoắn xuống đến tận ngang hông... Nàng mặc một chiếc săng-đay cũ màu đỏ của Freddie cho mượn.

Chúng tôi nói chuyện rất khuya với Georges và vợ ông. Georges bảo chúng tôi là một ngày kia, chắc chắn sẽ có chuyện gay go và kiểm soát giấy tờ vì những người đến nghỉ ở Megève cứ tiệc tùng liên hoan, chuốc lấy sự chú ý vào mình. Chúng tôi thì không giống bọn họ. Trong trường hợp khó khăn, hai vợ chồng ông sẽ lo cho chúng tôi.

Denise tâm sự với tôi rằng Georges làm nàng nhớ đến ông thân sinh. Chúng tôi thường hay lấy củi nhóm một đống lửa. Giờ khắc trôi qua, êm đềm và nồng ấm, và chúng tôi cảm thấy như trong gia đình.

Đôi lúc, khi những người kia đi khỏi, chúng tôi còn lại một mình ở “Thập Tự Phương Nam. Căn nhà gỗ thuộc về chúng tôi. Tôi những muốn sống lại một số đêm trong vắt khi chúng tôi ngồi ngắm cảnh làng phía dưới in rõ nét trên nền tuyết và tưởng chừng như đó là một làng thu nhỏ lại, một thứ đồ chơi mà người ta bày ở tủ kính vào dịp lễ Giáng Sinh. Những đêm ấy mọi sự đều có vẻ đơn giản, làm ta yên tâm và chúng tôi mơ tới tương lai. Chúng tôi sẽ định cư ở đây, con cái chúng tôi sẽ đi học ở trường làng, mùa

hè sẽ tới trong tiếng lục lạc của những đàn gia súc đi lang thang gặm cỏ... Chúng tôi sẽ sống một cuộc đời hạnh phúc, không có những bất ngờ.

Có những đêm khác, tuyết rơi và một cảm giác ngọt ngào chụp lấy tôi. Denise và tôi hẳn không bao giờ thoát ra khỏi. Chúng tôi bị cầm tù ở đây cùng con thung này và tuyết sẽ dần dần chôn vùi chúng tôi. Chẳng có gì đáng nản hơn những dãy núi chắn ngang chân trời kia. Nỗi kinh hoàng xâm chiếm tôi. Tôi bèn mở cửa và chúng tôi ra ban công. Tôi thở hít làn không khí lạnh thơm ngát mùi cây bách. Tôi không thấy sợ nữa. Trái lại, tôi cảm thấy một niềm thanh thoát, một nỗi buồn thanh tịnh tỏa ra từ cảnh vật. Còn chúng tôi bên trong đó thì sao? Vang âm của những cử chỉ và cuộc đời chúng tôi tôi thấy dường như nó bị nghẹt bởi cái đám bông đang rơi thành từng cục nhẹ lông quanh chúng tôi, trên gác chuông nhà thờ, trên sân trượt băng và nghĩa địa, trên cái nét vạch sẫm hơn vẽ ngang bởi con đường xuyên ngang thung lung.

Thế rồi Gay Orlow và Freddie bắt đầu mời khách tới nhà vào buổi tối. Wildmer thôi không sợ bị nhận ra nữa và tỏ ra là một tay đây trò vui nhộn rất xuất sắc. Thông thường, độ một chục người, nhiều khi hơn nữa, đến bất thần vào quãng nửa đêm và cuộc liên hoan khởi đầu ở một nhà gỗ khác lại tiếp tục rôm rả. Chúng tôi – Denise và tôi – né tránh họ nhưng Freddie yêu cầu chúng tôi ở lại một cách dễ thương đến nỗi đôi khi chúng tôi đành phải nghe theo.

Tôi hãy còn hình dung trong lơ mơ một số người. Một gã tóc nâu linh hoạt không ngừng đề nghị làm một ván pôcơ, gã đi lại di chuyển trong một chiếc xe mang số đăng ký ở Luxembourg; một gã “André-Kari” nào đó, tóc vàng rơm, mặc áo săng-day đỏ, mặt sạm vì những cuộc thi trượt tuyết đường dài, một tay khác rất to con, mặc đồ nịt bằng nhung đen và trong ký ức tôi, anh ta không ngừng quay cuồng như một con ong đực... Những hoa khôi thể thao, trong đó, có một “Jacqueline” và một “Bà Campan”.

Có khi giữa tối vui, người ta đột nhiên thổi tắt đèn phòng khách, hoặc một cặp tách khỏi mọi người, vào một phòng riêng.

Cuối cùng, về cái tay "Kuril" mà Gay Orlow đã gặp ở Sallanches, người đã mời chúng tôi lên xe của mình. Một người Nga lấy một cô vợ Pháp rất xinh đẹp. Tôi đùa rằng hẳn kinh doanh các hộp sơn và nhôm. Từ căn nhà gỗ của chúng tôi, hẳn hay "phôn" về Paris và tôi thường nhắc đi nhắc lại với Freddie rằng những lần gọi điện thoại ấy có thể khiến chúng tôi bị chú ý, nhưng ở Freddie, cũng như ở Wilmer, mọi sự thận trọng đã biến đâu mất.

Chính "Kyril" và vợ hẳn, một buổi tối, đã đưa Bob Beson và một gã "Oleg de Wredé" nào đó đến căn nhà gỗ, Beson là huấn luyện viên trượt tuyết và nhiều khách hàng của hẳn là nhân vật nổi tiếng. Hẳn thực hành môn nhảy cầu và nhiều lần hẳn ngã nguy hiểm, đã làm mặt hẳn chẳng chịt những sẹo. Hẳn đi hơi tập tễnh. Một con người nhỏ bé tóc nâu, gốc gác ở Megève. Hẳn nghiện rượu, song điều đó không ngăn hẳn trượt tuyết từ tám giờ sáng. Ngoài nghề huấn luyện viên, hẳn giữ một chân trong sở tiếp tế và với danh nghĩa đó được sử dụng một ô tô, chiếc xe hòm đen mà tôi đã nhìn thấy khi chúng tôi tới Sallanches. Wredé, một người Nga mà Gay Orlow đã gặp ở Paris, thường xuyên lưu trú ở Megève. Hình như hẳn sống bằng mưu mẹo xoay sở, bằng việc mua đi bán lại lốp xe và những phụ tùng rời, vì hẳn cũng hay "phôn" từ căn nhà gỗ về Paris và lần nào tôi cũng nghe thấy hẳn gọi một địa điểm bí ẩn là "Xưởng sửa chữa xe Sao Chổi".

Tại sao, buổi tối hôm đó, tôi lại bắt chuyện với Wredé nhỉ? Có lẽ bởi tại hẳn dễ chan hòa. Hẳn có cái nhìn thẳng thắn và một vẻ hồn nhiên vui tươi. Một chuyện không đâu cũng làm hẳn cười. Một thái độ chăm chú ân cần khiến hẳn luôn luôn hỏi han "Ông có thấy dễ chịu không?" hoặc "Ông có muốn dùng một ly rượu không?", nào là "Ông có thích ngồi cái trường kỷ này hơn là cái ghế tựa kia không?" hoặc "Đêm qua ông ngủ có ngon không?"... Một cung cách uống từng lời nói của anh, mắt tròn xoe, trán nhăn lại, như thể anh đang thốt ra những sấm truyền.

Hẳn hiểu tình cảnh chúng tôi như thế nào và rất mau chóng hỏi tôi xem chúng tôi có muốn ở lại lâu "trong những dãy núi này" không. Thấy tôi trả lời rằng chúng tôi không có cách nào khác, hẳn thì thầm tuyên bố với tôi rằng hẳn biết có một cách bí mật vượt qua biên giới Thụy Sĩ. Chẳng biết điều đó có khiến tôi quan tâm hay không?

Tôi lường lự một lát, rồi trả lời là có.

Hắn bảo tôi phải chi 60.000 Frăng mỗi người và Besson cũng can dự vào. Besson và hắn chịu trách nhiệm dẫn chúng tôi đến một điểm gần biên giới, ở đó một người đưa đường vượt biên dày dạn kinh nghiệm, bạn của chúng, sẽ thay phiên chúng. Bằng cách ấy, chúng đã đưa sang Thụy Sĩ cả chục người mà chúng kể tên ra. Tôi còn thì giờ để suy nghĩ. Hắn trở về Paris, nhưng tuần sau sẽ quay lại. Hắn cho tôi một số điện thoại ở Paris: Anteuil 54 – 73 để trong trường hợp tôi sớm quyết định, tôi có thể gọi hắn ở đó.

Tôi nói chuyện ấy với Gay Orlow, với Freddie và với Wildmer. Gay Orlow có vẻ ngạc nhiên là “Wrédé” lại lo chuyện vượt biên, nàng vốn chỉ nhìn hắn dưới dạng vẻ một thanh niên lông bông, sống lay lắt bằng buôn gian bán lận. Freddie cho rằng không cần rời khỏi nước Pháp vì chúng tôi đã có những tấm hộ chiếu Đominich che chở. Còn Wildmer thì thấy Wrédé có một bộ mặt dĩ được, nhưng cái chính là y không ưa Besson. Y khẳng định rằng những vết sẹo trên mặt Besson là giả, chính hắn tự vẽ lấy mỗi sáng bằng cách hóa trang. Kèn cựa tranh đua giữa hai nhà thể thao? Không, thật tình, y không thể chịu được Besson mà y gọi là “Các-tông bột đúc”. Denise thì thấy Wrédé “dễ có cảm tình”.

Chuyện được quyết định rất nhanh. Vì mưa tuyết. Từ một tuần nay, tuyết không ngừng rơi. Tôi lại có cảm giác ngột thở như đã từng trải qua ở Paris. Tôi tự nhủ là nếu tôi ở lại đây lâu hơn, chúng tôi sẽ mắc vào bẫy. Tôi cắt nghĩa điều ấy cho Denise hiểu.

Tuần sau, Wrédé quay lại. Chúng tôi nhất trí và chúng tôi bàn việc vượt biên cùng với hắn và Besson. Chưa bao giờ tôi thấy Wrédé nhiệt tình như thế, đáng tin cậy như thế. Cái cách vỗ vai thân mật của hắn, đôi mắt trong sáng, hàm răng trắng, thái độ vồn vã của hắn, tất cả đều làm tôi ưa thích, mặc dù Gay Orlow thường cười bảo tôi là đối với bọn Nga và Ba Lan, cần phải đề phòng.

Từ rất sớm, sáng hôm ấy, chúng tôi đã đóng gói xong hành lý, Denise và tôi. Những người kia còn ngủ và chúng tôi không muốn đánh thức họ dậy.

Tôi để lại mấy chữ cho Freddie.

Họ đợi chúng tôi ở ven đường, trong chiếc xe hòm đen của Besson, chiếc xe tôi đã thấy ở Sallanches. Wrédi cầm lái, Besson ngồi bên cạnh hẳn. Tôi tự tay mở hòm xe để chất hành lý, rồi Denise và tôi ngồi ghế sau.

Suốt chặng đường, chúng tôi không nói gì. Wrédi có vẻ bồn chồn.

Tuyết rơi: Wrédi lái từ từ: Chúng tôi theo những đường núi. Cuộc hành trình kéo dài hai tiếng đồng hồ.

Chính vào lúc Wrédi dừng xe và hỏi tiền tôi, tôi có một linh cảm mơ hồ. Tôi đưa những xấp giấy bạc cho hẳn. Hẳn đếm. Rồi quay về phía chúng tôi, hẳn mỉm cười với tôi. Hẳn bảo bây giờ, vì lý do thận trọng, chúng tôi sẽ tách ra để vượt biên giới. Tôi sẽ đi với Besson, còn hẳn đi cùng Denise và hành lý. Trong vòng một giờ, chúng tôi sẽ gặp lại nhau tại nhà các bạn hẳn ở phía bên kia... Hẳn mỉm cười. Một nụ cười kỳ dị mà tôi vẫn còn thấy lại trong mơ.

Tôi xuống xe với Besson. Denise lên ngồi trước, bên cạnh Wrédi. Tôi nhìn nàng và một lần nữa, linh cảm lại làm nhói tim tôi. Tôi muốn mở cửa xe và bảo nàng xuống để cùng đi cả hai. Nhưng tôi tự nhủ là mình bản tính quá đa nghi, hay tưởng tượng ra mọi chuyện. Denise thì có vẻ tin tưởng và trong tâm trạng vui tươi. Nàng giơ tay hôn gửi tôi.

Sáng hôm ấy, nàng mặc một chiếc măng-tô da lông chồn, một áo đen chui đầu Jacquard và một quần trượt tuyết của Freddie cho mượn. Nàng hai mươi sáu tuổi, tóc màu hạt dẻ, mắt xanh màu lá cây và cao 1,65m. Chúng tôi, chẳng có bao nhiêu hành lý: hai túi da và một vali nhỏ màu hạt dẻ thẫm.

Wrédi, miệng vẫn mỉm cười cho xe nổ máy. Tôi khoa tay làm hiệu với Denise đang cúi đầu qua cửa kính đã hạ xuống. Tôi nhìn theo chiếc xe xa dần. Đằng kia, nó chỉ còn là một chấm đen nhỏ xíu.

Tôi bắt đầu bước theo Besson. Tôi quan sát lưng hẳn và những dấu chân hẳn trong tuyết. Đột nhiên, hẳn bảo tôi là hẳn đi lên trước thám thính vì đã

đến gần biên giới. Hăn đề nghị tôi chờ hăn.

Được độ mười phút, tôi hiểu ra rằng hăn sẽ không quay lại. Tại sao tôi lại kéo cả Denise vào cái bẫy này? Tôi cố hết sức gạt cái ý nghĩ rằng Wréde cũng sẽ bỏ mặt nàng và sẽ chẳng còn lại dấu tích gì của hai chúng tôi.

Tuyết vẫn rơi. Tôi tiếp tục bước, hoài công tìm một điềm mốc. Tôi cứ thế hàng giờ, hàng giờ liền. Rồi cuối cùng, tôi nằm gục trên tuyết. Khắp xung quanh tôi, chỉ còn toàn màu trắng.

XXXVIII

Tôi xuống tàu ở Sallanches. Trời nắng. Trên quảng trường nhà ga, một chiếc xe ca đợi khách, máy vẫn nổ. Chỉ có một chiếc tắc-xi, một chiếc loại DS 19, đỗ dọc vỉa hè. Tôi leo vào xe.

- Đến Megève, tôi bảo tài xế.

Bác ta khởi động máy. Một người trạc lục tuần, tóc muối tiêu, mặc một chiếc áo vét canadiêng có cổ lông đã sờn. Bác ngậm một cái kẹo hoặc một viên bạc hà.

- Trời đẹp, hé? Bác nói với tôi.

- Ờ, phải...

Tôi nhìn qua kính cửa xe và cố nhận ra con đường chúng tôi đang theo, song không có tuyết, nó chẳng giống con đường ngày xưa một chút nào. Nắng trên hàng cây bách và trên những đồng cỏ, cái vòm do cây cối tạo nên bên trên con lộ, tất cả những màu xanh lục ấy làm tôi ngạc nhiên.

- Tôi không còn nhận ra quang cảnh nơi đây, tôi bảo bác tài.

- Ông đã từng đến đây?

- Vâng, lâu lắm rồi... và dưới mưa tuyết...

- Dưới lớp tuyết thì không còn y nguyên.

Bác lấy trong túi ra một hộp sắt tròn nhỏ, chìa cho tôi.

- Ông dùng một viên kẹo bạc hà Valda?

- Cảm ơn.

Bác cũng lấy một viên.

- Tôi thôi hút thuốc lá từ một tuần nay... Bác sĩ khuyên tôi ngậm viên Valde... Ông có hút thuốc không?

- Tôi cũng cai rồi... Này... Bác là người Megève?

- Vâng, thưa ông.

Tôi có quen mấy người ở Megève... Tôi rất muốn biết giờ họ ra sao... Chẳng hạn, tôi quen một tay tên là Bob Besson...

Bác cho xe đi chậm lại và quay về phía tôi.

- Robert? Tay huấn luyện viên ấy à?

- Vâng.

Bác gật gật đầu.

- Trước tôi học cùng trường với y.

- Ông ta ra sao rồi?

- Chết rồi. Y nhảy cầu chết cách đây vài năm.

- À, thế đấy...

- Lẽ ra y đã có thể làm được điều gì tốt đẹp... Nhưng... Ông quen y?

- Sơ sơ thôi

- Robert từ hồi còn rất trẻ đã say sưa tự hủy hoại mình, vì các khách hàng của y.

Bác mở cái hộp cắt và nuốt một viên.

- Y đã chết ngay lập tức... sau cú nhảy...

Chiếc xe car theo sau chúng tôi, cách khoảng hai chục mét. Một chiếc xe car màu xanh da trời.

- Ông ta, dạo trước chơi rất thân với một người nga, phải không? Tôi hỏi.

- Một người Nga? Besson chơi thân với một người Nga?

Bác không hiểu tôi nói gì.

- Ông biết đấy, thực ra Besson chẳng phải là một tay hay ho lắm... Y có tâm địa xấu...

Tôi hiểu là bác sẽ không nói thêm gì nữa về Besson.

- Bác có biết một căn nhà gỗ ở Megève tên là “Thập Tự Phương Nam”?

- “Thập Tự Phương Nam”?... có khá nhiều nhà gỗ tên gọi như thế...

Bác lại chìa cho tôi hộp kẹo bạc hà. Tôi lấy một viên.

- Căn nhà ấy nhô ra trên một con đường, tôi nói.

- Đường nào?

Phải, đường nào? Con đường tôi thấy trong ký ức giống bất kỳ con đường núi nào? Làm sao tìm lại được nó? Và có lẽ căn nhà gỗ ấy cũng không còn nữa. Và ngay cả nếu nó vẫn còn...

Tôi cúi mình về phía bác tài. Cầm tôi chạm vào cái cổ lông thú chiếc áo vét canadiêng của bác.

- Đưa tôi trở lại ga Sallanches, tôi nói.

Bác quay hẳn người lại phía tôi. Bác có vẻ ngạc nhiên.

- Tùy ý ông thôi.

XXXIX

Đối tượng: HOWARD DE LUZ, Alfred Jean.

Sinh tại: Cảng Louis (đảo Maurice) ngày 30 tháng 7 năm 1912, con ông HOWARD DE LUZ, Joseph Simety và bà Louise, họ cha là FOUQUEREAUX.

Quốc tịch: Anh (và Mỹ)

Ông Howard de Luz đã lần lượt ở.

Lâu đài Saint-Lazare ở Valbreuse (Orme).

23 phố Raynouard, Paris (Q.16).

Khách sạn Chateaubriand, 18 phố Xiếc, Paris (Q.8)

56 phố Montaigne, Paris (Q.8)

25 đại lộ Thống chế Lyautey, Paris (Q.16)

Ông Howard de Luz, Alfred Jean, không có nghề nghiệp nhất định ở Paris.

Nghe nói từ 1934 đến 1939, ông chuyên tìm kiếm và mua các đồ gỗ cho một ngoại kiều Hy Lạp ở Pháp tên là Kimmy Sttern và nhân dịp đó, đã làm một chuyến đi dài sang Mỹ, quê của bà nội ông ta.

Hình như ông Howard de Luz, tuy thuộc một gia đình Pháp ở đảo Maurice, đã được hưởng hai quốc tịch Anh và Mỹ.

Năm 1950, ông Howard de Luz đã rời Pháp sang định cư ở Polynésie, đảo Padipi, gần Bora Bora (quần đảo Xã hội).

Kèm theo tấm phích này là mẫu thư sau đây: “Bạn thân mến, xin bạn thứ lỗi về việc tôi chậm truyền đạt những thông tin mà chúng tôi nắm được về ông Howard de Luz vốn là ngoại kiều Anh (hoặc Mỹ), không để lại mấy dấu tích ở sở chúng tôi:

“Gửi bạn và Hutte lời chào thân ái.

“J.P. Bernady”

XL

Ông Hutte thân yêu, tuần tới tôi sẽ rời Paris đến một đảo Thái Bình Dương, nơi tôi có chút cơ may tìm một người có thể cho tôi biết về những gì đã từng là cuộc đời trước kia của tôi. Hình như đó là một người bạn thời trẻ.

Cho đến nay, mọi sự đối với tôi có vẻ rất hỗn độn, rất lộn xộn... Những mảnh rời, những mảnh nhỏ của một cái gì chợt trở lại trong trí tôi trong quá trình tìm kiếm... Nhưng xét cho cùng, có lẽ một đời người là thế.

Có đúng là đời tôi không hay là đời người khác mà tôi đã lên vào?

Từ nơi kia, tôi sẽ viết thư về cho ông.

Tôi hy vọng mọi sự đều ổn với ông ở Nice và ông dành được cái chân thủ thư mà ông khao khát ở cái nơi gợi nhớ thời thơ ấu của ông.

XLI

Autauil 54-73, XƯỞNG SỬA CHỮA XE HƠI SAO CHỖI – 5 phố
Foucault; Paris 16.

XLII

Một con phố đâm ra bến tàu, trước những khu vườn Trocadéro, và tôi có cảm giác phố này đã là nơi trú ngụ của Waldo Blunt, người nghệ sĩ dương cầm Mỹ mà tôi đã theo về tận nhà và là người chồng đầu tiên của Gay Orlow.

Xưởng sửa chữa xe hơi đã đóng cửa từ lâu, nếu căn cứ vào cánh cửa sắt lớn chết gị. Phía trên cửa, trên mảng tường xám, mặc dầu những chữ cái xanh lơ đã nhòa một nửa, ta vẫn còn đọc được: XUỞNG SỬA CHỮA XE HƠI SAO CHỐI.

Trên lầu một, phía tay phải, một cửa sổ rủ màn màu hồng. Cửa sổ một phòng ngủ? một văn phòng? Gã người Nga có ở trong đó không, khi tôi từ Megève gọi điện thoại về số AU Teuil 54 – 73? Hẳn tiến hành những hoạt động gì ở Xưởng sửa chữa xe hơi Sao Chối? Làm sao biết được? Mọi sự đều có vẻ quá xa xăm trước ngôi nhà bỏ hoang này...

Tôi quay trở lui và đứng lại một lúc trên bến tàu. Tôi nhìn xe cộ lao vun vút và những ánh đèn bên kia sông Seine gần Quãng Trường Tháng Ba. Một cái gì của đời tôi có lẽ còn sót lại ở đó, trong một căn hộ nhỏ bên rìa những khu vườn, một người đã từng biết tôi và còn nhớ tôi.

XLIII

Một người đàn bà đứng ở một cửa sổ một tầng trệt, góc phố Rude và phố Sài Gòn, có nắng và trẻ còn chơi bóng trên vỉa hè, cách đó một chút. Người ta không ngừng nghe thấy bọn trẻ kêu “Pedro” vì có một đứa tên như thế và những đứa khác vừa gọi nó vừa tiếp tục chơi. Và cái tiếng “Pedro” ấy, gào bằng những giọng lạnh lạnh, vang lên một cách kỳ lạ trong con phố.

Từ cửa sổ mình, bà không nom thấy bọn trẻ, Pedro. Bà đã từng biết một người có mang cái tên đó, cách đây lâu rồi. Bà cố nhớ xem đó là vào thời kỳ nào, trong khi vắng đến tai bà những tiếng la, tiếng cười, tiếng bình bịch của những trái bóng đập vào tường. Ở phải. Đó là vào hồi bà làm Mannocanh ở tiệm may của Alex Maguy. Bà đã gặp một cô nàng Denise nào đó, tóc vàng, mặt hơi có vẻ Á Đông, cũng làm công việc khâu may. Hai người lập tức có thiện cảm với nhau.

Cô Denise này sống với một người đàn ông tên là Pedro. Chắc hẳn là một người Nam Mỹ. Thật vậy, bà nhớ ra rằng tay Pedro này làm việc ở một sứ quán. Một gã cao lớn tóc nâu mà bà có thể hình dung lại diện mạo khá rõ nét. Bây giờ gặp, bà vẫn còn có thể nhận ra, nhưng chắc y đã già đi nhiều.

Một buổi tối, cả hai người đã đến đây, tại nhà bà, phố Sài Gòn. Bà đã mời mấy người bạn đến ăn tối. Tay diễn viên Nhật Bản cùng cô vợ có bộ tóc vàng san hô ở ngay gần đây, phố Chalgrin, Ecelyne, kèm theo một chàng trai xanh xao, một người khác bà quên mất tên và Jean-Claude, anh chàng Bỉ đang tán bà... Bữa ăn tối rất vui. Bà nghĩ rằng Pedro và Denise thật đẹp đôi.

Một đứa trẻ đã bắt trái bóng bóng, thì vào người và xoạc dài căng tách khỏi bọn kia. Bà trông thấy chúng chạy qua trước cửa sổ. Thằng bé ôm bóng hỗn hển lao ra đại lộ Đại quân. Nó băng qua đường, trái bóng vẫn ghì vào người. Tụi kia không dám theo và đứng im nhìn nó chạy trên vỉa hè đối diện. Nó đẩy bóng bằng chân. Ánh nắng làm nước mạ crôm của những

chiếc xe đạp lấp lánh trong mắt kính của cửa hàng bán xe đạp nối tiếp nhau dọc đại lộ.

Nó đã quên bọn kia. Nó chạy một mình với trái bóng và rẽ tay phải vào phố Anabole Lò Rèn, chân vẫn rê bóng.

XLIV

Tôi áp trán vào cửa sổ khoang tàu. Hai người đàn ông vừa đi bách bộ trên boong vừa chuyện gẫu, ánh trắng nhuộm da mặt họ một màu tro. Cuối cùng họ đứng dựa khuỷu lên lan can thành tàu.

Tôi không ngủ được, mặc dầu biển lặng sóng. Tôi giở ảnh của tất cả chúng tôi, lần lượt xem từng cái một, của Denise, của Freddie, của Gay Orlow và chừng nào con tàu tiếp tục cuộc hành trình, chúng tôi càng mất dần tính thực tại. Đã có bao giờ chúng từng tồn tại? Tôi chợt nhớ lại những gì người ta nói với tôi về những hoạt động của Freddie ở Mỹ. Cậu ta đã từng là “người tâm sự của John Gilbert”. Và những từ đó gợi cho tôi những hình ảnh: hai người đàn ông bước đi cánh sát cánh trong khu vườn bỏ hoang của một biệt thự, dọc theo một sân quần vợt phủ đầy lá chết và cành gãy, người cao lớn hơn – Freddie – cúi về phía người kia đang rủ rủ nói và chắc chắn là John Gilbert.

Lúc sau, tôi nghe thấy tiếng xô đẩy, những tiếng cười nói trong những lối đi dọc mạn tàu. Người ta tranh nhau một cái t'rompét để thổi những phách đầu của bài *bên cạnh người đẹp tóc vàng của tôi*. Cửa cabin bên cạnh tôi sập đóng. Có nhiều người ở trong đó. Lại những nhịp cười giòn tan, tiếng ly cốc chạm nhau lạnh tanh, những tiếng thở gấp gáp, một tiếng rên khe khẽ và kéo dài...

Có ai lảng vảng dọc các lối đi mạn tàu, vừa lắc một cái chuông nhỏ, vừa nhắc đi nhắc lại bằng một giọng lạnh lót của lễ sinh rằng chúng ta đã qua bên kia Xích đạo.

XLV

Đằng kia, những đèn hiệu đỏ chạy dài thành hàng, thoát đầu, người ta tưởng như chúng bồng bênh trôi trên bờ biển. Người ta lơ mơ hình dung một trái núi bằng lụa xanh sẫm. Nước bằng lặng sau khi qua những đá ngầm.

Chúng tôi vào vùng Papeete.

XLVI

Người ta giới thiệu tôi đến một tay Fribourg nào đó. Ông ta ở Bora Bora từ ba mươi năm nay và quay những phim tài liệu về các đảo trên Thái Bình Dương mà ông ta thường có thói quen giới thiệu ở rạp Pleyel, Paris. Đó là một trong những người biết châu Úc rành nhất.

Thậm chí tôi không cần đưa cho ông xem ảnh Freddie. Ông đã gặp Freddie nhiều lần khi ông ghé đảo Padipi. Ông mô tả Freddie như một người cao gần hai mét, không bao giờ rời đảo của mình, hoặc nếu có thì chỉ một mình trên con thuyền hai buồm dọc, làm những chuyến đi dài qua các đảo san hô vòng Touamotou và thậm chí đến tận quần đảo Marqueses.

Fribourg đề nghị đưa tôi đến Padipi. Chúng tôi xuống một thứ tàu đánh cá. Đi cùng chúng tôi, có một gã Maori to béo không rời Fribourg nửa bước. tôi chắc họ sống chung với nhau. Một cặp kì dị: một con người nhỏ bé có dáng dấp hướng đạo sinh trưởng ngày xưa, mặc một chiếc quần golf sò và sơ-mi cộc tay, đeo kính gọng sắc và một gã Maori to béo da đỏ au màu đồng. Gã này mặc một cái quần xà lỏn và một áo chên vải bông màu xanh da trời. trong chuyến đi, gã kể cho tôi nghe bằng giọng nhẹ nhàng rằng hồi thiếu niên gã đã chơi bóng đá với Alain Gerbault.

XLVII

Trên đảo, chúng tôi theo một lối đi phủ cỏ, hai bên trồng dừa xa kê. Đôi chỗ, một bức tường trắng cao ngang hông đánh dấu giới hạn của một khu vườn ở giữa một ngôi nhà – đều một kiểu như nhau với một hàng hiên và một mái tôn sơn xanh.

Chúng tôi đâm ra một cánh đồng cỏ lớn xung quanh rào đầy kẽm gai. Bên tay trái, một dãy lán hàng trong đó có một nhà hai tầng quét vôi màu be phơn phớt hồng. Fribourg giải thích cho tôi đó là một sân bay cũ do Mỹ xây dựng trong chiến tranh Thái Bình Dương và đó chính là nơi Freddie ở.

Chúng tôi vào ngôi nhà hai tầng. Ở tầng dưới, một căn phòng với một giường, một cái màn, một bàn giấy và một ghế bành mây. Một cửa dẫn vào một buồng tắm thô sơ.

Ở tầng một và tầng hai, các gian phòng đều trống không, các cửa sổ khuyết nhiều ô kính. Một vài đóng vôi gạch vụn giữa các hành lang. Trên một bức tường, còn treo một bản đồ quân sự khu Nam Thái Bình Dương.

Chúng tôi trở lại căn phòng chắc là của Freddie. Những chú chim lông nâu lén vào qua cửa sổ hé và đậu thành hàng quan sát trên giường, trên bàn giấy và trên giá sách gần cửa. Chúng đến mỗi lúc một đông. Fribourg bảo tôi đó là giống chim két đảo Moluques, chúng gặm tất cả mọi thứ, giấy, gỗ, thậm chí cả tường nhà...

Một người đàn ông bước vào phòng. Bác ta mặc quần xà lỏn và râu bạc trắng. Bác ta nói gì với gã Maori to béo đi theo Fribourg như cái bóng và gã vừa dịch vừa khẽ núng nính thân mình. Cách đây khoảng hai mươi lăm ngày, chiếc thuyền hai buồm dọc mà Freddie định dùng để làm một chuyến đi đến tận đảo Marquises đã quay về vướng vào đá ngầm san hô của đảo và không thấy có Freddie trên thuyền.

Bác ta hỏi chúng tôi có muốn xem qua con thuyền không và dẫn chúng tôi đến bờ con hồ mạn. Thuyền nằm đó, cột buồm gãy và hai bên sườn có cột những lớp xe vận tải để bảo vệ.

Fribourg tuyên bố là ngay sau khi trở về, chúng tôi sẽ yêu cầu tiến hành tìm kiếm. Gã Maori to béo mặc áo chén màu xanh nhạt nói với ông già kia bằng một giọng rất cao. Tưởng như gã kêu lên những tiếng nho nhỏ. Chẳng mấy chốc, tôi chẳng buồn mấy may chú ý đến họ nữa.

Tôi không biết mình đã ở lại bao lâu bên bờ hồ. Tôi nghĩ đến Freddie. Không, chắc chắn y không mất tích ngoài biển. Hẳn là y đã quyết định cắt nốt những ràng buộc thể tục cuối cùng và trốn biệt trên một đảo san hô nào đó. Cuối cùng, rồi tôi cũng sẽ tìm thấy y. Vả lại, tôi còn phải thử một bước tiến hành tối hậu: đến cái địa chỉ cũ của tôi ở Rome, Phố Những Cửa Hiệu U Tối, số nhà 2.

Chiều xuống, con hồ tắt dần theo chùng với màu xanh lục của nó tiêu. Trên mặt nước, vẫn còn lờn vờn những bóng xám xám hoa cà, thành một hiện tượng lân quang lơ mờ.

[1] . Nhà xuất bản Hội nhà văn và Hội nghiên cứu Giảng dạy Văn học thành phố Hồ Chí Minh, 1989, bản dịch của Dương Tường.

[2] . Tên gọi loại sách cầm nang ra hàng năm, thông tin về những nhân vật (và sự việc) đáng kể trong các giới giao tế, công thương, điện ảnh, v.v... lấy tên người sáng lập là nhà thống kê Sébastien Bottin (1764—1853). Các chú thích trong bản tiếng Việt này đều là của người dịch.

3. Kiểu nhà gỗ một tầng.

[4] . Ý muốn nói cuộc di trú của những người Nga sau cách mạng tháng Mười.

[5] . Cách gọi thân mật của Stéphan.

[6] Đây có lẽ là đảo Brillancourt nằm giữa sông Seine.

[7] Một con đường dạo chơi ngoạn mục ở Nice.

[8] Grand Pavois: Toàn bộ cờ xí giăng ra trên tàu trong dịp lễ hội.

- [9] Cà phê pha bằng áp lực hơi nước.
- [10] Quân đội Phát xít Đức
- [11] Loại lạc đà không bướu
- [12] Thành phố cảng chính của Chilê trên Thái Bình Dương
- [13] Tiếng tây Ban Nha: Cái đồng hồ
- [14] Nt: Em làm anh thành quen.
- [15] Tiếng Tây Ban Nha: Em làm anh thành quen